

# SÁNG TẠO XÂY VỮNG BỀN



**2013**  
BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN

The background is a grayscale, futuristic landscape with rolling hills and a bright horizon. A large, glowing red arc with a bright point at its apex curves across the upper left portion of the sky. In the bottom right corner, there is a bright red, five-pointed starfish.

### **TẦM NHÌN**

Trở thành nhà thầu khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới.

### **SỨ MỆNH**

Cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực, tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những dịch vụ chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.

# Mục lục

## TẦM NHÌN - SỨ MỆNH



|         |   |
|---------|---|
| 04 - 05 | THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC              |
| 06 - 09 | QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 12 NĂM |
| 10 - 11 | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH                     |
| 12 - 13 | SƠ ĐỒ TỔ CHỨC                             |
| 14 - 15 | VỐN CỔ PHẦN / CƠ CẤU CỔ ĐÔNG              |
| 16 - 17 | CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU            |
| 18 - 20 | GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ              |
| 21      | GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT                  |
| 22 - 25 | GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC              |

## SÁNG TẠO TỪ TRÁI TIM



|         |  |
|---------|--|
| 90      | TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG (CSR)                          |
| 91      | CHUNG TAY PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHUNG VÀ KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG |
| 92 - 93 | CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG - MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC                |

## SÁNG TẠO TỪ TRÍ TUỆ



|         |  |
|---------|--|
| 28 - 33 | BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ              |
| 34 - 37 | BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT                  |
| 38 - 43 | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC              |
| 44 - 47 | PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2013  |
| 48 - 55 | PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH                 |
| 56 - 75 | SƠ LƯỢC CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ THÀNH QUẢ |
| 76 - 77 | GIẢI THƯỞNG & THÀNH TỰU                    |

## SÁNG TẠO XÂY VỮNG BỀN



|           |  |
|-----------|--|
| 96 - 97   | THÔNG ĐIỆP VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG                          |
| 98 - 101  | GIÁ TRỊ NỘI LỰC VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG                     |
| 102 - 107 | HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO HIỆN HỮU VÀ DỰ ÁN QUẢN TRỊ RỦI RO |
| 108 - 109 | MINH BẠCH THÔNG TIN  |
| 110 - 115 | AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG - CHẤT LƯỢNG               |

## SÁNG TẠO TỪ NHIỆT HUYẾT



|         |   |
|---------|---|
| 80 - 81 | THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ VÀ TRIỂN VỌNG DỊCH VỤ KHOAN              |
| 82 - 83 | TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN GIÀN KHOAN TỰ NÂNG THỂ HỆ MỚI          |
| 84 - 85 | NĂNG ĐỘNG NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ KHOAN NƯỚC SÂU |
| 86 - 87 | ĐẦU TƯ VÀ ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC KHOAN                    |

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH



|           |                                    |
|-----------|------------------------------------|
| 118 - 162 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI |
|-----------|------------------------------------|

## Thông điệp của Tổng Giám đốc

DOANH THU  
**14.867** TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN  
**1.883** TỶ ĐỒNG

KÍNH GỬI QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG,  
NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC

### Lại thêm một năm thành công nữa của PV Drilling, năm 2013!

Trong một năm còn nhiều khó khăn và thử thách, chúng tôi tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, vận hành hiệu quả và an toàn các giàn khoan và dịch vụ khoan. Kết quả kinh doanh, PV Drilling đạt được 14.867 tỷ đồng doanh thu và 1.883 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương ứng tăng 25% và 42% so với năm 2012. Chúng tôi tự hào và ghi nhận những nỗ lực của toàn thể CBCNV đã mang lại kết quả ngoài mong đợi như trên, với con số lợi nhuận sau thuế gần chạm mốc 2.000 tỷ đồng. Đây là điểm mốc quan trọng mà chúng tôi đã đặt mục tiêu trong năm 2014.



Thế nhưng, điều chúng ta thực sự tự hào không chỉ dừng lại ở các chỉ số kinh doanh, mà chính là sự tăng trưởng giá trị công ty, đã và đang minh chứng cho một chiến lược phát triển bền vững đúng đắn.

Trong năm 2013, chúng ta phát hành thành công 40 triệu cổ phần, mang lại nguồn thặng dư đủ để tài trợ các dự án đầu tư giàn khoan và máy móc thiết bị hiện đại.

Tình hình tài chính được cải thiện vững mạnh nhất trong những năm qua, là kết quả của sự tích lũy tăng trưởng trong kinh doanh, quản trị công ty hiệu quả và bảo đảm chất lượng dịch vụ cao nhất cho khách hàng dựa trên nền tảng kỹ thuật công nghệ cao, tiên tiến.

Hệ thống HSEQ thường xuyên cải tiến và các chương trình đào tạo nâng cao nguồn nhân lực đã góp phần không nhỏ vào việc vận hành an toàn 10 giàn khoan, bao gồm các giàn sở hữu và giàn thuê, với hiệu suất hoạt động luôn trên 98%, đặc biệt giàn khoan PV DRILLING I đạt mốc 7 năm Zero LTI (Lost Time Incident). Hệ thống quản lý và các chương trình đào tạo thường xuyên này còn góp phần gia tăng chất lượng dịch vụ, giữ vững thị phần các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan từ 70% - 90% thị phần trong nước.

Như là sự khích lệ hơn nữa cho những thành quả trên, PV Drilling vinh dự nhận những giải thưởng lớn trong năm 2013 như "Doanh nghiệp được ngưỡng mộ nhất trong khối ASEAN", "Nhà thầu khoan tốt nhất khu vực Châu Á năm 2013", top 10 "Báo cáo thường niên tốt nhất", "Báo cáo phát triển bền vững có độ tin cậy cao nhất", v.v... Từ vị trí một thương hiệu dầu khí non trẻ, đến nay PV Drilling đã được nhiều công ty dầu khí đa quốc gia biết đến và tự tin đủ năng lực mang thương hiệu ra thị trường quốc tế.

### Sáng tạo để xây vững bền

Năm 2014, nhiều dự án vẫn còn đang bộn bề trong thời gian ngắn ngủi của một năm. Chúng tôi hiểu, PV Drilling đang trong giai đoạn tích lũy quan trọng nhằm chuẩn bị bước sang một quỹ đạo tăng trưởng mới. Có nhiều cơ hội và thách thức đang ở phía trước, khi thị trường dầu khí tiếp tục sôi động, đồng thời cũng gia tăng sự cạnh tranh. Chúng tôi biết rằng, cần phải luôn thay đổi, sáng tạo trong suy nghĩ và hành động, tự tạo cơ hội cho chính mình để hội nhập vào môi trường cạnh tranh thế giới.

Với tầm nhìn trở thành nhà thầu khoan uy tín tầm cỡ quốc tế, PV Drilling tiếp tục triển khai chiến lược mở rộng ra thị trường nước ngoài, nghiên cứu phát triển kỹ thuật khoan tại các khu vực nước sâu.

Cụ thể hơn cho mục tiêu trọng tâm này, chúng tôi tập trung vào dự án xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, một dự án có độ phức tạp cao do tính chất đặc thù ngành dầu khí. Qua đó, công tác quản trị rủi ro sẽ không ngừng được nâng cao và cải tiến, hình thành một văn hóa phòng chống rủi ro gắn liền cùng trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng xung quanh.

Chúng tôi còn tập trung nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao, trong đó nhiều đề tài nghiên cứu đang được Hội đồng Khoa học Công nghệ tại PV Drilling tích cực thúc đẩy và hỗ trợ sát sao trong những năm qua.

Hơn thế nữa, chúng tôi tiếp tục gìn giữ và phát huy giá trị nguồn nhân lực, vốn được xem là thế mạnh và giá trị cốt lõi. Bằng các chính sách lương bổng phù hợp và đầu tư nâng cao môi trường làm việc thân thiện, chúng tôi đang cố gắng kích thích lòng nhiệt huyết và gắn kết giữa các CBCNV; cũng như thu hút thêm đội ngũ nhân sự chất lượng cao cho nhu cầu nguồn nhân lực giàn PV DRILLING VI đang gấp rút hiện nay.

Đổi mới, sáng tạo để xây dựng một nền tảng vững bền hơn, để khoan sâu hơn, vươn xa hơn. Đó là niềm tin vào một tương lai vững mạnh, được ghi dấu bằng việc thay đổi nhận dạng thương hiệu trong năm 2014. Chúng tôi tin tưởng rằng, bằng việc tập trung phát huy những giá trị cốt lõi, tăng cường những giá trị nội lực, PV Drilling sẽ nhanh chóng bước vào quỹ đạo tăng trưởng mới, mạnh mẽ và bền vững, trong một tương lai không xa.

Thay mặt cho hơn 1.900 CBCNV, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Nhà đầu tư, Đối tác, Khách hàng đã luôn quan tâm và tiếp sức cho PV Drilling trong suốt chặng đường phát triển, góp phần để PV Drilling đạt được những thành quả như ngày hôm nay. Niềm tin và sự hỗ trợ của Quý vị luôn là động lực để chúng tôi tiếp tục phát triển, vươn lên cao, tiến lên phía trước.

Tổng Giám đốc

**PHẠM TIẾN DŨNG**

## Quá trình hình thành và phát triển 12 năm (2001-2013)

### 2001

Thành lập Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) trên cơ sở tiếp nhận nguồn nhân lực từ Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore). Tại thời điểm này, PV Drilling có 3 đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Khoan dầu khí, Xí nghiệp Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí và Xí nghiệp Ứng cứu Sự cố Trần dầu.

### 2004

Thành lập Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan và thử vỉa nay là Công ty TNHH Một thành viên Địa vật lý Giếng khoan Dầu khí (PVD Logging).

### 2005

PV Drilling chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 3477/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

### 2006

Niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán "PVD" trên sàn chứng khoán Việt Nam với vốn điều lệ tại thời điểm này là 680 tỷ đồng.

Thành lập Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp nay là Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ khoan Dầu khí PVD (PVD Tech).

Thành lập Công ty Liên doanh BJ – PV Drilling.

### 2007

Khánh thành giàn khoan PV DRILLING I là giàn khoan biển tự nâng đa năng đầu tiên do người Việt Nam sở hữu 100%.

Khánh thành Giàn khoan đất liền PV DRILLING 11.

Thành lập Xí nghiệp Điều hành khoan (PVD Drilling Division).

Thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (PVD Well Services).

### 2008

Thành lập Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling - PTI, nay là Công ty TNHH PV Drilling Expro International (PVD - Expro).

Sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) vào PV Drilling, nâng giá trị tổng tài sản của Tổng Công ty lên đến trên 12.000 tỷ đồng và vốn điều lệ của Tổng Công ty lên đến 2.105 tỷ đồng.



Vốn điều lệ năm 2013



Tổng tài sản năm 2013

### 2009

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) công nhận liên tục 2 năm vận hành an toàn, không xảy ra LTI (Zero Lost Time Incident) với hiệu suất 99,9%.

Tiếp nhận hai giàn khoan biển tự nâng đa năng PV DRILLING II & PV DRILLING III.

Nhận được nhiều giải thưởng cũng như đánh giá tích cực của cộng đồng trong và ngoài nước như: "Cổ phiếu vàng 2009", Cúp vàng "Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2009".

### 2010

Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (PVD Invest).

Thành lập Liên doanh PVD – Baker Hughes.

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) ghi nhận thành tích 03 năm liên tục vận hành an toàn sau đúng 3 năm đi vào hoạt động. Giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 1 năm hoạt động an toàn, không xảy ra LTI từ khi đưa vào vận hành năm 2009.

Lần đầu tiên nghiên cứu và triển khai thành công hợp đồng cung cấp dịch vụ trọn gói (Bundled Services).

Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đầu tư giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) và thành lập Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí nước sâu PVD (PVD Deepwater).

Mở rộng thị phần khoan thông qua việc thuê thêm giàn khoan từ các đối tác nước ngoài để kịp thời cung ứng cho thị trường trong nước.

Vinh dự được bình chọn và nhận Giải thưởng "Giải xuất sắc Báo cáo thường niên năm 2010", Cúp vàng cho "Thương hiệu Chứng khoán uy tín 2010" và "Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010".

### 2011

Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng.

Tiếp nhận giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm công nghệ cao đầu tiên tại Việt Nam - PV DRILLING V.

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) ghi nhận thành tích 04 năm liên tục vận hành an toàn, không xảy ra LTI, hiệu suất vận hành đạt 99,4%. Giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 2 năm hoạt động an toàn kể từ ngày đưa vào vận hành năm 2009, đạt hiệu suất tương ứng 99,53% và 96,9%.

Cung cấp thành công dịch vụ khoan kiểm soát áp suất (MPD) và định hướng phát triển MPD trở thành dịch vụ mũi nhọn của đơn vị thành viên PVD Well Services.

PVD Training được công nhận cấp phép đào tạo An toàn biển (T-BOSIET, T-FOET và T-HUET) theo chuẩn mực quốc tế OPITO (Offshore Petroleum Industry Training Organization) của ngành công nghiệp Dầu khí toàn cầu.

Ký kết thành lập Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech – Oil States Industries (PVD-OSI).

Vinh dự được bình chọn và nhận Giải thưởng "Giải đặc biệt xuất sắc Báo cáo thường niên năm 2010".

## Quá trình hình thành và phát triển 12 năm (2001-2013) (tiếp theo)



### 2012

Nhận Giải thưởng “Nhà thầu khoan Dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á năm 2012” (Best Oil and Gas Drilling Contractor in Asia, 2012) do Tạp chí World Finance của Vương quốc Anh trao tặng.

Nhận Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao của Bộ Khoa học Công nghệ cho “Dự án Ứng dụng Công nghệ Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại vùng biển nước sâu Việt Nam”.

Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng cho đơn vị thành viên PVD Well Services.

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) ghi nhận thành tích 5 năm liên tục vận hành an toàn, không xảy ra LTI, hiệu suất vận hành đạt 99%. Giàn khoan PV DRILLING II & PV DRILLING III đạt 3 năm hoạt động an toàn, hiệu suất tương ứng đạt 99,7% và 98,2%. Giàn PV DRILLING 11 cũng hoạt động an toàn kể từ khi đưa vào vận hành trở lại vào tháng 11/2011, đạt hiệu suất 99,7%.

Lần đầu tiên đưa vào vận hành an toàn và hiệu quả giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V (TAD), một trong các giàn khoan hiện đại nhất trong các thể hệ giàn khoan tiếp trợ trên thế giới hiện nay, đạt hiệu suất trên 96%.

Vinh dự được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bình chọn là “Doanh nghiệp có thành tích liên tục đạt Giải Báo cáo thường niên tốt trong 5 năm qua” - là một trong 15 doanh nghiệp được tặng bằng khen ghi nhận nỗ lực minh bạch thông tin của các doanh nghiệp niêm yết nhiều năm qua.

Bàn giao đưa vào sử dụng Căn cứ Ứng phó Sự cố Tràn dầu tại Vũng Tàu và Tàu Nasos II, góp phần nâng cao năng lực ứng cứu tràn dầu quốc gia của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động của đơn vị thành viên PVD Tech thành Công ty Cổ phần và đưa Liên doanh PVD – OSI đi vào hoạt động. Đồng thời, hoàn tất việc đầu tư để nắm giữ 51% vốn điều lệ của Liên doanh Vietubes, qua đó công tác nội địa hóa tiện ren ống chống sẽ được hỗ trợ và đẩy mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như gia tăng hiệu quả kinh tế cho PVD Tech và PV Drilling.



### 2013

Vinh dự nhận Giải thưởng “Doanh nghiệp được ngưỡng mộ nhất trong khối ASEAN” về thành tích Doanh nghiệp quy mô lớn có sự tăng trưởng vượt bậc (Most Admired ASEAN Enterprise for the Category of Growth - Large Company).

Lần thứ 2 được vinh dự đón nhận Giải thưởng “Nhà thầu khoan Dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á năm 2013” do tạp chí World Finance của Vương quốc Anh trao tặng.

Vinh dự được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bình chọn là doanh nghiệp 5 năm liên tục đạt giải Báo cáo thường niên tốt nhất. Bên cạnh đó, vượt qua hơn 6.000 BCTN từ hơn 20 quốc gia trên thế giới, năm nay PV Drilling đã nhận thêm “Giải cao nhất và duy nhất trong lĩnh vực năng lượng quốc tế” và “Giải Bạc cho BCTN có sự tiến bộ nhất trên toàn thế giới” từ Hiệp hội LACP (the League of American Communications Professionals of the USA); Giải Vàng cho BCTN trong lĩnh vực Dịch vụ sản xuất dầu khí thuộc khu vực không sử dụng tiếng Anh và Giải khuyến khích cho phần nội dung về Số liệu tài chính từ ARC (Mercomm Inc. of the USA).

Chào bán thành công 38 triệu cổ phần riêng lẻ cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và nhà đầu tư tài chính quốc tế nhằm hỗ trợ nguồn vốn đầu tư giàn khoan PV DRILLING VI.

Được đưa vào sử dụng từ năm 2012, Căn cứ Ứng cứu Sự cố Tràn dầu tại Vũng Tàu và tàu Nasos II đã hoạt động vô cùng hiệu quả trong năm 2013, góp phần nâng cao năng lực ứng cứu tràn dầu quốc gia của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Các giàn khoan của PV Drilling liên tục vận hành hiệu quả và an toàn không xảy ra tai nạn mất thời gian lao động (Zero LTI): Giàn khoan PV DRILLING I đạt 6 năm Zero LTI, hiệu suất vận hành đạt 98,84%; Giàn khoan PV DRILLING II và giàn khoan PV DRILLING III đạt 4 năm Zero LTI, hiệu suất vận hành lần lượt đạt 97,14% và 99,36%; Giàn khoan PV DRILLING V đạt 1 năm Zero LTI, hiệu suất vận hành đạt 96,36%.

Triển khai Dự án “Thành lập Liên doanh PV Drilling - FEG tại Singapore để đầu tư và vận hành giàn khoan dầu khí”, đảm bảo giàn khoan mới được hoàn thành đúng tiến độ để ra, kịp thời cung cấp cho các dự án khoan mới của đối tác.

Tích hợp thành công hệ thống quản lý và kiểm soát hàng tồn kho (Maximo) vào hệ thống quản lý nguồn lực (ERP Oracle). Triển khai xây dựng hệ thống Business Intelligence & Budget Planning. Hoàn tất việc chọn nhà thầu cho việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trong toàn PV Drilling.

## Ngành nghề kinh doanh

PV DRILLING CHUYÊN CUNG CẤP GIÀN KHOAN VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHOAN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC:



**PV DRILLING I**



**PV DRILLING II**



**PV DRILLING 11**



**PV DRILLING III**



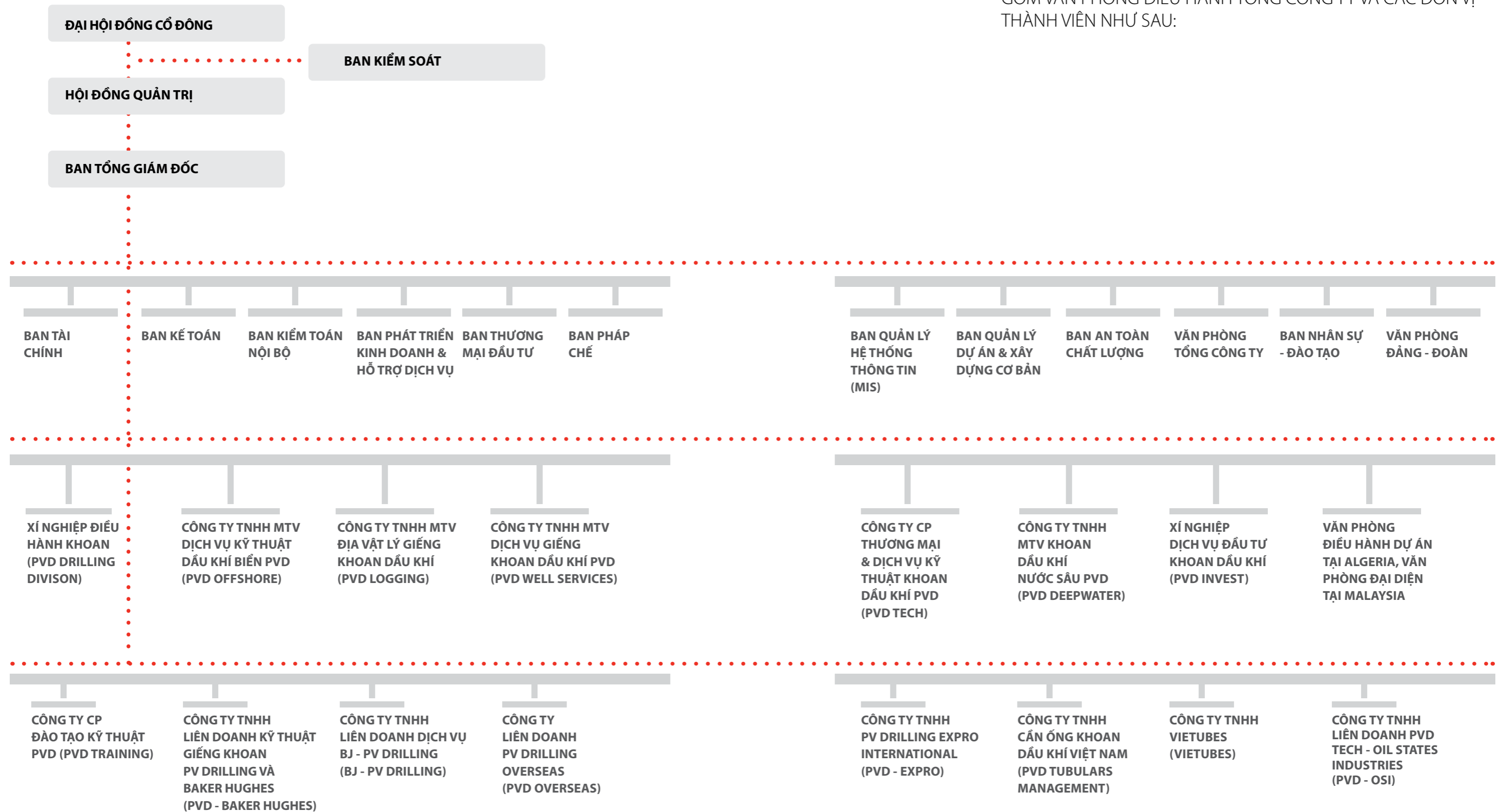
**PV DRILLING V**

- Sở hữu và điều hành giàn khoan biển & đất liền;
- Dịch vụ thiết bị khoan;
- Đo karota khí và cung cấp chuyên gia địa chất;
- Kéo thả ống chống;
- Dịch vụ thiết bị đầu giếng;
- Ứng cứu sự cố dầu tràn;
- Sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí;
- Đào tạo, cung cấp nhân lực khoan;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Cung cấp vật tư, thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Bảo trì thiết bị công nghiệp: lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các cụm thiết bị và dây chuyền công nghiệp;
- Chế tạo ống chống, thiết kế chế tạo cụm thiết bị và kết cấu kim loại;
- Dịch vụ kỹ thuật khác hợp tác với các đối tác nước ngoài: Bơm trám xi măng và kích thích vỉa; Cung cấp dịch vụ trọn gói OCTG, sửa chữa bảo dưỡng OCTG; Thử vỉa và khai thác sớm; Khoan định hướng và khảo sát; Đo trong khi khoan; Lấy mẫu lõi; Đo địa vật lý giếng khoan (trừ dịch vụ đo karota khai thác); Treo đầu ống chống lừng; Cứu kẹt sự cố giếng khoan; Đại lý bán hàng cho hóa phẩm cho khai thác; Choòng khoan; Ép vỉa nhân tạo; Hoàn thiện giếng thông minh; Công nghệ khai thác mỏ;
- Tư vấn đầu tư – quản lý dự án và tư vấn quản lý; Tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên bao gồm: Cung ứng giàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.



**NGƯỜI TIÊN PHONG  
CỦA NGÀNH KHOAN  
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

# Sơ đồ tổ chức



HIỆN NAY, PV DRILLING VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÓ TỔNG SỐ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN TÍNH ĐẾN NGÀY **31/12/2013** LÀ **1.957 NGƯỜI**. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA PV DRILLING BAO GỒM VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN NHƯ SAU:



## Vốn cổ phần / Cơ cấu cổ đông

### CỔ PHẦN

|  |                |
|--|----------------|
| Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng: | 275.528.695 cp |
| Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành:        | 275.258.115 cp |
| Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (*):     | 40.000.000 cp  |
| Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do:           | 235.258.115 cp |
| Mệnh giá của cổ phần                             | 10.000 đồng    |

(\*): Bao gồm 38 triệu cổ phiếu PVD phát hành riêng lẻ và 2 triệu cổ phiếu PVD phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Cập nhật theo danh sách chốt ngày 04/12/2013 & tỷ lệ căn cứ trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành)



### CỔ PHIẾU QUỸ (Giao dịch năm 2013)

|  |         |
|--|---------|
| Số lượng cổ phiếu quỹ đầu kỳ (01/01/2013)  | 348.480 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ trong kỳ             | -       |
| Khen thưởng CBCNV                          | 77.900  |
| Số lượng cổ phiếu quỹ cuối kỳ (31/12/2013) | 270.580 |

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

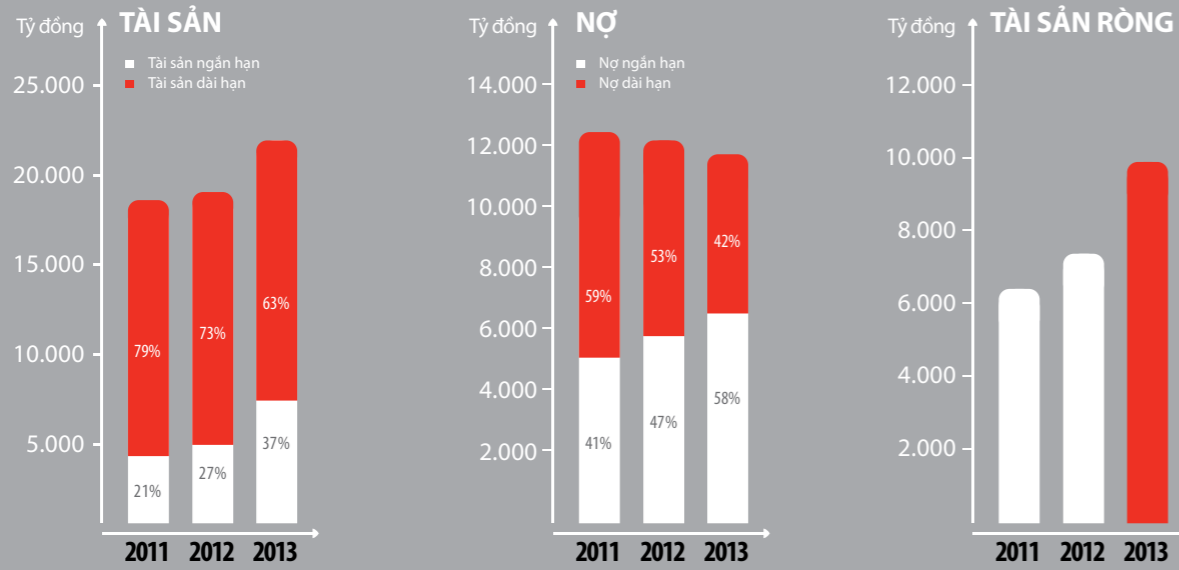
(Cập nhật theo danh sách chốt ngày 04/12/2013 & tỷ lệ căn cứ trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

|   | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH | TỶ LỆ              |
|---|---------------------------------|--------------------|
| 1 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam       | 138.828.214 50,44% |

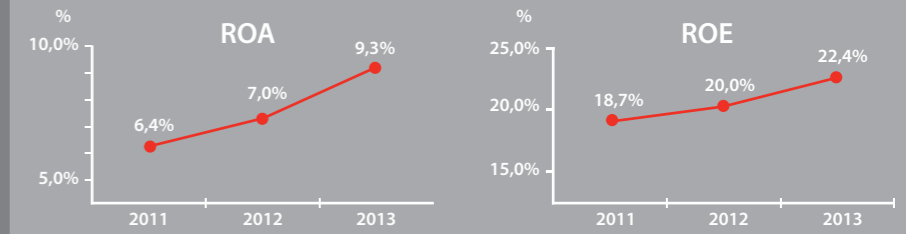
### THỐNG KÊ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

|                  | DIỄN GIẢI                       | NGÀY PHÁT HÀNH | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU  |
|------------------|---------------------------------|----------------|--------------------|
| Lần đầu          | Cổ phần hóa                     | 28/11/2006     | 68.000.000         |
| Lần 1            | Trả cổ tức + phát hành tăng vốn | 11/7/2007      | 9.519.730          |
| Lần 2            | Phát hành tăng vốn              | 7/8/2007       | 1.340.000          |
| Lần 3            | Phát hành tăng vốn              | 22/08/2007     | 31.280.000         |
| Lần 4            | Trả cổ tức                      | 26/06/2008     | 22.027.774         |
| Lần 5            | Sáp nhập PVD Invest vào PVD     | 14/10/2009     | 25.716.285         |
| Lần 6            | Trả cổ tức                      | 8/1/2010       | 52.624.426         |
| Lần 7            | Phát hành riêng lẻ              | 13/08/2013     | 38.000.000         |
| Lần 8            | Phát hành cổ phiếu theo ESOP    | 15/11/2013     | 2.000.000          |
| Lần 9            | Trả cổ tức                      | 23/12/2013     | 25.020.480         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                 |                | <b>275.528.695</b> |

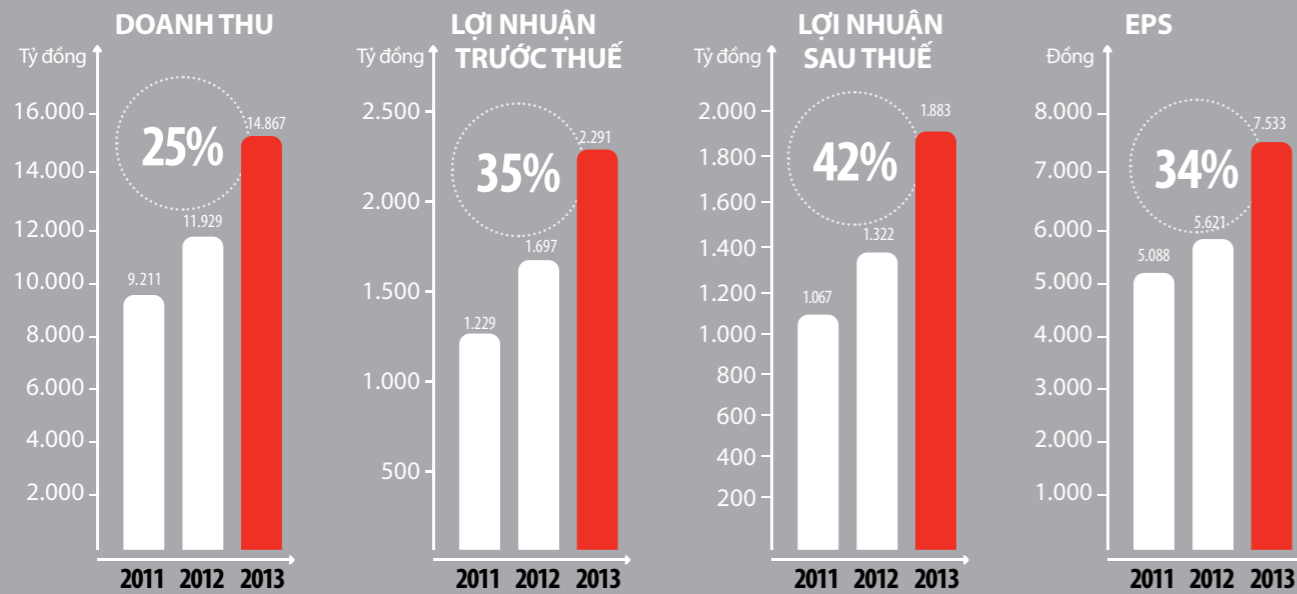
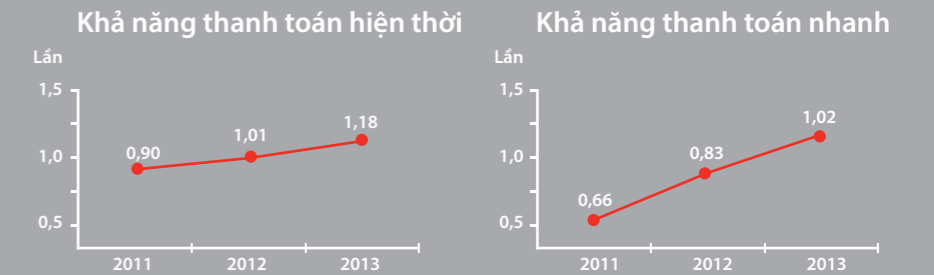
## Các chỉ số tài chính tiêu biểu



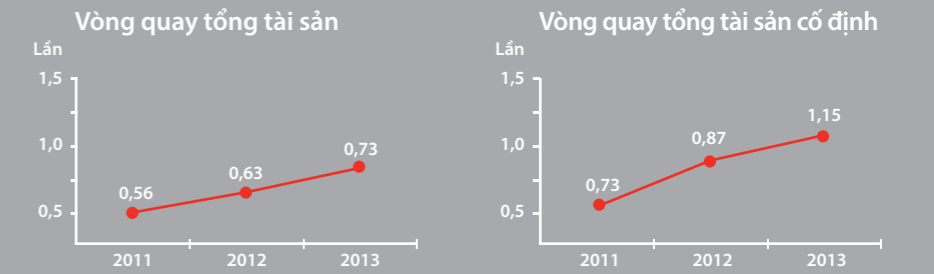
### KHẢ NĂNG SINH LỜI



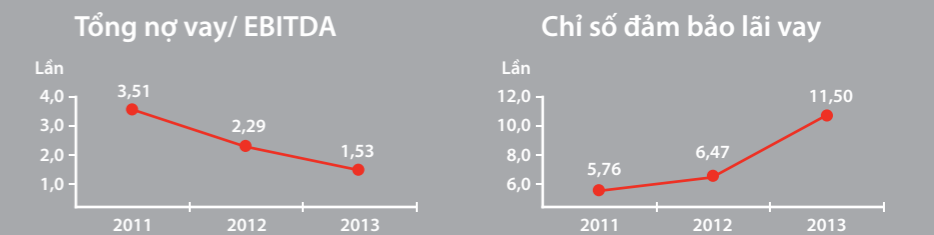
### KHẢ NĂNG THANH TOÁN



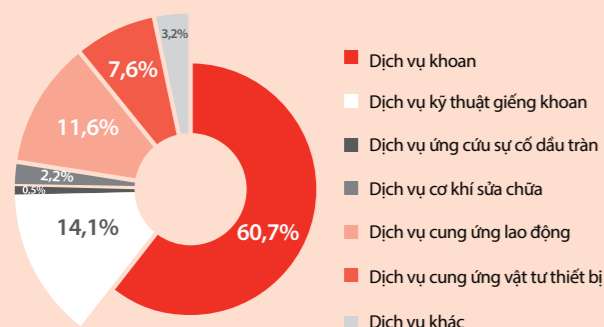
### CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG



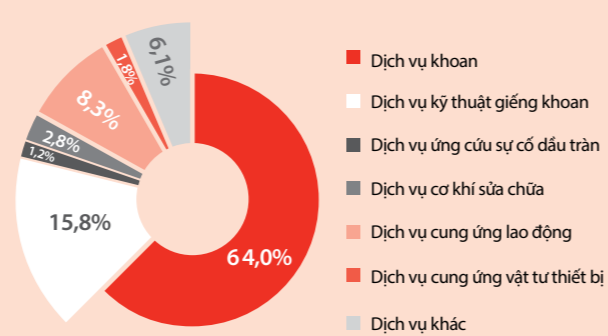
### ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH



### DOANH THU



### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



## Hội đồng Quản trị



**Ông ĐỖ ĐỨC CHIẾN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, phụ trách lĩnh vực Chiến lược, Cơ cấu, Tổ chức Nhân sự, Đào tạo, Đổi mới Doanh nghiệp.

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Luật  
Cử nhân Chính trị

**Quá trình công tác**

1983 – 1987: Công tác tại Cục cảnh vệ Bộ Công an  
1988 – 1999: Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng phòng Vật tư Công ty Đầu tư Phát triển Giao thông Vận tải  
1999 – 2006: Chánh Văn phòng, Phó Bí thư thường trực, Bí thư Đảng ủy Khối Dầu khí tại TP. Hồ Chí Minh  
2007: Phó Tổng Giám đốc Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng phía Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
2007 – 2009: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)  
2009 – 2010: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)  
04/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT PV Drilling.



**Ông PHẠM TIẾN DŨNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Tổng Giám đốc

Chỉ đạo công tác Phát triển bền vững, Pháp chế và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

(Các thông tin khác xem phần Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc)



**Ông TRẦN VĂN HOẠT**

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Phó Tổng Giám đốc

Theo dõi lĩnh vực Chế độ chính sách đối với CBCNV, Đấu thầu và Nghiên cứu Khoa học của Tổng Công ty.

(Các thông tin khác xem phần Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc)



**Bà KIỀU THỊ HOÀI MINH**

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Trưởng Ban Thương mại Đầu tư

Theo dõi lĩnh vực Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư của Tổng Công ty.

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Ngoại ngữ Pháp - Anh  
Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển  
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác**

1993 – 1997: Chuyên viên Thanh toán quốc tế, Hội sở chính, Ngân hàng TMCP Hàng hải VN  
1998 – 2001: Chuyên viên Thương mại Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển thuộc PTSC  
2002 – 2003: Chuyên viên Thương mại PV Drilling  
2003 – 2007: Phó Phòng Thương mại PV Drilling  
2007 đến nay: Trưởng Ban Thương mại Đầu tư PV Drilling  
12/2009 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling.



**Ông LÊ VĂN BÉ**

Thành viên Hội đồng Quản trị  
(Thành viên độc lập)

Theo dõi lĩnh vực Quản trị Tài chính của Tổng Công ty.

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân kinh tế  
(Đại học Tài chính Kế toán)

**Quá trình công tác**

1970 – 1974: Trợ lý tại Phòng Tài chính, Tổng cục Hậu cần  
1975 – 1989: Trợ lý tại Phòng Tài chính, Tổng cục Kỹ thuật  
1990 – 1995: Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính, phụ trách công tác kế toán Ngân hàng  
03/1993 – 1995: Trực tiếp xây dựng đề án thành lập NH TMCP Quân đội, Trưởng Ban Tư vấn Thư ký của Hội đồng Quản trị  
1995 – 2009: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội  
01/2010 đến nay: Phó Chủ tịch thứ nhất Ngân hàng TMCP Quân đội  
2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling.

## Hội đồng Quản trị (tiếp theo)



### Bà ĐINH THỊ THÁI

Thành viên Hội đồng Quản trị  
(Thành viên độc lập)

Theo dõi lĩnh vực Hiệu quả Đầu tư và Tài chính của Tổng Công ty.

#### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Anh văn  
Thạc sỹ Kinh tế

#### Quá trình công tác

1997 – 1999: Nhân viên Văn phòng đại diện Daewoo Corporation tại Hà Nội  
1999 – 2005: Cán bộ phòng Đầu tư dự án, Vietcombank  
2005 – 2006: Kiểm soát viên phòng Đầu tư dự án, Vietcombank  
2006 – 2008: Phó phòng Đầu tư dự án, Vietcombank  
09/2008 đến nay: Trưởng phòng Đầu tư dự án, Vietcombank  
2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling.



### Ông DƯƠNG XUÂN QUANG

Thành viên Hội đồng Quản trị  
(Thành viên độc lập)

Theo dõi lĩnh vực Hiệu quả sử dụng vốn của Tổng Công ty.

#### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

#### Quá trình công tác

1994 – 2000: Chuyên viên Phòng Kế toán, Tổng Công ty Dầu khí  
2000 – 2002: Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Dầu khí  
2002 – 2005: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long  
2005 – 2008: Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long  
01/2009 – 04/2009: Phó Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
05/2009 – 12/2009: Phó Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh  
01/2010 – 09/2013: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh  
10/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCombank) kiêm Giám đốc chi nhánh Ngân hàng PVCombank – Chi nhánh Hồ Chí Minh  
2010 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling.

## Giới thiệu Ban Kiểm soát



### Bà NGUYỄN THỊ THÙY

Trưởng Ban Kiểm soát

#### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế (Tài chính Kế toán)  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế

#### Quá trình công tác

1989 – 2001: Công tác tại Phòng Kế toán Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
2002 – 2003: Phụ trách Phòng Kế toán Xí nghiệp Khoan Dầu khí, PV Drilling  
2003 – 2007: Kế toán trưởng Xí nghiệp Khoan dầu khí, PV Drilling  
2007 – 2008: Kế toán trưởng Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu khu vực miền Nam (NASOS), kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan dầu khí Việt Nam (PVD Invest)  
2008 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát PV Drilling kiêm Kế toán trưởng NASOS.



### Ông NGUYỄN VĂN TỬ

Thành viên Ban Kiểm soát

#### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế (Tài chính Doanh nghiệp)

#### Quá trình công tác

1997 – 2000: Công tác tại Công ty Thương mại và Đầu tư Petec  
2000 – 2004: Công tác tại Công ty TNHH Deloitte Vietnam  
2004 – 2007: Công tác tại Công ty Theodore Alexander Ltd.  
2007 – 2008: Chuyên viên Phòng Kiểm toán Nội bộ PV Drilling  
2008 – 2009: Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ PV Drilling  
2010 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ PV Drilling.



### Bà PHẠM BẢO NGỌC

Thành viên Ban Kiểm soát

#### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế thể giới hệ chính quy Học Viện Tài chính trực thuộc Chính phủ Liên bang Nga

#### Quá trình công tác

2003 – 2005: Chuyên viên Phòng thanh toán Liên ngân hàng, Vietcombank  
2005 đến nay: Chuyên viên phòng Đầu tư thuộc Hội sở chính, Vietcombank  
5/2012 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling.

## Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc



### 1 Ông PHẠM TIẾN DŨNG

Tổng Giám đốc

#### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Cơ khí  
Cử nhân Ngoại ngữ - Anh văn

#### Quá trình công tác

1992 – 2001: Làm việc tại các Công ty Dịch vụ Dầu khí đa quốc gia (Singapore, Úc, Thái Lan...)  
2002 – 2005: Giám Đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí, PV Drilling  
2005 – 2009: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan  
2009 – 8/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực PV Drilling  
8/2010 đến nay: Tổng Giám đốc PV Drilling

Ông Dũng là chuyên gia kỹ thuật, gia nhập ngành dầu khí từ năm 1992, với 22 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành, trong đó có hơn 9 năm làm việc tại các Công ty Dầu khí đa quốc gia, uy tín trên thế giới. Ông Dũng là người đã xây dựng và phát triển thành công dịch vụ xưởng cơ khí cho PTSC Offshore – tiền thân của PV Drilling. Năm 2005 khi Xí nghiệp Điều hành khoan được thành lập, Ông được tin nhiệm giao phó chức vụ Giám đốc Xí nghiệp Điều hành khoan, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành trực tiếp các giàn khoan của Tổng Công ty. Ông đã cùng chung vai sát cánh với Tổng Giám đốc tiên nhiệm xây dựng PV Drilling từ những ngày đầu thành lập. Đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc PV Drilling từ năm 2010, Ông đã đưa Tổng Công ty phát triển mạnh mẽ với những bước tiến vượt trội, kết quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng ấn tượng cùng những thành tựu và giải thưởng danh giá trong và ngoài nước. Kết quả đó còn có ý nghĩa đặc biệt hơn nữa trong giai đoạn nền kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn và thách thức. Ngoài ra, Ông còn đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT PV Drilling, Chủ tịch HĐQT PV Drilling Overseas, Chủ tịch HĐQT PV Drilling - Baker Hughes.

### 2 Bà HỒ NGỌC YẾN PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

#### Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne, Úc

#### Quá trình công tác

1993 – 1995: Kế toán tổng hợp tại Tổng Công ty Nông Thổ sản (Agrimex)  
1995 – 1998: Kế toán trưởng Công ty FDI VMEP (nay là Công ty SYM)  
1998 – 2000: Giám đốc Tài chính của SYM  
2000 – 2003: Financial Controller của Công ty Holcim Việt Nam  
2003 – 2007: Giám đốc Tài chính (CFO) Công ty S - Telecom (Sfone)  
2007 – 6/2008: Giám đốc Tài chính PV Drilling  
7/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling.

### 3 Ông NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc

#### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Khoan Dầu khí  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

#### Quá trình công tác

1992 – 1996: Công tác tại Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)  
1996 – 1999: Kỹ sư Khoan, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC (PVSC)  
1999 – 2001: Kỹ sư Khoan, Công ty Unocal  
2001 – 2003: Trưởng Dự án Bốn trũng Hà Nội, Trưởng Dự án Amara, Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí (PIDC)  
2003 – 2005: Phó Trưởng phòng Thi công Khoan, Trưởng phòng Thi công Khoan Công ty PIDC  
2005 – 2008: Giám đốc Thi Công, Phó Giám đốc, Công ty PVEP Algeria  
6/2008 – 9/2010: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)  
9/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành khoan  
Với 22 năm làm việc trong lĩnh vực khoan dầu khí tại nhiều cương vị công tác, đặc biệt với cương vị Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty PVEP, ông Cường có nhiều kinh nghiệm thực tế tại các công trình và giàn khoan dầu khí trong nước và quốc tế. Hiện ông Cường đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành khoan, trực tiếp đảm nhận công tác quản lý, điều hành, vận hành các giàn khoan của PV Drilling, đồng thời triển khai mảng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoan. Ngoài ra, Ông đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT PVD Training.



## Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### 4 Ông ĐÀO NGỌC ANH

Phó Tổng Giám đốc

#### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Thiết bị Động lực Tàu thủy  
Trường Đại học Đổng Tàu Leningrad, Liên Xô

#### Quá trình công tác

1987 – 1994: Nhân viên phòng Phương tiện Nổi – Công ty Xuất Nhập khẩu Thiết bị & Kỹ thuật Dầu khí, Petechim

1994 – 2001: Phó phòng Nhập Công ty Thương mại Dầu khí, Petechim

2001 – 2003: Phó phòng Vận Tải Dầu khí Công ty Thương mại Dầu khí, Petechim

2003 – 2008: Trưởng phòng Nhập Công ty Thương mại Dầu khí, Petechim

2008 – 2009: Trưởng phòng Quản lý Dự án & Xây dựng cơ bản, PV Drilling

12/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

Với 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, trong đó có hơn 20 năm kinh nghiệm trong quản lý dự án dầu khí và lĩnh vực thương mại hợp đồng dầu khí, hiện Ông Ngọc Anh đảm trách công tác thương mại, đầu tư và quản lý các dự án của Tổng Công ty. Ngoài ra, Ông còn đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT Công ty TNHH PVD - Expro.

### 5 Ông TRẦN VĂN HOẠT

Phó Tổng Giám đốc

#### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư khoan Dầu khí  
Kỹ sư khoan Dầu khí nâng cao tại Liên Xô cũ

#### Quá trình công tác

1983 – 1987: Đốc công khoan tại Công ty Dầu khí I Thái Bình

1987 – 2001: Chánh kỹ sư và Giàn trưởng giàn khoan tự nâng Cửu Long, Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro

2001 – 2006: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling và Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam (NASOS)

5/2012 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling, kiêm Phó Tổng Giám đốc PV Drilling và Giám đốc NASOS

Ông Hoạt có hơn 31 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, đặc biệt là kinh nghiệm trong quản lý và điều hành giàn khoan tự nâng. Ông tham gia vào Ban Lãnh đạo PV Drilling ngay từ những ngày đầu thành lập. Hiện Ông đang phụ trách công tác nội chính, kế hoạch và là Chủ tịch Hội đồng thẩm định các dự án đầu tư của PV Drilling. Ngoài ra, Ông còn đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT PV Drilling, Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam (NASOS).

### 6 Tiến sĩ VĂN ĐỨC TÙNG

Phó Tổng Giám đốc

#### Trình độ chuyên môn

Tiến sĩ Thiết bị công nghệ chế tạo máy khoan  
và Khai thác dầu khí tại Rumani

#### Quá trình công tác

1981 - 1982: Chuyên viên cơ khí thiết bị khoan tại Công ty Dầu khí I, Thái Bình

1982 – 1984: Cán bộ Trường Đào tạo CBCN tại XNLD Vietsovpetro, Vũng Tàu

1984 – 1987: Kỹ sư trưởng XNLD Vietsovpetro (VSP)

1987 – 2002: Phó Giàn cơ khí Xí nghiệp Khoan VSP; Phó phòng cơ khí Xí nghiệp khoan VSP; Trưởng phòng cơ khí Xí nghiệp khoan VSP; Trưởng phòng Cơ khí - Điện - Tự động hóa Liên doanh VSP

2002 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

Ông Tùng có 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí thiết bị khoan và khai thác dầu khí. Ông là một trong số ít những chuyên gia Việt Nam am hiểu sâu rộng lĩnh vực đóng giàn khoan. Ông đã trực tiếp tham gia chỉ đạo tất cả các dự án đóng mới giàn khoan của PV Drilling từ lúc bắt đầu cho đến khi đưa giàn vào hoạt động thành công. Hiện Ông đảm trách công tác quản lý và giám sát các dự án đầu tư giàn khoan và hỗ trợ triển khai công tác đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn khoan dầu khí. Ngoài ra, Ông còn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty PVD Offshore.

### 7 Ông TRỊNH VĂN VINH

Phó Tổng Giám đốc

#### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Cơ khí

#### Quá trình công tác

1987 – 2002: Kỹ sư cơ khí; Giàn phó cơ điện; Trợ lý Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

2002 – 2006: Phó Trưởng phòng / Trưởng phòng Kỹ thuật PV Drilling

2006 – 6/2011: Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khoan Dầu khí PVD (PVD Tech)

6/2011 – 8/2011: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Công ty PVD Tech

8/2011 – Nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1987, đến nay ông Vinh đã có 27 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành, trong đó có hơn 12 năm kinh nghiệm quản lý. Với nền tảng là kỹ sư cơ khí, ông đã được tin nhiệm giao trọng trách xây dựng công ty PVD Tech, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại dầu khí. Trong những năm qua, PVD Tech đã phát triển mạnh mẽ các dịch vụ của mình cả về chiều sâu và chiều rộng, đồng thời đóng góp đáng kể lợi nhuận vào kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Hiện nay Ông phụ trách công tác phát triển kinh doanh và hỗ trợ dịch vụ của Tổng Công ty. Ngoài ra, Ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty PVD Tech, Chủ tịch Công ty BJ - PV Drilling và Thành viên HĐQT Công ty PV Drilling Overseas.

### Ông ĐOÀN ĐẮC TÙNG

Kế toán trưởng



#### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế của Trường Đại học Tài chính Kế toán

#### Quá trình công tác

1998 – 2001: Phụ trách công tác kế toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore) – đơn vị thành viên Công ty PTSC

2002 – 2006: Phó phòng Tài chính – Kế toán, PV Drilling

2006 đến nay: Kế toán trưởng PV Drilling

Gia nhập và đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng PTSC Offshore – tiền thân PV Drilling vào năm 1998, ông Tùng đã có hơn 12 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán, trực tiếp phụ trách công tác kế toán của Tổng Công ty PV Drilling.

# S NG TẠO TỪ TRÍ TUỆ



Chiến lược phát triển của PV Drilling là tập trung vào mảng cung ứng giàn khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan, với tầm nhìn “trở thành nhà thầu khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới”.

## Báo cáo của Hội đồng Quản trị

NĂM 2013 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ NĂM BẢN LỀ TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2011 – 2015, VỚI CỘT MỐC QUAN TRỌNG NÀY, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PV DRILLING ĐÃ CHỈ ĐẠO SÁT SAO VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2013, ĐỒNG THỜI CŨNG ĐÃ THỰC HIỆN PHẦN CÔNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2011 - 2015.

### I. NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2013

HĐQT thực hiện việc giám sát và đưa ra phương hướng hoạt động cho Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt kế hoạch mà ĐHĐCĐ giao phó. Trong năm 2013, HĐQT PV Drilling được duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT với số lượng thành viên HĐQT là 07 (bảy) thành viên. Là một tập thể đoàn kết, trí tuệ, có trình độ chuyên môn và bề dày kinh nghiệm trong quản lý, công tâm, khách quan và đầy nhiệt huyết với sự phát triển của Tổng Công ty, HĐQT PV Drilling đã xác định được những phương hướng lãnh đạo theo định hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế báo cáo theo quy định của Công ty niêm yết. Công tác kiểm toán và báo cáo định kỳ kết quả kiểm toán và quản trị, các báo cáo đều được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập do ĐHĐCĐ thông qua.



*Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được thực hiện dựa trên sự nhất trí, đồng thuận cao của các thành viên Hội đồng Quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.*

Trong năm 2013, HĐQT PV Drilling đã duy trì được việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng những quy định tại Điều lệ của PV Drilling và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT, cụ thể như sau:

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ  | Số buổi tham dự | Tỷ lệ |
|-----|-----------------------|----------|-----------------|-------|
| 1   | Ông Đỗ Đức Chiến      | Chủ tịch | 4               | 100%  |
| 2   | Ông Phạm Tiến Dũng    | Ủy viên  | 4               | 100%  |
| 3   | Ông Trần Văn Hoạt     | Ủy viên  | 4               | 100%  |
| 4   | Bà Kiều Thị Hoài Minh | Ủy viên  | 4               | 100%  |
| 5   | Ông Lê Văn Bé         | Ủy viên  | 4               | 100%  |
| 6   | Bà Đình Thị Thái      | Ủy viên  | 4               | 100%  |
| 7   | Ông Dương Xuân Quang  | Ủy viên  | 4               | 100%  |

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc xây dựng, điều chỉnh kế hoạch 5 năm (2011 – 2015) và bổ sung chiến lược phát triển đến 2015 và định hướng đến 2025 cho phù hợp với tình hình phát triển của Tổng Công ty. Đồng thời, HĐQT đã luôn chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013; thực hiện phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2011 – 2015, xem xét phê duyệt các dự án đầu tư lớn: đóng mới giàn khoan, quyết toán dự án hoàn thành, điều chỉnh dự án đầu tư, nâng tỷ lệ góp vốn của PV Drilling trong các Liên doanh,...

Ngoài các phiên họp HĐQT trên, HĐQT cũng đã tổ chức rất nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết gần 30 vấn đề quan trọng có liên quan đến các định hướng lớn về đầu tư xây dựng nhà xưởng, trang thiết bị sản xuất, thành lập Liên doanh để đầu tư đóng (mua) mới giàn khoan, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, phát triển nguồn nhân lực, ban hành và sửa đổi các quy chế quản trị, quy định nội bộ... Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng thuận cao của các thành viên Hội đồng Quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.



## Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

### I. NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2013 (tiếp theo)

Trong năm 2013, HĐQT cũng đã thực hiện tốt việc giám sát, hỗ trợ chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. HĐQT cũng đã tiếp tục thực hiện tốt công tác sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và tối đa hóa lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư... Qua đó làm cơ sở, định hướng và mục tiêu để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong sản xuất kinh doanh, tạo ra những thành tựu lớn mang tính đột phá thể hiện qua kết quả sản xuất kinh doanh của PV Drilling luôn vượt mức kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và đạt được mức tăng trưởng rất cao:

| STT | Chỉ tiêu             | ĐVT     | TH Năm | KH Năm | TH Năm | Tỷ lệ   |         |
|-----|----------------------|---------|--------|--------|--------|---------|---------|
|     |                      |         | 2012   | 2013   | 2013   | so sánh |         |
|     |                      |         | (1)    | (2)    | (3)    | (3)/(1) | (3)/(2) |
| 1   | Doanh thu            | Tỷ đồng | 11.929 | 11.275 | 14.867 | 24,6%   | 31,8%   |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1.697  | 1.615  | 2.291  | 35,0%   | 41,8%   |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng | 1.322  | 1.360  | 1.883  | 42,4%   | 38,5%   |

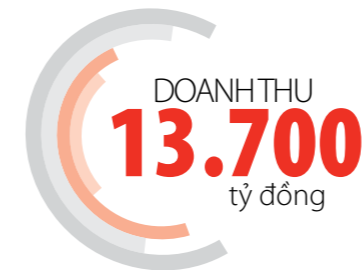
Theo đó, so với kế hoạch năm 2013, tất cả các chỉ tiêu (hợp nhất) về tài chính của PV Drilling đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Cụ thể, doanh thu đạt 14.867 tỷ đồng, tăng 31,8% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 2.291 tỷ đồng, tăng 41,8% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 1.883 tỷ đồng, tăng 38,5% so với kế hoạch được giao.



### II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2014

Với những nền tảng đã được xây dựng, trong năm 2014 và những năm tiếp theo, HĐQT sẽ đảm bảo duy trì phát triển ổn định, kế thừa và tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo mô hình Tổng Công ty, đồng thời tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo trong các lĩnh vực liên quan tới chỉ đạo chiến lược trong đầu tư đối với các dự án lớn, quan trọng; xây dựng và hoàn thiện các cơ chế quản trị nội bộ, giám sát rủi ro; quy hoạch phát triển nhân sự cao cấp; tiếp tục tập trung duy trì tăng trưởng bền vững, tận dụng cơ hội phần đầu tạo sự chuyển biến mạnh trong tăng trưởng; nâng cao tính chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ mạnh mẽ, khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ là nhà thầu khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực...

Trên cơ sở định hướng chiến lược nêu trên, HĐQT đã đưa ra các mục tiêu cơ bản để Ban Điều hành thực hiện trong năm 2014 như sau:



#### 1. Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu năm 2014

Bước sang năm 2014, kế hoạch SXKD của PV Drilling dự kiến như sau:

- Doanh thu : 13.700 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.150 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 1.650 tỷ đồng

#### 2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2014

- Duy trì và tiếp tục mở rộng thị phần dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan của PV Drilling ở trong nước, với mục tiêu tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, giá cả hợp lý;
- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra nước ngoài, đặc biệt là các nước trong khu vực ASEAN với những dịch vụ truyền thống và các dịch vụ thế mạnh của PV Drilling;
- Vận hành an toàn, hiệu quả tất cả các giàn khoan của PV Drilling sở hữu và các giàn khoan thuê của đối tác, các máy móc thiết bị hoạt động trên giàn khoan cũng như tại tất cả các căn cứ dịch vụ của PV Drilling;
- Nghiên cứu, đầu tư các thiết bị, giàn khoan, các dịch vụ mới để đáp ứng cho sự phát triển, tăng trưởng của Tổng Công ty trong giai đoạn tới;
- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới nhằm gia tăng năng suất, chất lượng và giảm giá thành dịch vụ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của PV Drilling;
- Đổi mới và mạnh dạn áp dụng các tiến bộ mới, tiên tiến trong công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp;
- Tiếp tục đầu tư, đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực có kỹ thuật cao và cán bộ quản lý của Tổng Công ty.

## Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

### III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2014

- Nâng cao công tác quản trị điều hành Tổng Công ty theo định hướng chuyên nghiệp, hiện đại và ứng dụng hiệu quả các hình thức quản lý tiên tiến của Hệ thống Quản trị Doanh nghiệp (ERP), tăng cường việc tập trung vào công tác quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy trình quản lý vận hành doanh nghiệp nhằm tăng năng lực cạnh tranh với các Công ty dịch vụ dầu khí quốc tế khác;
- Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả các giàn khoan, đảm bảo hiệu suất hoạt động giàn khoan bằng việc tối ưu hóa quy trình

vận hành, thực hiện tốt công tác bảo trì và bảo dưỡng giàn khoan, chú trọng ứng dụng CNTT trong quản lý và vận hành giàn khoan, đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu của sản xuất;

- Tích cực chủ động hợp tác với các nhà thầu khoan để cung cấp giàn khoan cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam. Tăng cường quan hệ với đối tác hiện hữu và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín, có khả năng về công nghệ và dịch vụ tốt trên thế giới nhằm phát triển các loại hình dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật cao của PV Drilling;

**Nâng cao công tác quản trị điều hành Tổng Công ty theo định hướng chuyên nghiệp, hiện đại và ứng dụng hiệu quả các hình thức quản lý tiên tiến của Hệ thống Quản trị Doanh nghiệp (ERP) là một trong những yếu tố làm nên sự thành công vượt trội của Tổng Công ty!**



- Đẩy mạnh đầu tư phát triển dịch vụ ra nước ngoài nhằm mở rộng thị trường bằng việc tham gia tích cực tham gia đấu thầu cung cấp giàn khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tại các thị trường trong khu vực như Malaysia, Indonesia, Myanmar, v.v... Đồng thời làm việc với các khách hàng và đối tác nhằm tìm hiểu các thông tin liên quan để chuẩn bị cơ sở cần thiết cho việc triển khai các hoạt động cung cấp dịch vụ tại thị trường các nước này;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển các loại hình dịch vụ cốt lõi, thuộc thế mạnh và do PV Drilling tự thực hiện, phát triển các loại hình dịch vụ kỹ thuật mới (như dịch vụ kỹ thuật giếng khoan trọn gói, dịch vụ khoan và khai thác sớm), nâng cao cả về lượng và chất thông qua việc tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài;
- Tập trung nguồn lực, giám sát chặt chẽ việc thực hiện dự án đóng mới giàn khoan PV DRILLING VI tại Singapore, đồng thời thực hiện tốt công tác giám sát các dự án đầu tư triển khai trong năm 2014 nhằm đảm bảo tiến độ đề ra;
- Nâng cao công tác kiểm soát tài chính cũng như ý thức tiết kiệm cho CBCNV Tổng Công ty;

- Phát triển, quản lý và khai thác một cách hiệu quả và triệt để các nguồn lực sẵn có. Củng cố và phát triển nguồn nhân lực vững mạnh cũng như xây dựng một hệ thống quản lý nhân sự theo hướng tinh gọn và đạt tiêu chuẩn quốc tế. Kết hợp phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, song song với việc tăng cường đào tạo đội ngũ chuyên viên và công nhân có tay nghề kỹ thuật cao;
- Bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đã được chấp thuận, định kỳ đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, có chỉ đạo kịp thời để đạt được mục tiêu.



#### **NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ**

*Quản lý, kiểm soát và hoạch định nguồn vốn một cách tối ưu nhất, thực hiện quản trị dòng tiền hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn kịp thời phục vụ công tác đầu tư và sản xuất kinh doanh, chủ động trong kế hoạch tài chính.*

## Báo cáo của Ban Kiểm soát

### I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT PV DRILLING TRONG NĂM 2013

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát hoạt động với:

|                 |                 |            |
|-----------------|-----------------|------------|
| 3<br>THÀNH VIÊN | NGUYỄN THỊ THỦY | Trưởng Ban |
|                 | NGUYỄN VĂN TƯ   | Thành viên |
|                 | PHẠM BẢO NGỌC   | Thành viên |

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty PV Drilling và Kế hoạch thực hiện kiểm tra năm 2013 của Ban Kiểm soát PV Drilling, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng Công ty PV Drilling và các Đơn vị thành viên theo đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua. Các thành viên Ban Kiểm soát đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã có những ý kiến đóng góp thiết thực trong quá trình quản trị tại doanh nghiệp.

Việc kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát đã tập trung vào các vấn đề sau:



- Kiểm tra việc sử dụng và bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Kiểm tra việc chấp hành các qui định của Nhà nước, chấp hành Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị PV Drilling;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm.



Hàng quý Ban Kiểm soát đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Tổng Công ty PV Drilling như thông qua Báo cáo trình Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính quý, năm...

Thù lao và kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát thực hiện theo đúng Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013.

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cổ đông đã có sự phối hợp hoạt động chặt chẽ nhằm quản lý doanh nghiệp sao cho hoạt động đạt hiệu quả, tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật.

#### Một số nhận xét về các mặt hoạt động năm 2013 của Tổng Công ty PV Drilling như sau:

##### a/ Hoạt động của Hội đồng Quản trị :

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), Nghị quyết/Quyết định (NQ/QĐ), Chỉ thị của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong năm 2013, HĐQT Tổng Công ty PV Drilling đã thực hiện giám sát và hỗ trợ tốt cho Ban Tổng Giám đốc điều hành công tác sản xuất kinh doanh.

**Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cổ đông đã có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và đạt hiệu quả cao nhất.**

HĐQT PV Drilling đã ban hành 28 NQ/QĐ trong năm 2013 và hầu hết các NQ/QĐ đã được thực hiện hoàn thành; một vài NQ/QĐ đang trong quá trình triển khai thực hiện.

##### b/ Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

PV Drilling tuân thủ chặt chẽ Quy định về Quản lý chi phí, Quy chế Quản lý tài chính, triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí hiệu quả với số tiền tiết kiệm là 61,8 tỷ đồng đạt 104% so với số đăng ký tiết kiệm năm 2013 là 59,5 tỷ đồng (trong đó tiết kiệm chi phí quản lý là 20 tỷ đồng).

Báo cáo tài chính năm 2013 của PV Drilling đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của PV Drilling. Việc ghi chép, phân loại và trình bày các nội dung kinh tế... theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2013 của PV Drilling đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập thực hiện theo quy định. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của PV Drilling.

PV Drilling tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý ngân quỹ tập trung và sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, cân đối các nguồn vốn trong Tổng Công ty để giải ngân kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và cho các dự án.

### II - NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động và Quy chế Quản lý tài chính của Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT PV Drilling. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã luôn bám sát và cố gắng thực hiện hoàn thành một cách tốt nhất các chỉ tiêu mà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Đại hội đồng Cổ đông giao.

Nhằm đảm bảo chiến lược và mục tiêu phát triển lâu dài, ổn định, bền vững, PV Drilling cần chú trọng hơn nữa công tác quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ phía các cổ đông để PV Drilling có thể vượt qua được những khó khăn và duy trì sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.



TRONG NĂM 2013, PV DRILLING TIẾP TỤC DUY TRÌ VIỆC QUẢN LÝ TỐT CÁC NGUỒN LỰC, ĐỒNG THỜI QUẢN LÝ ĐẠT HIỆU QUẢ CAO CÁC GIÀN KHOAN DO TỔNG CÔNG TY SỞ HỮU VÀ CÁC GIÀN KHOAN THUÊ NGOÀI. TỔNG CÔNG TY TIẾP TỤC ĐẦU TƯ TRỌNG TÂM VÀO CÁC THIẾT BỊ DẦU KHÍ CÓ KỸ THUẬT CAO PHÙ HỢP VỚI THỊ TRƯỜNG VÀ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG.



## Báo cáo của Ban Kiểm soát (tiếp theo)

### III - KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, Ban Kiểm soát PV Drilling dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2014 như sau:

#### 01

Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ của Tổng Công ty

#### 02

Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Tổng Công ty

#### 03

Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Chỉ thị của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có liên quan đến hoạt động của PV Drilling

#### 04

Xem xét sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn/nhóm cổ đông (khi thỏa mãn điều kiện của Luật doanh nghiệp)

#### 05

Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, bán niên, hàng quý của Tổng Công ty

#### 06

Xem xét kết quả điều tra nội bộ (nếu có) và ý kiến phản hồi của Hội đồng Quản trị để có thêm thông tin trong quá trình thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát

#### 07

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát với Kiểm soát viên tại các đơn vị, với Kiểm toán nội bộ để thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát nhằm có những kiến nghị, đóng góp kịp thời, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và cổ đông của Tổng Công ty

#### 08

Các thành viên Ban Kiểm soát tích cực tham gia các lớp đào tạo, cập nhật chính sách/quy định mới ban hành để nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tham dự đầy đủ các hội nghị chuyên ngành có liên quan đến công tác kiểm soát.

### Giao dịch của cổ đông nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch                | Quan hệ với cổ đông nội bộ      | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |           | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) | Ngày kết thúc thực hiện giao dịch |
|-----|--|---------------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|--|-----------------------------------|
|     |  |                                 | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ (%) |  |                                   |
| 1   | Văn Đức Tờng - Phó Tổng GD               |                                 | 30.006                    | 0,01      | 10.006                     | 0,00      | Bán  | 10/01/2013                        |
| 2   | Deutsche Bank AG London                  | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 10.461.902                | 4,98      | 10.748.582                 | 5,11      | Mua  | 10/1/2013                         |
| 3   | Văn Đức Tờng - Phó Tổng GD               |                                 | 10.006                    | 0,00      | 6                          | 0,00      | Bán  | 28/01/2013                        |
| 4   | Deutsche Asset Management (Asia) Limited | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 1.980.108                 | 0,94      | 2.083.768                  | 0,69      | Bán/Mua  | 15/03/2013                        |
| 5   | Deutsche Bank AG London                  | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 10.633.512                | 5,05      | 12.646.012                 | 6,01      | Mua  | 15/03/2013                        |
| 6   | Deutsche Bank AG London                  | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 12.646.012                | 6,01      | 12.445.892                 | 5,92      | Bán  | 10/04/2013                        |
| 7   | FTIF-Templeton Frontier Markets Fund     | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 3.065.970                 | 1,46      | 3.324.520                  | 1,58      | Mua  | 28/6/2013                         |
| 8   | Templeton Frontier Markets Fund          | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 600.850                   | 0,29      | 478.600                    | 0,23      | Bán  | 02/7/2013                         |
| 9   | Deutsche Bank AG London                  | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 12.445.892                | 5,92      | 10.452.222                 | 4,97      | Bán  | 03/7/2013                         |
| 10  | Deutsche Asset Management (Asia) Limited | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 2.083.768                 | 0,69      | 2.849.608                  | 1,35      | Mua  | 03/7/2013                         |
| 11  | Templeton ASEAN Consumer Fund Limited    | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 0                         | 0         | 64.270                     | 0,03      | Mua  | 24/7/2013                         |
| 12  | Đỗ Danh Rạng - Trưởng Ban Tài chính      |                                 | 36.394                    | 0,01      | 36.394                     | 0,01      | Mua  | 31/7/2013                         |
| 13  | Deutsche Bank AG London                  | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 10.452.222                | 4,21      | 10.197.592                 | 4,10      | Bán  | 23/8/2013                         |
| 14  | Deutsche Asset Management (Asia) Limited | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 2.849.608                 | 1,15      | 3.089.608                  | 1,24      | Mua  | 23/8/2013                         |
| 15  | Đào Ngọc Anh - Phó Tổng Giám đốc         |                                 | 12.714                    | 0,00      | 12.714                     | 0,00      | Bán  | 25/10/2013                        |
| 16  | Đào Ngọc Anh - Phó Tổng Giám đốc         |                                 | 12.714                    | 0,00      | 11.284                     | 0,00      | Bán  | 29/11/2013                        |
| 17  | Vietcombank                              | Tổ chức liên quan TVHĐQT và BKS | 5.393.460                 | 2,15      | 2.693.460                  | 1,08      | Bán  | 16/12/2013                        |
| 18  | Vietcombank                              | Tổ chức liên quan TVHĐQT và BKS | 2.693.460                 | 1,08      | 582.806                    | 0,21      | Bán  |                                   |
| 19  | Deutsche Bank AG London                  | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 10.197.592                | 4,07      | 8.883.932                  | 3,55      | Bán  | 20/12/2013                        |
| 20  | Deutsche Asset Management (Asia) Limited | Nhóm cổ đông nắm giữ trên 5%    | 3.089.608                 | 1,23      | 3.271.328                  | 1,31      | Mua  | 20/12/2013                        |

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

TRONG BỐI CẢNH SỰ PHỤC HỒI KINH TẾ VẪN CÒN CHẬM CHẠP, PV DRILLING ĐÃ CHỨNG MINH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÚNG ĐẮN VỚI KẾT QUẢ KINH DOANH ẤN TƯỢNG, DOANH THU TĂNG 32% VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ VỀ ĐÍCH TRƯỚC 3 THÁNG SO VỚI KẾ HOẠCH ĐỀ RA.

### Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2013

Năm 2013 đánh dấu nhiều chuyển biến tích cực của kinh tế toàn cầu kể từ khi khủng hoảng tài chính xảy ra vào năm 2008. Sự nỗ lực của Chính phủ các nước, đặc biệt là Mỹ và Nhật, đã phần nào phục hồi niềm tin của doanh nghiệp, người tiêu dùng và nhà đầu tư. Tuy nhiên, khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn chìm sâu trong suy thoái, Trung Quốc phải vật vả đương đầu với khủng hoảng tín dụng, Ấn Độ đối mặt với tình trạng mất giá nhanh chóng của đồng nội tệ... Những vấn đề này đã “núi chân” đã phục hồi chung.

Kinh tế Việt Nam đã cho thấy sự cải thiện, dù tốc độ phục hồi còn chậm, chưa thực sự bứt phá nhưng cũng đã có những dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2012. Sau khi lạm phát đã được kiểm soát tốt trong năm 2012, chính sách tiền tệ và tài khóa tiếp tục được duy trì theo hướng nới lỏng một cách thận trọng và linh hoạt đã và đang phát huy tác dụng tích cực, hỗ trợ cho đà phục hồi của nền kinh tế. Tăng trưởng GDP cải thiện và gia tốc qua từng quý, đặc biệt là trong giai đoạn nửa cuối năm với tăng trưởng GDP quý III và quý IV lần lượt đạt 5,54% và 6,04%, cao hơn đáng kể so với mức tăng 4,76% của quý I và 5,00% của quý II. Tính chung cả năm 2013, GDP ghi nhận mức tăng 5,42%, gần đạt mục tiêu 5,5% và cao hơn con số 5,25% của năm 2012.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, tình hình sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn trở ngại như: sức tiêu thụ của thị trường yếu, tín dụng ngân hàng bị siết chặt, khả năng cạnh tranh thấp... Trong bối cảnh đó, PV Drilling đã chứng minh chiến lược phát triển bền vững đúng đắn khi không những thành công trong việc duy trì đà tăng trưởng mà còn đạt được kết quả sản xuất kinh doanh ấn tượng, với doanh thu tăng 32% và lợi nhuận sau thuế “về đích” trước 3 tháng so với kế hoạch đề ra. Thành quả này có được là nhờ cả 2 yếu tố: khách quan và chủ quan.

Yếu tố khách quan đến từ biến động giá dầu thuận lợi và thị trường giàn khoan cải thiện tích cực. Đối với thị trường dầu khí, giá dầu Brent trên sàn ICE Futures tại Luân Đôn vẫn ở mức cao, trên 99 USD/thùng trong cả năm 2013. Giá dầu WTI trên sàn Giao dịch Hàng hóa New York chốt năm 2013 tại mức 98,42 USD/thùng, tăng 6,6 USD, tức 7,19% so với cuối năm 2012. Đây là năm tăng nhiều nhất kể từ năm 2011 và là năm tăng thứ tư trong vòng 5 năm của giá dầu WTI. Với những diễn biến khá thuận lợi của giá dầu thô, năm 2013 là một năm rất sôi động đối với thị trường khoan, cụ thể giá thuê giàn khoan tự nâng đã có chiều hướng tăng, trên thế giới tăng 8,6% và tại Đông Nam Á tăng 11,7%.



**Năm 2013 là một năm rất sôi động đối với thị trường khoan. Tại Việt Nam, giá thuê giàn tự nâng đã tăng hơn 15% so với năm 2012 nhờ nhu cầu tăng, đồng thời nguồn cung các giàn khoan tự nâng thế hệ mới có biểu hiện thiếu hụt...**

Một trong những yếu tố tích cực dẫn đến sự tăng trưởng là do nhu cầu thăm dò và khai thác của các nhà thầu dầu tăng lên, tổng vốn đầu tư cho thăm dò và khai thác trong năm 2013 của các nhà thầu dầu tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, nguồn cung các giàn khoan tự nâng thế hệ mới có biểu hiện thiếu hụt, không đáp ứng đủ nhu cầu đang tăng của các nhà thầu dầu. Dự kiến đến năm 2015, có hơn 250 giàn khoan tự nâng sẽ không còn khả năng khoan trong khi năm 2014 và 2015, số lượng giàn khoan mới bổ sung vào đến năm 2015 là khoảng 130 giàn.

Tại Việt Nam, giá thuê giàn tự nâng đã tăng hơn 15%. Hiệu suất bình quân sử dụng giàn tại Việt Nam trong năm 2013 đạt 96,1%; tăng so với mức trung bình 93,1% của năm 2012.

Bên cạnh yếu tố khách quan, yếu tố mang tính chủ quan đóng vai trò quan trọng không kém chính là sức mạnh nội tại của PV Drilling, được xây dựng bởi định hướng, chiến lược tập trung cho phát triển bền vững, cùng với sự nỗ lực, sáng tạo, đổi mới không ngừng của Ban Lãnh đạo, đội ngũ CBCNV Tổng Công ty.

Chiến lược phát triển của PV Drilling là tập trung vào mảng cung ứng giàn khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan, với định hướng vươn ra thế giới và tầm nhìn “trở thành nhà thầu khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới”. Thực tế đã cho thấy sự đúng đắn của chiến lược và định hướng này. PV Drilling từ một nhà cung cấp dịch vụ cơ khí nhỏ lẻ đã vươn lên quy mô là nhà thầu khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan hàng đầu Đông Nam Á, 2 năm liền (2012 và 2013) đạt danh hiệu “Nhà thầu khoan tốt nhất Châu Á”.

Tại PV Drilling, tính sáng tạo và đổi mới luôn được trân trọng, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển. Đây là nhân tố rất quan trọng để củng cố sự phát triển vững chắc của Tổng Công ty. Đối với dịch vụ khoan, PV Drilling đã tiên phong nghiên cứu và phát triển kỹ thuật khoan nước sâu. Sự ra đời của giàn khoan nước sâu PV DRILLING V, giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm thứ 9 trên thế giới và cũng là giàn khoan mới

nhất, được trang bị các tính năng kỹ thuật tối tân nhất, đã tạo bước ngoặt mới cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao thương hiệu của PV Drilling.

Đối với các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan, bên cạnh việc tập trung cung cấp các dịch vụ truyền thống thế mạnh, PV Drilling đã thành công trong việc nâng tỷ lệ tự thực hiện đối với nhiều dịch vụ kỹ thuật cao như đo karota khí (Mud logging), kéo thả ống chống (Tubular running), bắn vĩa (TCP)... Hơn thế nữa, nhiều dịch vụ kỹ thuật cao mới đã được đưa vào cung cấp và bước đầu đem lại kết quả khả quan, như kiểm soát chất rắn (Solid Control), kiểm soát áp suất trong khi khoan (MPD), lọc dung dịch hoàn thiện giếng (Filtration)... Đồng thời, công tác đào tạo chuyên môn, thu hút và giữ chân nhân tài tiếp tục được đẩy mạnh nhằm phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, vốn là yếu tố tiên quyết trong việc phát huy sáng tạo, đổi mới.

# 14.867

### TỶ ĐỒNG DOANH THU

Kết thúc năm 2013, doanh thu của PV Drilling đạt 14.867 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2012 và tăng 32% so với kế hoạch đã đăng ký với cổ đông. Có được kết quả này là nhờ sự kết hợp giữa cung cấp, vận hành các giàn khoan sở hữu một cách an toàn, đạt hiệu suất cao trên 98% với việc tăng số lượng giàn khoan thuê, từ 3 giàn năm 2012 lên 6 giàn trong năm 2013, giúp giữ vững thị phần trong nước ở mức trên 50%, khai thác triệt để các chiến dịch khoan của các nhà thầu dầu. Kể từ quý III/2013, đơn giá cung cấp các giàn khoan tự nâng mà PV Drilling sở hữu bình quân đạt trên 150 ngàn USD/ngày, tương ứng tăng khoảng 15% so với cuối năm 2012. Sự tăng trưởng trong dịch vụ cung cấp giàn khoan đã tạo tiền đề cho mức tăng trưởng ổn định của các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, đồng thời số lượng dịch vụ kỹ thuật cao đưa vào cung cấp cho khách hàng cũng tăng lên.

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)



Năm 2013, PV Drilling đã phát hành chào bán riêng lẻ thành công, mang về hơn 1.450 tỷ đồng. Nguồn tiền này đóng vai trò quan trọng trong việc đầu tư các giàn khoan mới, trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao.

### 3.667 TỶ ĐỒNG EBITDA

Với bề dày kinh nghiệm trong điều hành giàn khoan tự nâng kết hợp với sử dụng hệ thống Maximo (quản lý, điều phối vật tư thiết bị liên quan đến công tác khai thác và bảo dưỡng giàn khoan), PV Drilling đã quản lý tối ưu chi phí khai thác, vận hành giàn khoan, hàng tồn kho. Ngoài ra, phải kể đến sự tăng trưởng của lợi nhuận được chia đến từ các công ty liên doanh của PV Drilling, đặc biệt là năm 2013 đã ghi nhận khoảng 161 tỷ đồng lợi nhuận của hai năm 2011 và 2012 được chia từ Liên doanh PVD - Baker Hughes. Do đó, EBITDA năm 2013 đạt 3.667 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2012.

### 1.883 TỶ ĐỒNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 1.883 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 42% so với kết quả năm 2012 và vượt kế hoạch đề ra 38%. Có được con số ấn tượng này, bên cạnh sự đóng góp từ dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan, Tổng Công ty đã quản lý hiệu quả chi phí tài chính, trong đó chi phí lãi vay đã giảm khoảng 20% do Tổng Công ty đã trả hoàn tất khoản vay để đầu tư giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 và giảm tổng dư nợ đáng kể trong năm 2013.

# 2.755

### TỶ ĐỒNG VỐN ĐIỀU LỆ

Năm 2013 cũng đánh dấu sự thành công của PV Drilling trong việc quản lý nguồn vốn và tài sản của cổ đông. Cụ thể, vốn điều lệ đã tăng từ 2.105 tỷ đồng lên 2.755 tỷ đồng thông qua phát hành: phát hành riêng lẻ cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các nhà đầu tư tài chính, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2012. Trong đó, sự thành công của đợt phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phiếu PVD đã đem lại cho PV Drilling khoản tiền hơn 1.450 tỷ đồng, trong đó thặng dư vốn của Tổng Công ty tăng hơn 1.050 tỷ đồng. Nguồn tiền này đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nguồn vốn cho các dự án đầu tư giàn khoan mới, trang thiết bị kỹ thuật cũng như góp vốn vào Liên doanh PVD Overseas, giảm áp lực vay nợ cho PV Drilling.

### 21.492 TỶ ĐỒNG TÀI SẢN

Về tài sản, PV Drilling đã chính thức gia nhập nhóm doanh nghiệp niêm yết có tài sản trên 1 tỷ USD. Kết thúc năm 2013, tổng tài sản của Tổng Công ty đạt 21.492 tỷ đồng, tăng gần 13% so với tổng tài sản năm 2012.

### EPS ĐẠT 7.533 ĐỒNG

Vốn điều lệ năm 2013 tăng mạnh (31%) so với năm 2012 nhưng với sự tăng trưởng cao của Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (42%) so với năm 2012 đã gia tăng lợi ích kinh tế cho cổ đông. Cụ thể, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2013 đạt 7.533 đồng, tăng 34% so với EPS năm 2012.

## KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014



### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Năm 2014, trong bối cảnh thị trường khoan thế giới và khu vực Đông Nam Á có những diễn biến tích cực, dịch vụ khoan của PV Drilling dự kiến sẽ ổn định. Nguyên nhân do các giàn khoan sở hữu tiếp tục thực hiện các chiến dịch khoan theo những hợp đồng đã được ký kết từ nửa cuối năm 2013 và kéo dài đến cuối năm 2014. Điều này đồng nghĩa đơn giá cho thuê giàn trong năm 2014 của các giàn khoan sở hữu sẽ không có nhiều khác biệt so với năm 2013.

Đối với mảng cung cấp giàn khoan thuê, số lượng giàn khoan thuê do PV Drilling cung cấp trên thị trường khoan nội địa trong năm 2014 dự kiến sẽ không tăng trưởng "nóng" như năm 2013. Nhìn lại năm 2013, PV Drilling gặp nhiều thuận lợi do thị trường khoan thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng rất sôi động, đơn giá cho thuê giàn tự nâng tại Việt Nam tăng khoảng 15% so với năm 2012, nên việc thu hút và thỏa thuận thuê lại giàn khoan từ các nhà thầu khoan nước ngoài đạt mức độ thành công cao. Bắt đầu năm 2014, đơn giá thuê giàn tự nâng tại Việt Nam đã ở mức cao tương đương với đơn giá trong khu vực Đông Nam Á nên việc thuê thêm các giàn khoan nhằm mở rộng thị phần dự kiến sẽ khó khăn hơn.

Đơn giá thuê giàn ổn định, số lượng giàn khoan sở hữu chưa thay đổi, do giàn khoan PV DRILLING VI dự kiến đến quý I/2015 mới chính thức đi vào hoạt động và số lượng giàn khoan thuê dự kiến không tăng so với năm 2013 là các yếu tố chính làm cho doanh thu năm 2014 khó đạt mức tăng trưởng ấn tượng như năm 2013. Bên cạnh đó, bắt đầu từ năm 2014, PV Drilling không còn được hưởng ưu đãi thuế như các năm trước và lợi nhuận được chia từ liên doanh sẽ không còn ghi nhận bất thường như năm 2013, nên đây là các yếu tố khách quan làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng Công ty trong năm 2014.

Vi những lý do trên, PV Drilling đã đề ra kế hoạch 2014 bám sát với tình hình thực tế còn nhiều khó khăn, trong đó Ban Lãnh đạo đã đặt ra kế hoạch doanh thu 13.700 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.650 tỷ đồng. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV sẽ thúc đẩy hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh, củng cố và phát triển các hệ thống quản lý và kiểm soát nội bộ chuẩn bị cho sự phát triển trong năm 2015, tiếp tục nỗ lực mở rộng thị phần giàn khoan thuê và các dịch vụ kỹ thuật cao, cũng như tăng cường và phát huy sáng kiến khoa học kỹ thuật, sử dụng Quỹ khoa học công nghệ nhằm giữ vững sự tăng trưởng trong hoạt động SXKD so với năm trước để đạt **kỳ vọng lợi nhuận sau thuế trên 2.000 tỷ đồng và đạt mức tăng trưởng tốt trong những năm sau.**

### GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2014

#### Hướng tới mục tiêu chiếm lĩnh 70% thị trường cung cấp giàn khoan tự nâng tại Việt Nam

Với các giàn khoan sở hữu hiện đã có hợp đồng vận hành đến hết năm 2014, thị phần trong nước của PV Drilling sẽ tiếp tục ổn định. Năm 2014, PV Drilling xác định mục tiêu sẽ nỗ lực tìm kiếm, đàm phán với các công ty như ENSCO, Seadrill, UWM Drilling, Shelf Drilling... nhằm gia tăng các giàn khoan thuê, chiếm lĩnh thị phần trong nước từ mức 50% đến 70%. Đây thực sự là một khó khăn và thử thách cho PV Drilling, khi mà thị trường khoan tiếp tục sôi động, các giàn khoan thường dễ dàng có được hợp đồng mới ở các nước trong khu vực Đông Nam Á nên khó thuê lại. Tuy nhiên, với bề dày kinh nghiệm trong vận hành giàn khoan, PV Drilling sẽ tập trung nguồn lực, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sẵn sàng mở rộng thị trường trong nước và vươn ra khu vực.

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### Đào tạo nguồn nhân lực khoan vững mạnh

Việc đào tạo nhân sự cũng là một nhiệm vụ trọng tâm, góp phần lớn vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ của PV Drilling. Với đội ngũ nhân sự gần 2.000 người, trong đó đội ngũ cán bộ kỹ thuật khoan khoảng 862 người, dự kiến trong năm 2014, PV Drilling sẽ tiến hành đào tạo, tập trung vào các mảng chính như vận hành thiết bị khoan, chống và ứng cứu kẹt giếng, diễn giải thông số đo địa chất, các kỹ năng an toàn, phòng chống sự cố, v.v... cho nhân sự kỹ thuật. Thực hiện các khóa học kỹ năng lãnh đạo cho các nhân sự chủ chốt, và đặc biệt là tiếp tục triển khai các khóa đào tạo thực tế cho đội ngũ kỹ sư khoan trẻ như chương trình Đào tạo kỹ sư vận hành giàn, chương trình phát triển các nhân sự Việt Nam nắm giữ các vị trí chủ chốt trong vận hành giàn khoan từ Driller cho đến đốc công, giàn trưởng... Ngoài ra, PV Drilling cũng đang tiến hành tìm nguồn nhân lực và đào tạo cho nhân sự giàn PV DRILLING VI, đảm bảo nguồn lực sẵn sàng khi giàn đi vào hoạt động.

### Vận hành an toàn & hiệu quả các giàn khoan

Đến ngày 10/3/2014, giàn khoan PV DRILLING I chính thức đạt 7 năm liên tục hoạt động an toàn không xảy ra bất kỳ sự cố tai nạn mất việc làm (Zero LTI). Giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III cũng đạt 4 năm liên Zero LTI từ lúc bắt đầu hoạt động đến nay, giàn PV DRILLING V đạt 1 năm Zero LTI. Thương hiệu PV Drilling đã tạo được uy tín lớn với các công ty thăm dò và khai thác dầu khí trong suốt những năm vừa qua. Chính vì thế, PV Drilling xem việc duy trì hiệu suất vận hành đạt trên 98% đối với giàn tự nâng và trên 96% đối với giàn TAD, và liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ khoan là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2014. Đây không chỉ đơn thuần là một hoạt động đem lại doanh thu, mà còn là trách nhiệm đối với các đối tác và khách hàng đã và đang tin tưởng sử dụng dịch vụ của PV Drilling.

### Quản lý vốn chặt chẽ

Trong năm 2013, PV Drilling đã phát hành thành công 40 triệu cổ phiếu, huy động được nguồn vốn tài trợ cho các dự án đầu tư giàn khoan và máy móc thiết bị công nghệ cao. Năm 2014, PV Drilling tiếp tục chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giữ được cơ cấu vốn tối ưu và hợp lý:

- Quản lý chặt chẽ việc góp vốn cho dự án mua (đóng mới) giàn khoan PV DRILLING VI.
- Ngoài sự cẩn trọng trong các quyết định đầu tư, PV Drilling kiểm soát vốn tại các công ty con thông



qua việc quy định rõ ràng trong Quy chế quản lý tài chính của PV Drilling về mục đích sử dụng các quỹ và lợi nhuận cũng như yêu cầu đảm bảo các chỉ số về vốn.

- Kiểm soát chặt nguồn thu thông qua việc phân định rõ trách nhiệm, thưởng phạt trong việc thu hồi công nợ, đồng thời đảm bảo các chỉ số quản lý công nợ trong giới hạn nhất định được quy định trong Quy chế quản lý tài chính.
- Kiểm soát việc sử dụng các tài sản, tránh tình trạng sử dụng lãng phí, sai mục đích thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ của PV Drilling.

### Quản trị nguồn nhân lực, phát huy việc ứng dụng tư duy đổi mới và sáng tạo trong công việc.

Với mục tiêu đưa PV Drilling trở thành Tổng Công ty chuyên nghiệp với hệ thống quản trị nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc tế và nguồn nhân lực có chất lượng, phát huy việc ứng dụng tư duy đổi mới và sáng tạo trong công việc, PV Drilling chú trọng thực hiện các công tác sau trong năm 2014:

- Chuẩn hóa Mô hình năng lực hành vi và chuyên môn, làm cơ sở cho công tác tuyển dụng, lựa chọn, đào tạo và phát triển, đánh giá năng lực cho các nhóm chức danh theo phương pháp tự quản lý, tự triển khai và tự cập nhật mô hình năng lực cho các nhóm chức danh.
- Tiếp tục triển khai các giải pháp đào tạo và phát triển năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý theo Mô hình năng lực lãnh đạo và Lộ trình phát triển năng lực lãnh đạo PVD.
- Triển khai các chương trình hội thảo, đào tạo thúc đẩy việc ứng dụng tư duy sáng tạo và đổi mới.
- Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật để xây dựng hệ thống học tập từ xa (mobile learning). Đây cũng là một phương pháp tiếp cận mới của PV Drilling giúp cán bộ công nhân viên có thể học tập và củng cố kiến thức quản lý, chuyên môn mọi lúc mọi nơi.



*Đào tạo nguồn nhân lực khoan vững mạnh, nâng cao công tác quản trị, đặc biệt trong công tác quản lý vốn và quản trị nguồn nhân lực, là một trong những công tác trọng tâm năm 2014.*

- Chuẩn hóa và phát triển đội ngũ giảng viên nội bộ theo tiêu chuẩn quốc tế. Đẩy mạnh công tác tự đào tạo nội bộ, phát huy tối đa vốn tri thức của nguồn nhân lực nội bộ.
- Xây dựng các chương trình quản trị tài năng, trọng tâm năm 2014 là đội ngũ kỹ thuật trên giàn khoan để đảm bảo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao đảm bảo sự phát triển và mở rộng thị trường của PV Drilling.

### Kiểm soát và triển khai thành công các dự án trọng tâm năm 2014, tạo nên giá trị cho doanh nghiệp.

- *Dự án triển khai các phân hệ Oracle Hyperion quản lý ngân sách và báo cáo quản trị thông minh (Business Intelligence) trên phần mềm ERP- Oracles:*

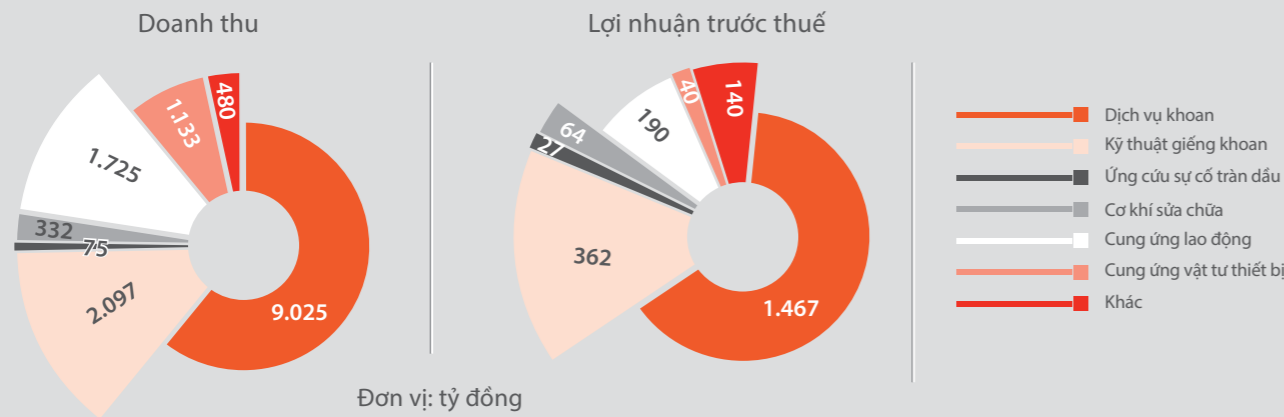
Trong thời gian tới, PV Drilling sẽ tiếp tục chuẩn hóa hệ thống hoạch định ngân sách bằng việc triển khai, hoàn thành Dự án ERP Oracle giai đoạn III bao gồm Lập ngân sách và kiểm soát chi phí (Budget – Planning) và Lập hệ thống báo cáo quản trị truy xuất trực tuyến (Business Intelligence). Dự án này sẽ đẩy nhanh tốc độ cung cấp thông tin cùng với chuẩn hóa các dữ liệu quá khứ hỗ trợ Ban Lãnh đạo ra quyết định kịp thời, đúng đắn.

- *Dự án xây dựng hệ thống quản trị rủi ro:*

Là một trong những dự án quan trọng trong năm 2014, Ban Lãnh đạo kỳ vọng Hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp sẽ đưa ra kịp thời các báo cáo cảnh báo, dự báo, giúp ngăn ngừa và có các giải pháp đối phó kịp thời đối với các rủi ro liên quan đến chiến lược, hoạt động, tài chính và tuân thủ. Đồng thời, hệ thống quản trị rủi ro còn phổ cập kiến thức về rủi ro đến các cấp cán bộ công nhân viên trong toàn Tổng Công ty, góp phần nâng cao nhận thức về rủi ro và xây dựng văn hóa về rủi ro doanh nghiệp trong PV Drilling, qua đó sẽ làm gia tăng giá trị và hình ảnh của PV Drilling đối với khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư.

# Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

## CƠ CẤU DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN THEO TỪNG DỊCH VỤ



### DỊCH VỤ KHOAN

Tiếp nối thành công của những năm trước, dịch vụ khoan tiếp tục giữ vững vai trò chủ lực trong sự đóng góp chung vào sự tăng trưởng doanh thu & lợi nhuận cho PV Drilling. Các giàn khoan đều hoạt động an toàn với hiệu suất cao hơn năm 2012 và hoạt động xuyên suốt trong năm 2013.

Doanh thu dịch vụ khoan đạt 9.025 tỷ đồng doanh thu và 1.467 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong năm 2013, tăng ấn tượng 41% doanh thu và 44% lợi nhuận so với kết quả năm 2012.



Hiệu suất hoạt động của các giàn khoan tự nâng, giàn khoan đất liền đạt trên 98% và giàn khoan PV DRILLING V (TAD) đạt trên 96%. Đặc biệt đối với hiệu suất hoạt động của giàn khoan TAD, hoạt động ở vùng nước sâu khắc nghiệt hơn, việc đạt được hiệu suất trên 95% đã là rất thành công, nhưng với hiệu suất hoạt động như trên đã chứng minh cho sự nỗ lực hết mình của đội ngũ nhân lực khoan của giàn khoan này.

Cùng với việc PV Drilling được Hiệp hội Các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) cấp chứng nhận giàn khoan PV DRILLING I đạt 7 năm liền không xảy ra sự cố nghiêm trọng, giàn khoan PV DRILLING II & III đạt 4 năm và giàn khoan TAD đạt 1 năm vận hành an toàn đã minh chứng cho công tác quản trị rủi ro đã được Ban Lãnh đạo quan tâm đúng mực và sự nỗ lực của đội ngũ nhân lực khoan trong việc vượt thử thách và khó khăn trong công việc. Đây cũng là niềm tự hào của đội ngũ kỹ sư vận hành giàn khoan, giúp PV Drilling tự tin cạnh tranh với các nhà thầu khoan trong khu vực.

Đi cùng vận hành hiệu quả, từ quý III/2013, thị trường giàn khoan diễn biến sôi động với giá thuê trên thị trường tăng hơn 15%, theo đó, hợp đồng của các giàn khoan tự nâng thuộc sở hữu của PV Drilling được gia hạn với mức giá thuê mới cao hơn, đóng góp đáng kể vào việc tăng doanh thu và gia tăng tỷ suất lợi nhuận cho mảng dịch vụ này.

**Nỗ lực đầu tư vào các giàn khoan thế hệ mới và các máy móc thiết bị công nghệ hiện đại đã được thể hiện rõ trong chiến lược hoạt động của những năm vừa qua. Đây chính là yếu tố thúc đẩy PV Drilling tăng trưởng mạnh mẽ. Năm 2013 đánh dấu cột mốc quan trọng của Tổng Công ty trong chiến lược vươn ra thị trường thế giới, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn của Tổng Công Ty trở thành nhà thầu khoan uy tín tầm cỡ quốc tế.**

Luôn chủ động và đổi mới chính mình, PV Drilling còn tận dụng những cơ hội thị trường để gia tăng nguồn doanh thu và mở rộng thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc thuê thêm giàn khoan từ các nhà thầu khoan nước ngoài. Năm 2013, PV Drilling sử dụng 6 giàn khoan thuê, tăng gấp đôi số lượng giàn khoan thuê của năm trước, đóng góp gần 43% trong tổng doanh thu của dịch vụ khoan năm 2013 (năm 2012: 34%), góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch kinh doanh ban đầu.

Năm 2013 đánh dấu cột mốc quan trọng của PV Drilling trong chiến lược vươn ra thị trường thế giới, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn của Tổng Công ty trở thành nhà thầu khoan uy tín tầm cỡ quốc tế. Cụ thể, PV Drilling đã thành lập liên doanh tại Singapore để đầu tư thêm vào một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, PV DRILLING VI, dự kiến hoàn thành và đưa vào vận hành trong quý I/2015.

### DỊCH VỤ KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN

Đối với mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, PV Drilling đã duy trì tốt các hợp đồng lớn với các khách hàng truyền thống. Không những thế, nhịp tăng trưởng tiếp tục được giữ vững nhờ tận dụng cơ hội để gia tăng số lượng hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến khoan tương ứng với số lượng giàn khoan thuê tăng trong năm vừa qua.

Doanh thu năm 2013 có sự tăng trưởng đáng kể (22%), một mặt là do ổn định hoạt động của các dịch vụ chính như dịch vụ kéo thả ống chống, đo karota khí, đo địa vật lý giếng khoan khai thác, thử vỉa, cho thuê thiết bị, v.v...; mặt khác tiếp tục phát triển các dịch vụ còn non trẻ như kiểm soát chất rắn (Solid Control), kiểm soát áp suất trong khí khoan (MPD), lọc dung dịch hoàn thiện giếng (Filtration).

Năm 2013, PV Drilling cũng đã chủ động thực hiện, triển khai các chương trình đào tạo sử dụng nguồn lực nội bộ cho các kỹ sư kéo thả ống chống, Solid Control, MPD, từ đó tiết kiệm chi phí & gia tăng lợi nhuận cho Tổng Công ty.

Ngoài ra, đối với một số các dịch vụ kỹ thuật trước đây cần phải hợp tác với các đối tác nước ngoài thì đến nay, PV Drilling đã tự thực hiện được, như dịch vụ bắn vỉa (TCP), Case hole. Điều này vừa củng cố thị phần dịch vụ kỹ thuật, vừa cải thiện đáng kể tỷ suất lợi nhuận so với những năm trước.



Thông qua nguồn quỹ Khoa học và phát triển công nghệ trích hàng năm, các kỹ sư PV Drilling có thêm cơ hội sáng tạo, cải tiến, nâng hiệu suất hoạt động của các dịch vụ. Các sáng kiến thực tế và hữu ích đã được đưa vào áp dụng ngay trong năm 2013, điển hình như các đề tài "Thiết kế & chế tạo máy tách khí không đối", "Thiết bị thử áp lực, kiểm tra và hiệu chuẩn an toàn", v.v...

Nổi bật của năm 2013 cho mảng dịch vụ này, đó là Tổng Công ty đã ký kết và cung cấp thành công dịch vụ trọn gói (Bundle service) cho khách hàng ENI từ cuối quý II cho đến hết năm 2013. Doanh thu đạt được từ hợp đồng này hơn 300 tỷ đồng, góp phần vào sự tăng trưởng doanh thu. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận của dạng hợp đồng này không cao, nên tổng lợi nhuận của dịch vụ kỹ thuật giếng khoan chỉ tăng khoảng 11% so với cùng kỳ năm trước.



## Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 (tiếp theo)

### DỊCH VỤ CUNG ỨNG NHÂN LỰC

Vững vàng đứng ở vị trí thứ 3 trong cơ cấu đóng góp doanh thu và lợi nhuận của PV Drilling năm 2013 đó chính là dịch vụ cung ứng nhân lực. Hòa nhịp cùng với sự sôi động của thị trường khoan dầu khí, các giàn khoan hoạt động nhộn nhịp hơn, đã tạo đà tăng trưởng cho dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan đến khoan.

1.725 tỷ đồng doanh thu và 190 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế là kết quả đạt được của dịch vụ cung ứng nhân lực trong năm 2013. So với cùng kỳ năm trước, doanh thu tăng 27% và lợi nhuận tăng 19%.



PV Drilling đã tiếp tục duy trì và quản lý tốt các hợp đồng cung cấp chuyên gia cho các khách hàng lớn như Premier Oil, Cửu Long JOC, Hoàng Long, Hoàn Vũ, v.v... do được sự tin tưởng của khách hàng về chất lượng cung cấp dịch vụ nhân lực này.

Đến thời điểm này, PV Drilling sở hữu trên 800 nhân lực khoan có tay nghề cao, được đào tạo chuyên nghiệp nên không những có thể cung cấp nhân lực cho các giàn khoan PV Drilling sở hữu mà còn đảm bảo nguồn nhân lực cho các giàn khoan thuê của PV Drilling hoạt động tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Hiểu rõ chất lượng nguồn nhân lực là thật sự cần thiết, Tổng Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nhân sự. Người lao động có thể yêu cầu được đào tạo phát sinh từ việc đánh giá nhu cầu thực tế của bản thân. Bên cạnh đó, họ vẫn phải tham gia các lớp nâng cao, chuyên sâu để đáp ứng được mức độ đòi hỏi về công việc ngày càng cao của Tổng Công ty và đủ khả năng để nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài.

### DỊCH VỤ CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị đạt 1.133 tỷ đồng doanh thu và 40 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế năm 2013.

Trong năm qua, dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị đã thực hiện các hợp đồng cung cấp ống cho Biển Đông; ống conductor cho các nhà thầu dầu; cần khoan & ống thép cho Vietsovpetro; vật tư đầu giếng cho dự án khoan phát triển mỏ Thăng Long - Đông Đô cho Lam Sơn, v.v... Tuy nhiên, doanh thu năm 2013 của mảng dịch vụ này giảm 24% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu giảm số lượng đơn đặt hàng ống lớn conductor, ống nhỏ casing từ Biển Đông ảnh hưởng từ việc thay đổi nhu cầu sử dụng vật tư thiết bị. Mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận của dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị vẫn tăng trưởng 7% so với năm 2012 do tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu của các hợp đồng cung cấp ống nhỏ casing rất thấp.



### DỊCH VỤ CƠ KHÍ SỬA CHỮA

Mảng dịch vụ cơ khí sửa chữa tiếp tục duy trì sự phát triển các dịch vụ thế mạnh như kiểm định, cắt tiện ren, hàn hardband thông qua việc tăng cường đầu tư thêm nhiều máy móc, trang thiết bị công nghệ cao, đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề. Năm 2013, PV Drilling đã đầu tư máy tiện tự động CNC, máy hàn Plasma, hệ thống cáp ngầm hạ thế, v.v... với tổng mức đầu tư khoảng 27 tỷ đồng.

Với mong muốn cung cấp dịch vụ ngày càng đa dạng và trọn gói, trở thành "One stop service Centre" – nơi có thể cung cấp tất cả dịch vụ kiểm định, sửa chữa cho các khách hàng, PV Drilling tập trung phát triển thêm các dịch vụ mới như: chế tạo mặt bích (Flange Component Fabrication), leo dây khảo sát (Rope Access), kiểm định dưới nước (UWILD), cầu lắp sàn trực thăng (Helideck), v.v... trong năm 2013.



Bên cạnh mảng kiểm định hoạt động ổn định và có sự tăng trưởng, dịch vụ thiết kế và chế tạo đã không tăng trưởng như mong đợi do không có được các hợp đồng chế tạo lớn như năm 2012. Các hợp đồng cung cấp hệ thống H4-WHP Compact Manifolds cho Hoàng Long; hợp đồng hệ thống bơm hóa phẩm cho PTSC đã giúp cho doanh thu của năm 2012 tăng trưởng cao. Kết thúc năm 2013, dịch vụ cơ khí sửa chữa không còn ghi nhận doanh thu đột biến nên giảm 40% doanh thu và 28% lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.

### DỊCH VỤ ỨNG CỨU SỰ CỐ TRẦN DẦU

Năm 2013, dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu đạt 75 tỷ đồng doanh thu, tăng 5 tỷ đồng hay 7% so với kết quả năm 2012. Đó là sự nỗ lực rất lớn khi mảng dịch vụ này đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ bên ngoài. Bên cạnh việc duy trì cung cấp dịch vụ ứng cứu cho các khách hàng truyền thống, PV Drilling tiếp tục cung cấp các dịch vụ mới phát triển gần đây như cung cấp tàu biển phục vụ công tác lặn khảo sát vỏ đáy tàu; khảo sát lấy mẫu đất đáy biển; vận chuyển hàng hóa, thiết bị & nhân sự.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ, PV Drilling đã đầu tư thêm các thiết bị phục vụ cho công tác ứng cứu trên sông và trên biển với tổng mức đầu tư khoảng 6 tỷ đồng. Tăng chi phí khấu hao từ việc đầu tư mới, đồng thời dưới sức ép giảm giá cung cấp dịch vụ, lợi nhuận đạt được của năm 2013 giảm khoảng 4% so với năm 2012.

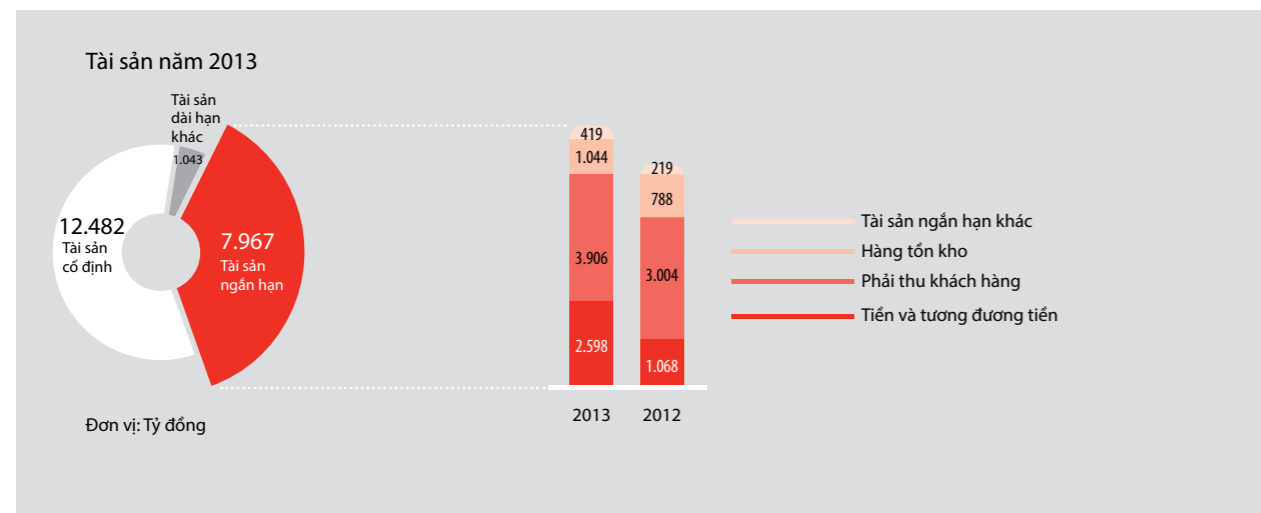


# Phân tích chỉ số tài chính

## CẤU TRÚC VỐN

### Tài Sản

| Chỉ tiêu  | Đơn vị  | 2013   | 2012   | 2011   | 2010   | 2009   |
|---|---------|--------|--------|--------|--------|--------|
| <b>Tổng Tài Sản</b>                             | tỷ đồng | 21.492 | 19.084 | 18.535 | 14.640 | 12.368 |
| Tài sản ngắn hạn                                | tỷ đồng | 7.967  | 5.079  | 3.915  | 3.211  | 2.565  |
| Tài sản dài hạn                                 | tỷ đồng | 13.525 | 14.005 | 14.620 | 11.429 | 9.803  |
| <b>Nợ phải trả</b>                              | tỷ đồng | 11.625 | 12.066 | 12.314 | 9.397  | 8.129  |
| Nợ ngắn hạn                                     | tỷ đồng | 6.765  | 5.691  | 5.087  | 3.992  | 2.501  |
| Nợ dài hạn                                      | tỷ đồng | 4.860  | 6.376  | 7.227  | 5.405  | 5.628  |
| Vốn chủ sở hữu bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số | tỷ đồng | 9.868  | 7.017  | 6.222  | 5.243  | 4.239  |



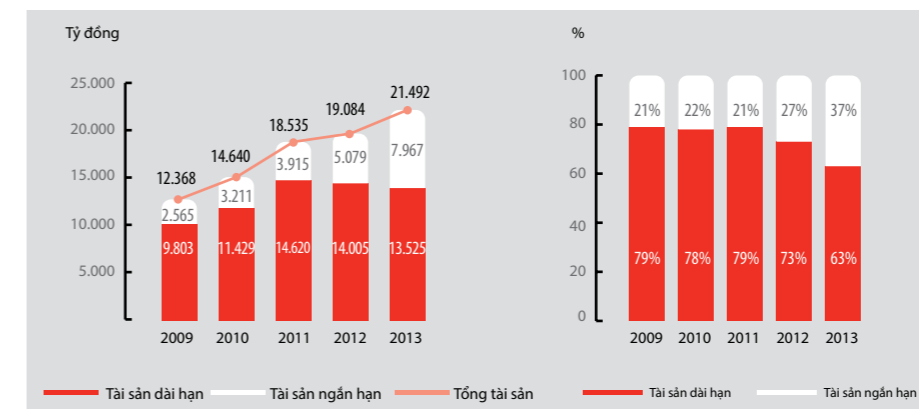
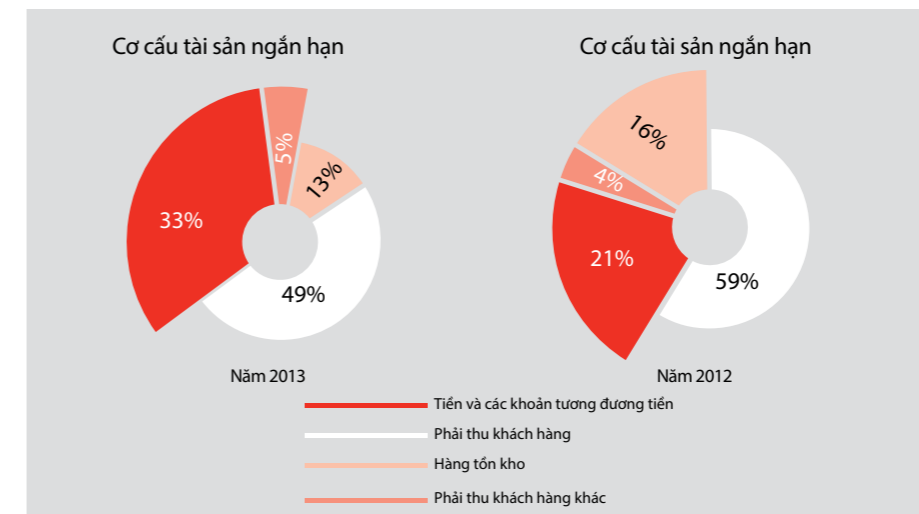
### Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2013 của PV Drilling là 7.967 tỷ đồng, tăng 2.889 tỷ đồng, tương đương 57% so với năm 2012 và tăng gấp 2 lần so với năm 2011. Trong đó, tiền và tương đương tiền tăng hơn 2,4 lần so với thời điểm 31/12/2012 chủ yếu do khoản tiền trên 1.450 tỷ đồng thu từ việc phát hành thêm 40 triệu cổ phần trong quý III/2013 cho mục đích đầu tư thêm giàn khoan và máy móc thiết bị trong năm 2014.

Mặc dù công nợ phải thu khách hàng tăng qua các năm do sự tăng trưởng tốt doanh thu ở các mảng dịch vụ chính nhưng việc quản lý các khoản phải thu tại PV Drilling ngày càng tốt hơn thông qua việc hoàn thiện các quy trình thực hiện, các quy chế quản lý liên quan và việc tuân thủ nghiêm túc từ tất cả các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty.

Tại ngày 31/12/2013, số dư phải thu khách hàng là 3.906 tỷ đồng, tăng 30% so với cuối năm 2012 nhưng tỷ lệ các khoản phải thu quá hạn giảm xuống 2% so với 3% của những năm trước đó và không có nợ xấu.

Sự đổi mới trong việc áp dụng mô hình quản lý hàng tồn kho Economic Order Quantity Model (EOQ) linh hoạt với cơ chế thiết lập mức tồn kho Min - Max tự động tiếp tục phát huy vai trò tích cực, giúp PV Drilling quản lý vật tư hiệu quả và an toàn cho các giàn khoan, tối ưu hóa vòng quay của dòng tiền. Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2013 tăng 256 tỷ đồng hay 32% so với cuối năm 2012 chủ yếu do lưu kho hàng bán thương mại của hợp đồng giá trị, đảm bảo giao hàng đúng hạn cho khách hàng vào đầu năm 2014.



### Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn cuối năm 2013 của PV Drilling là 13.525 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định chiếm 92%, chủ yếu là 5 giàn khoan sở hữu đang cung cấp cho thị trường khoan trong và ngoài nước và các máy móc thiết bị công nghệ cao. Trong năm 2013, PV Drilling cũng đã thực hiện góp vốn vào liên doanh PVD Overseas để đầu tư thêm 1 giàn khoan tự nâng thế hệ mới nhằm tiếp tục phát triển dịch vụ khoan của PV Drilling trên thị trường quốc tế. Vốn góp vào liên doanh sẽ được tiếp tục thực hiện theo tiến độ trong năm 2014 để dự kiến đưa giàn khoan vào hoạt động trong quý I/2015.

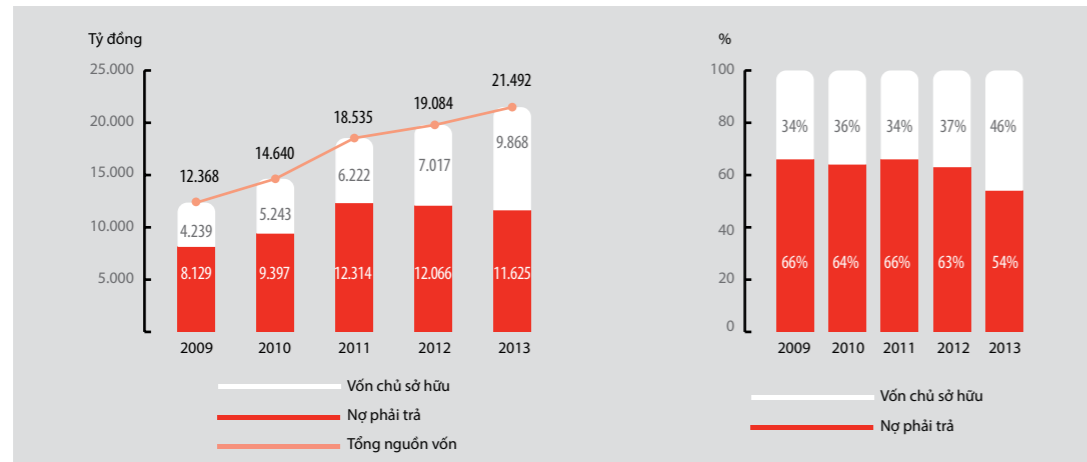
## Phân tích chỉ số tài chính (tiếp theo)

### Nguồn vốn

Cùng với việc tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh hiện nay thì việc xây dựng một cấu trúc vốn phù hợp là một vấn đề hết sức quan trọng, vì điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và rủi ro tài chính mà PV Drilling có thể phải đối mặt.

Để đáp ứng việc đầu tư các giàn khoan hiện đại và máy móc, trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như hiện nay, PV Drilling đã huy động tối đa nguồn vốn bên trong như tăng vốn điều lệ, đồng thời cũng tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài thông qua các khoản vay nợ. Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo PV Drilling cũng tạo điều kiện trong việc sử dụng Quỹ khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra được những sản phẩm, máy móc hiện đại, sáng tạo góp phần vào việc gia tăng giá trị nội lực đảm bảo cho sự phát triển vững bền cho PV Drilling.

Năm 2013 PV Drilling đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần, vì vậy cấu trúc vốn của PV Drilling có sự thay đổi so với giai đoạn vừa qua khi tỷ trọng Nợ và Vốn chủ sở hữu trong tổng Nguồn vốn tương ứng lần lượt là 54% và 46%. Bên cạnh đó hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của PV Drilling đang ở xu hướng giảm dần qua các năm cũng đã thể hiện khả năng kiểm soát các rủi ro và sự ổn định về tình hình tài chính tại PV Drilling.

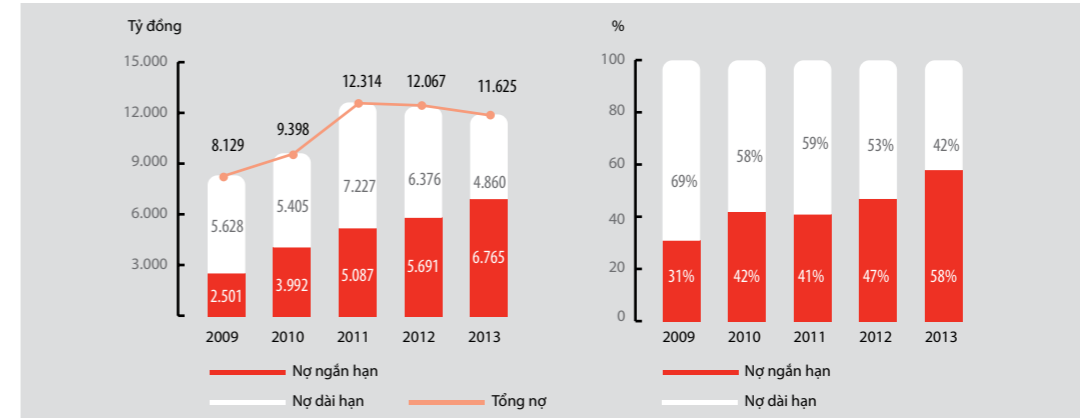


### Nợ phải trả

Tỷ trọng nợ/tổng nguồn vốn năm 2013 là 54% giảm 9% so với năm 2012, tổng nợ phải trả của PV Drilling năm 2013 giảm khoảng 4% so với năm 2012 chủ yếu từ việc giảm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn do PV Drilling đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ vay. Nợ phải trả của PV Drilling là 11.625 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2013, trong đó nợ vay là 5.613 tỷ đồng, chiếm khoảng 48%, bao gồm vay ngắn hạn là 1.829 tỷ đồng (trong đó gồm 1.711 tỷ đồng là nợ dài hạn đến hạn trả), chiếm 33% tổng nợ vay; và vay dài hạn là 3.783 tỷ đồng, chiếm 67% tổng nợ vay.

Tổng nợ vay năm 2013 giảm khoảng 18% so với năm 2012 thể hiện nguồn lực tài chính vững mạnh của PV Drilling, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ vay đến hạn.

Trong năm 2013 PV Drilling đã thực hiện thanh toán đúng hạn cho các khoản vay ngắn và dài hạn khoảng 2.385 tỷ đồng, góp phần giảm bớt áp lực chi trả cho các năm tiếp theo. Để đảm bảo sự ổn định tài chính và hạn chế rủi ro, PV Drilling luôn quản lý, giám sát chặt chẽ các khoản công nợ với đối tác, phân tích khả năng thanh toán nợ nhằm đưa ra những giải pháp xử lý kịp thời và hiệu quả.



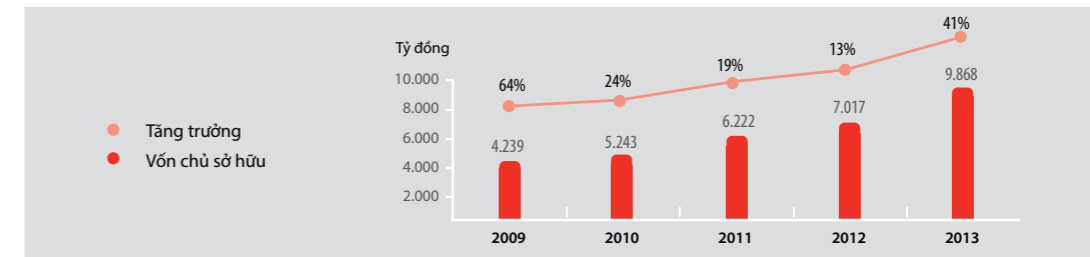
### Nguồn vốn chủ sở hữu

PV Drilling đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ 2.105 tỷ đồng lên 2.755 tỷ đồng trong năm 2013 thông qua:

- Chào bán riêng lẻ 38.000.000 cổ phần cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và cho các nhà đầu tư khác;
- Phát hành 2.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động PV Drilling (ESOP);
- Phát hành 25.020.480 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2012.

Bên cạnh đó việc chào bán riêng lẻ 38 triệu cổ phần đã đem lại cho PV Drilling hơn 1.050 tỷ đồng thặng dư vốn. Vì vậy nguồn vốn chủ sở hữu của PV Drilling bao gồm lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày 31/12/2013 đạt 9.868 tỷ đồng tăng 2.850 tỷ đồng tương đương 41% so với cuối năm 2012 chủ yếu từ việc phát hành tăng vốn và từ lợi nhuận chưa phân phối của cổ đông. Nguồn tiền thu được từ việc phát hành riêng lẻ cổ phần sẽ được dùng góp vốn vào liên doanh PVD Overseas để đầu tư giàn khoan PV Drilling VI và tài trợ cho các dự án đầu tư giàn khoan cũng như các trang thiết bị kỹ thuật trong năm 2014 và 2015.

Việc tăng vốn điều lệ đã làm thay đổi tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn PV Drilling, tăng từ 37% trong năm 2012 lên 46% trong năm 2013, như vậy các dự án đầu tư sẽ được tài trợ bằng chính nguồn vốn của PV Drilling, điều này giúp hạn chế được các rủi ro, tạo nền tảng cho sự phát triển vững bền của PV Drilling.



### PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Năm 2013, PV Drilling đã gặt hái được nhiều thành công với kết quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng ấn tượng, phát hành thành công 40 triệu cổ phiếu thu về hơn 1.450 tỷ đồng trong đó thặng dư hơn 1.050 tỷ đồng. Để đứng vững trước những tác động tiêu cực từ môi trường bên ngoài, công tác quản trị doanh nghiệp được Ban Lãnh đạo chú trọng và không ngừng cải tiến cùng quy mô doanh nghiệp ngày một mở rộng nhằm tối ưu hóa hiệu suất hoạt động, giảm thiểu chi phí một cách hợp lý, gia tăng tỷ suất sinh lời. Song song với đẩy mạnh khả năng sinh lời trên tài sản, nhằm duy trì sự phát triển bền vững của PV Drilling, PV Drilling luôn cân đối giữa đầu tư tăng trưởng và sức khỏe tài chính của doanh nghiệp, sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý và đảm bảo đáp ứng thanh khoản ngắn và dài hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.



## Phân tích chỉ số tài chính (tiếp theo)

| Mô hình Dupont | Diễn giải   | 2013   | 2012   | 2011   |
|----------------|---|--------|--------|--------|
|                | Tác động từ thuế thu nhập doanh nghiệp (Lợi nhuận sau thuế*/Lợi nhuận trước thuế)                   | 0,82   | 0,78   | 0,87   |
| x              | Kiểm soát lãi vay (Lợi nhuận trước thuế/EBIT)   | 0,89   | 0,87   | 0,80   |
| x              | EBIT/Doanh thu  | 17,25% | 16,37% | 16,73% |
| =              | Tỷ suất lợi nhuận ròng (*)  | 12,67% | 11,08% | 11,58% |
| x              | Hiệu suất sử dụng tài sản (Doanh thu/ Tổng tài sản)   | 0,73   | 0,63   | 0,56   |
| =              | Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)                         | 9,28%  | 7,03%  | 6,43%  |
| x              | Đòn bẩy tài chính (Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu) (**)  | 2,41   | 2,85   | 2,90   |
| =              | Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)  | 22,38% | 20,04% | 18,67% |
|                | Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) nếu loại vốn chủ sở hữu tăng do phát hành thêm trong năm | 24,51% |        |        |

(\*) : Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ

(\*\*) : Đòn bẩy tài chính được tính theo mô hình Dupont dựa trên bình quân tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

### SỨC KHỎE TÀI CHÍNH – NỀN TẢNG CỦA SỰ BỀN VỮNG

#### Đòn bẩy tài chính - thanh khoản dài hạn

Trong những năm 2011 và 2012, kinh tế Việt Nam chứng kiến nhiều doanh nghiệp đầu ngành và tập đoàn lớn có tiềm năng tăng trưởng mạnh bỗng dưng lâm vào cảnh thua lỗ, có nguy cơ phá sản. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là các doanh nghiệp này đã đánh đổi thanh khoản ngắn và dài hạn để đầu tư tràn lan, lạm dụng đòn bẩy tài chính, vốn vay ngân hàng. Sử dụng đòn bẩy tài chính là một trong những cách gia tăng tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu tuy nhiên đối lại doanh nghiệp phải chịu áp lực lãi vay lớn và sức đề kháng yếu với những cú sốc thị trường, đe dọa phát triển bền vững, lợi ích lâu dài của cổ đông.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ thăm dò khai thác, việc đầu tư thêm các giàn khoan thế hệ mới, công nghệ cao là chiến lược để cạnh tranh, duy trì tốc độ phát triển. Nguồn vốn vay ngân hàng là nguồn lực hỗ trợ PV Drilling trang trải cho các dự án đầu tư này. Tuy nhiên PV Drilling luôn thận trọng trong việc huy động vốn vay nhằm đảm bảo một cấu trúc vốn hợp lý, theo dõi sát sao kế hoạch giải ngân, biến động lãi suất nhằm duy trì thanh khoản. Các chỉ số đòn cân nợ, bảo đảm lãi vay đều được chuẩn hóa thành quy chế nhằm quản lý sức khỏe tài chính có định hướng và mục tiêu, đảm bảo được yêu cầu của các tổ chức tín dụng.

#### Quy chế quản lý tài chính

| Chỉ số                      | Mục tiêu  |
|-----------------------------|---|
| <b>Quản lý công nợ</b>      |   |
| Số ngày thu tiền hàng       | Dịch vụ khoan: Không quá 50 ngày<br>Dịch vụ khác: Không quá 65 ngày |
| Chỉ số thanh toán hiện hành | Trên 1 lần  |
| Chỉ số thanh toán nhanh     | Trên 0,8 lần  |
| <b>Quản lý vốn vay</b>      |   |
| Tổng nợ vay/EBITDA          | Dưới 2 lần  |
| Tổng nợ vay/Vốn chủ sở hữu  | Dưới 1,5 lần  |

Sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính, kiểm soát chặt chẽ đã hỗ trợ tỷ suất sinh lời trên vốn của cổ đông (ROE) tăng trưởng bền vững trong nhiều năm qua. Có thể thấy, theo mô hình Dupont, chỉ số ROE tăng dần đều trong 3 năm qua và đóng góp vào tăng trưởng của chỉ số này là hiệu suất sử dụng tài sản, hiệu suất sinh lời thay vì gia tăng đòn bẩy tài chính do chỉ số Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu giảm từ 2,98x xuống còn 2,18x trong giai đoạn 2011 - 2013.

#### Chỉ số nợ và thanh khoản dài hạn

|                             | 2013  | 2012 | 2011 |
|-----------------------------|-------|------|------|
| Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu | 2,18  | 2,72 | 2,98 |
| Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu (*)  | 1,01  | 1,38 | 1,59 |
| Tổng nợ vay/Vốn chủ sở hữu  | 0,57  | 0,97 | 1,27 |
| Tổng nợ vay/Tổng tài sản    | 0,26  | 0,36 | 0,43 |
| Tổng nợ vay/EBITDA          | 1,53  | 2,29 | 3,51 |
| Chỉ số đảm bảo lãi vay      | 11,50 | 6,47 | 5,76 |

(\*) : Đã loại trừ các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ thương mại và dịch vụ thuê ngoài (Back-to-Back), cũng như khoản phải trả dài hạn khác (ghi nhận phần vốn góp tương ứng 38% của các bên trong hợp đồng BCC của giàn khoan PV DRILLING V) để phản ánh đúng bản chất hoạt động của PV Drilling.

Khi thực hiện các dự án đầu tư giàn khoan, máy móc thiết bị giá trị lớn, PV Drilling đã sử dụng cấu trúc vốn 70/30 (70% vốn vay và 30% vốn chủ sở hữu), cùng với thẩm định dự án toàn diện đảm bảo suất sinh lời cho cả chủ tín dụng và chủ sở hữu, các chỉ số nợ của PV Drilling đã giảm dần qua các năm. Trong năm 2013, các chỉ số Tổng nợ vay/EBITDA và Tổng nợ vay/Vốn chủ sở hữu đã giảm xuống dưới mức trần quy định bởi Quy chế quản lý tài chính do trong năm vừa qua, Tổng Công ty đã trả hơn 73,4 triệu USD nợ gốc vay dài hạn, trong đó đã hoàn thành nghĩa vụ nợ cho giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 và không phát sinh khoản vay nào mới. Ngoài ra, phát hành riêng lẻ thành công với thặng dư lớn đã góp phần cải thiện cấu trúc nguồn vốn.

So sánh với các công ty cùng ngành, cấu trúc vốn 70/30 là một cấu trúc hợp lý và an toàn tương đương mức trung bình của các nhà thầu khoan trên thế giới. Không những thế, PV Drilling còn tạo ra giá trị gia tăng cho cổ đông với mức ROE hấp dẫn.

Nợ gốc vay giảm và kinh doanh tăng trưởng đã hỗ trợ cải thiện chỉ số đảm bảo lãi vay lên đến 11,50x trong năm 2013. Trong giai đoạn đầu tư dự án PV DRILLING V năm 2010 - 2011, chỉ số đảm bảo lãi vay đã giảm mạnh tuy nhiên đã tăng dần trở lại không chỉ nhờ công tác quản lý nợ hiệu quả và hiệu quả từ các dự án đầu tư mang lại mà còn lợi thế của PV Drilling khi tiếp cận được nguồn vốn tín dụng với mức lãi suất cạnh tranh.

Hiện nay, các khoản vay dài hạn của PV Drilling đều bằng đồng USD với lãi suất thả nổi LIBOR hoặc SIBOR + biên, bình quân lãi suất PV Drilling phải trả khoảng 3,5% trong năm 2013, cũng chính là lợi thế cạnh tranh của Tổng Công ty. Mặc dù chương trình kích thích sẽ cắt giảm dần trong thời gian tới khiến các lãi suất liên ngân hàng tăng nhanh, PV Drilling đã kịp thời sử dụng các hợp đồng phái sinh (swaps) để trung hòa rủi ro lãi suất, duy trì thanh khoản ổn định và sẽ tiếp tục xem xét thực hiện các công cụ thích hợp khác để kiểm soát các chỉ số tài chính đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

#### Thanh khoản ngắn hạn

##### Chỉ số thanh khoản ngắn hạn

|                            | 2013 | 2012 | 2011 |
|----------------------------|------|------|------|
| Hệ số thanh toán hiện hành | 1,18 | 1,01 | 0,90 |
| Hệ số thanh toán nhanh     | 1,02 | 0,83 | 0,66 |



## Phân tích chỉ số tài chính (tiếp theo)

Nhằm đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn và hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, hiệu quả, PV Drilling đã xây dựng bộ phận Ngân Quỹ nhằm điều phối dòng tiền giữa các đơn vị, quản lý vốn lưu động hiệu quả qua kiểm soát công nợ và các khoản phải trả chặt chẽ. Mặc dù trong giai đoạn đầu tư giàn khoan PV DRILLING V, áp lực thanh toán lớn khiến các hệ số giảm xuống dưới 1 lần trong năm 2011, các chỉ số đã cải thiện kể từ năm 2012. Trong năm 2013, hệ số thanh toán hiện hành tăng so với năm 2012 và vượt xa mức yêu cầu trong Quy chế Quản lý tài chính.

### Tài chính lành mạnh – nền tảng của sự bền vững

Với những lợi thế nội tại về tình hình tài chính ổn định, PV Drilling đã xây dựng được uy tín tốt trong mắt các tổ chức tín dụng và nhà đầu tư. Đây cũng chính là tiền đề để PV Drilling tiếp tục đầu tư thêm giàn khoan và mở rộng kinh doanh thông qua khả năng tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng có mức lãi suất cạnh tranh nhất trên thị trường; và cơ chế quản lý tài chính toàn diện sẽ giảm thiểu rủi ro khi đầu tư dự án mới, mở rộng quy mô công ty.

### TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC – NÂNG CAO HIỆU SUẤT

#### Năng lực hoạt động và hiệu suất sử dụng tài sản

|                                | 2013 | 2012 | 2011 |
|--------------------------------|------|------|------|
| Kỳ thu tiền bình quân          | 68   | 76   | 76   |
| Kỳ lưu kho bình quân           | 29   | 23   | 24   |
| Kỳ trả tiền bình quân          | 68   | 64   | 60   |
| Vòng quay tổng tài sản cố định | 1,15 | 0,87 | 0,73 |
| Vòng quay tổng tài sản         | 0,73 | 0,63 | 0,56 |

Trong 3 năm qua, đóng góp lớn vào lợi ích của cổ đông chính là cải thiện trong hiệu suất sử dụng tài sản khi một đồng tài sản tương đương với 0,56x đồng doanh thu vào năm 2011 thì con số này đã tăng lên đến 0,73x đồng trong năm 2013. Trong đó, vòng quay tổng tài sản cố định tăng từ 0,73x lên 1,15x. Kể từ năm 2011 đến nay, tổng tài sản của PV Drilling đã tăng khoảng 16% chủ yếu là các giàn khoan hiện đại, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh do vậy tạo ra nguồn doanh thu hiệu quả thể hiện qua mức tăng doanh thu hơn 60%. PV Drilling đã sử dụng triệt để các nguồn lực, cùng lúc vận hành 5 giàn khoan sở hữu và 6 giàn khoan thuê trong năm 2013 với hiệu suất hoạt động bình quân trên 98%.

Thanh khoản ngắn hạn và hiệu suất sử dụng tài sản tại PV Drilling cải thiện đến từ hiệu quả quản lý vốn lưu động của doanh nghiệp. Đối với quản trị hàng tồn kho, PV Drilling đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý từ năm 2007 với hệ thống Maximo áp dụng đồng bộ từ kho trung tâm đến các kho vệ tinh. Đến năm 2012, hệ thống Maximo được nâng cấp thêm Mô hình đặt hàng kinh tế cơ bản (Economic Order Quantity – EOQ) linh hoạt với cơ chế Min - Max tự động đã tạo ra một chuỗi cung ứng liên tục, đảm bảo các giàn khoan, cơ sở vận hành liên tục song song với giảm thiểu lãng phí, tiết kiệm chi phí. Do vậy, mặc dù số lượng giàn khoan do PV Drilling vận hành tăng cao, kỳ lưu kho bình quân vẫn ổn định.

Trong năm 2013, PV Drilling đã đẩy mạnh công tác quản lý, thu hồi công nợ do vậy kỳ thu tiền bình quân đã giảm từ 76 ngày trong năm 2012 xuống còn 68 ngày và không có khoản nợ quá hạn. Ban Lãnh đạo cùng các phòng ban đang tích cực xây dựng mối quan hệ với khách hàng tốt hơn nhằm giảm số ngày thu hồi công nợ. Kỳ trả tiền bình quân của Tổng Công ty ổn định qua nhiều năm cho thấy mối quan hệ bền vững và uy tín của PV Drilling với các nhà cung cấp.

## KIỂM SOÁT CHI PHÍ TỐT – HIỆU SUẤT SINH LỜI CAO

### Kiểm soát chi phí

#### Tỷ trọng các loại chi phí trên doanh thu



Biểu đồ trên cho thấy trong 3 năm qua với quy mô hoạt động mở rộng nhanh chóng, với mức tăng trưởng doanh thu hàng năm là 27% (CAGR), cơ cấu chi phí vẫn duy trì ổn định qua các năm thể hiện hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả và cơ chế quản trị rủi ro phát huy tác dụng trong việc kiểm soát rủi ro, tiết kiệm chi phí. Đối với chi phí lãi vay, PV Drilling không chịu nhiều áp lực từ lãi vay do nợ gốc vay đã giảm gần 30% trong năm.

#### Tỷ suất sinh lời

|  | 2013  | 2012  | 2011  |
|--|-------|-------|-------|
| Lợi nhuận gộp/ Doanh thu                   | 22,4% | 22,5% | 22,3% |
| EBIT/ Doanh thu                            | 17,2% | 16,4% | 16,7% |
| EBITDA/ Doanh thu                          | 24,7% | 24,9% | 24,4% |
| Lợi nhuận ròng/Doanh thu                   | 12,7% | 11,1% | 11,6% |
| Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)   | 9,3%  | 7,0%  | 6,4%  |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) | 22,4% | 20,0% | 18,7% |

Hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả giảm thiểu chi phí song hành với điều kiện thuận lợi của thị trường khoan trong năm 2013 khi giá các hợp đồng cho thuê giàn khoan sở hữu của PV Drilling tăng trung bình 15% so với cùng kỳ khiến lợi nhuận gia tăng đáng kể. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu và tài sản tăng lần lượt 1,6% và 2,3% so với cùng kỳ đã hỗ trợ ROE vượt 22%. So sánh với các công ty trong ngành dầu khí trên thế giới, mặc dù PV Drilling là một nhà thầu khoan còn non trẻ nhưng đã đạt được tiêu chuẩn quốc tế trong vận hành giàn khoan và điều hành doanh nghiệp, đem lại tỷ suất sinh lời hấp dẫn so với thị trường. Đây chính là những sức mạnh nội tại để PV Drilling tiếp tục đầu tư, phát triển, chuẩn hóa các quy trình, quy chế hoạt động và hiện thực hóa tầm nhìn trở thành nhà thầu khoan tầm cỡ quốc tế.

## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả



**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
Giám đốc PVD Drilling Division

**Được tham gia vào các dự án trọng điểm của Tổng Công ty đã chứng minh khả năng quản lý và vận hành đội ngũ giàn khoan tân tiến và hiện đại của Xí nghiệp.**

### Xí nghiệp Điều hành khoan (PVD Drilling Division)

ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2007 VỚI NHIỆM VỤ CHÍNH LÀ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÁC GIÀN KHOAN DO PV DRILLING SỞ HỮU, VỚI ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ TRẺ, CHUYÊN NGHIỆP, NHỊT HUYẾT CAO, KHÔNG NGỪNG SÁNG TẠO, SẴN SÀNG ĐƯƠNG ĐẦU VỚI THỬ THÁCH ĐỂ HOÀN THIỆN BẢN THÂN, ĐẾN NAY XÍ NGHIỆP ĐIỀU HÀNH KHOAN TỰ TIN ĐỦ NĂNG LỰC TIẾP NHẬN VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÁC GIÀN KHOAN HIỆN ĐẠI BẬC NHẤT TRÊN THẾ GIỚI.

Năm 2013, ngoài việc vận hành hiệu quả 3 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan đất liền, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) và 6 giàn khoan thuê ngoài, Xí nghiệp Điều hành khoan còn tham gia vào một dự án quan trọng của Tổng Công ty, dự án đóng mới giàn khoan tự nâng PV DRILLING VI, do liên doanh PV Drilling Overseas làm chủ đầu tư. Giàn khoan mới này sẽ sử dụng các công nghệ tiên tiến nhất hiện nay. Giàn có khả năng khoan ở độ sâu 120 m nước và sẽ là giàn khoan lớn nhất trong số các giàn khoan tự nâng hiện tại của PV Drilling.

Có được những thành quả vượt trội trong năm 2013 là do Xí nghiệp tập trung triển khai quản lý hiệu quả các lĩnh vực then chốt của hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên mô hình Thẻ điểm cân bằng (BSC). Mô hình này đã giúp Xí nghiệp định hướng và phân bổ các nguồn lực hợp lý để đạt được các mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc đào tạo, phát triển nguồn lực, quản lý... đã góp phần tạo nên thành công cho đơn vị trong năm 2013 cụ thể:

- Phát triển và ứng dụng thành công chương trình đào tạo nhân lực khoan OJT (On Job Training) giúp giảm thiểu các rủi ro liên quan đến nguồn nhân lực ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, đồng thời đảm bảo kiến thức và kinh nghiệm của đội ngũ nhân sự lành nghề được chuyển giao cho các thế hệ trẻ, theo đó giúp cho Tổng Công ty làm chủ các công nghệ khoan hiện đại của mình;
- Bước đầu phát triển thành công hệ thống đặt hàng dựa trên tiêu chuẩn Min - Max trong hệ thống Maximo nhằm tối ưu hóa hàng lưu kho và cải tiến hệ thống quản lý vật tư, thiết bị theo hướng hiện đại và khoa học;
- Phát triển và ứng dụng thành công Hệ thống quản trị tài liệu (DOCS) giúp cho việc quản lý tài liệu được hệ thống, an toàn và dễ truy cập bởi người dùng;
- Khởi động xây dựng hệ thống bảo dưỡng RCM (Reliability Centered Maintenance). Hệ thống này sau khi được xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng sẽ giúp Xí nghiệp tăng cường tiết kiệm chi phí và thời gian hoạt động hiệu quả của thiết bị.

Ngoài ra, năm 2013 tiếp tục ghi nhận những mốc son trong công tác vận hành các giàn khoan của Xí nghiệp, cụ thể:

- Giàn khoan PV DRILLING I đạt mốc 7 năm vận hành an toàn không xảy ra tai nạn mất thời gian làm việc (Zero LTI) (tính đến ngày 10/3/2014);
- Giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt mốc 4 năm vận hành an toàn không xảy ra tai nạn mất thời gian làm việc (Zero LTI);
- Giàn khoan PV DRILLING V đạt mốc 1 năm vận hành an toàn không xảy ra tai nạn mất thời gian làm việc (Zero LTI).

Không ngừng sáng tạo để vươn tới những tầm cao mới luôn là phương châm trong chiến lược phát triển của Xí nghiệp và phù hợp với định hướng chiến lược của Tổng Công ty. Xác định con người với khối óc sáng tạo luôn là một trong những yếu tố cốt lõi cho sự thành công, năm 2014 Xí nghiệp sẽ tiếp tục tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoan, tập trung sáng tạo cải thiện hệ thống quản trị, đó sẽ là trọng tâm ưu tiên phát triển nhằm tiến tới sự phát triển bền vững của mình. Sự tập trung vào các ưu tiên có lựa chọn này không những đóng vai trò quan trọng trong việc giúp Xí nghiệp xác định và hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh mà còn là một trong những yếu tố quan trọng giúp Xí nghiệp chuẩn bị một cách tốt nhất cho việc đón nhận và vận hành giàn khoan mới dự kiến được hạ thủy và đưa vào hoạt động trong quý I năm 2015.



*Năm 2014 Xí nghiệp sẽ tiếp tục tập trung đào tạo & phát triển nguồn nhân lực khoan, cải tiến hệ thống quản trị nhằm tiến tới phát triển bền vững.*

DOANH THU<sup>(\*)</sup>  
**7.958**  
tỷ đồng

(\*) Doanh thu các giàn khoan của Tổng Công ty do Xí nghiệp Điều hành khoan quản lý và vận hành.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ  
**1.317**  
tỷ đồng

## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**TRẦN THANH TÂN**  
Giám đốc PVD Offshore

**PVD Offshore đã tích cực đưa ra các sáng kiến cải tiến kỹ thuật cũng như áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần đáng kể vào việc nâng cao năng lực của Công ty.**

### Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD OFFSHORE)

Vốn điều lệ 80 tỷ đồng

ĐƯỢC THÀNH LẬP TỪ NĂM 2007, PVD OFFSHORE THỰC HIỆN CUNG CẤP 3 MẢNG DỊCH VỤ CHÍNH LÀ DỊCH VỤ CUNG ỨNG NHÂN LỰC KHOAN, DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH - SỬA CHỮA - BẢO DƯỠNG VÀ CHẾ TẠO CÁC THIẾT BỊ KHOAN, DỊCH VỤ ỨNG CỨU SỰ CỐ TRẦN DẦU.

Hiện nay, các dịch vụ cung cấp của đơn vị đều chiếm tối đa thị phần trong nước và từng bước mở rộng dịch vụ ra các nước trong khu vực. Năm 2013 là năm tiếp tục đánh dấu sự thành công trong hoạt động SXKD của PVD Offshore với doanh thu đạt 913 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 202 tỷ đồng.

Với đội ngũ hơn 750 nhân công khoan lành nghề, được đào tạo bài bản, hiện nay PVD Offshore có thể cung ứng hiệu quả cùng lúc nhiều chức danh khác nhau cho 12 - 13 giàn khoan tại Việt Nam và một số nước trong khu vực. Bên cạnh đó, PVD Offshore cũng đã mở rộng cung ứng nguồn nhân lực trên bờ cho một số công ty, nhà máy tại khu vực phía Nam.

Dịch vụ Kiểm định, Sửa chữa, Bảo dưỡng và Chế tạo các thiết bị khoan vẫn tiếp tục duy trì tốc độ phát triển mạnh mẽ và chiếm lĩnh được phần lớn thị phần dịch vụ cắt tiện ren, kiểm định cần khoan, ống chống và thiết bị nâng hạ tại Việt Nam. Công ty cũng đã thành công bước đầu trong việc phát triển một số dịch vụ mới như Dịch vụ Rope Access; Dịch vụ Underwater Inspection; Dịch vụ chế tạo mặt bích,... Đơn vị đã triển khai đầu tư hiện đại hóa các máy móc thiết bị tiêu chuẩn như Tổ hợp máy phay CNC, Máy tiện CNC có chức năng phay, Máy hàn đắp hợp kim cứng, Máy kiểm tra khuyết tật cần khoan bằng từ tính, Máy hàn tự động... Bên cạnh đó, đơn vị cũng chú trọng công tác đào tạo chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật nhằm từng bước tiếp cận làm chủ các công nghệ mới để ngày càng đáp ứng cao hơn nữa nhu cầu của khách hàng và đảm bảo cung cấp dịch vụ trọn gói cho các dịch vụ thuộc thể mạnh của mình.

Dịch vụ Ứng cứu sự cố tràn dầu tiếp tục giữ vững thị phần cao, ngoài các khách hàng là các nhà thầu dầu khí, PVD Offshore đã và đang mở rộng cung cấp dịch vụ cho các khu vực cảng sông, cảng biển, các công ty tàng trữ, vận chuyển dầu trong nước cũng như mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, cụ thể là cho chiến dịch khoan của khách hàng tại Myanmar. Ngoài ra, với việc tiếp quản hai tàu NASOS I, NASOS II, năm 2013 PVD Offshore đã hỗ trợ các khách hàng có nhu cầu trong công tác hậu cần một cách hiệu quả và đã mang lại nguồn thu đáng kể cho mảng dịch vụ này.



Năm 2013 hưởng ứng chiến dịch sáng tạo, đổi mới và làm chủ công nghệ để phát triển bền vững, PVD Offshore đã tích cực đưa ra các sáng kiến cải tiến kỹ thuật cũng như áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần đáng kể vào việc nâng cao năng lực của Công ty. Đặc biệt, PVD Offshore vừa được Tổng Công ty cho phép sử dụng Quỹ Phát triển KHCN để đầu tư "Mua mới Máy tiện tự động CNC", đồng thời được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra Quyết định số 08/SKH-CN-QLCN ngày 10/01/2014 xác nhận đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị trong việc ứng dụng công nghệ máy tiện tự động CNC vào sản xuất của Công ty.

Với chiến lược kinh doanh hợp lý cùng với ý thức trách nhiệm của một Nhà cung cấp dịch vụ đáng tin cậy, PVD Offshore cam kết không ngừng nỗ lực để tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa trong những năm tiếp theo cũng như khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực dầu khí.

**Năm 2013 hưởng ứng chiến dịch sáng tạo, đổi mới và làm chủ công nghệ để phát triển bền vững, PVD Offshore đã tích cực đưa ra các sáng kiến cải tiến kỹ thuật cũng như áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần đáng kể vào việc nâng cao năng lực của Công ty nói riêng và Tổng Công ty nói chung.**

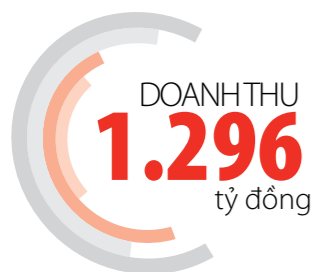


## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**LƯƠNG VĂN CƯỜNG**  
Giám đốc PVD Logging

Với thế mạnh nội lực từ các dịch vụ tự cung tự cấp, kết hợp với các công ty đa quốc gia hàng đầu và quá trình đầu tư nghiêm túc cho công tác nghiên cứu cải tiến khoa học kỹ thuật, PVD Logging tin tưởng sẽ tiếp tục đạt được những mục tiêu phát triển được đặt ra trong những năm tới.



### Công ty TNHH MTV Địa vật lý Giếng khoan Dầu khí (PVD LOGGING)

Vốn điều lệ 80 tỷ đồng

CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG TỪ NĂM 2006, PVD LOGGING CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT CAO TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ, CHIẾM LĨNH PHẦN LỚN THỊ PHẦN DỊCH VỤ TRONG NƯỚC.

Thế mạnh của Công ty là dịch vụ đo Karota khí (Mud Logging), kéo thả thiết bị & đo Karota khai thác (Slickline & Cased Hole Logging / Production Logging), thử vỉa (Well Testing) và cung cấp các chuyên gia địa chất (Provisions of Geological Specialist). Đặc biệt, dịch vụ đo Karota khí và dịch vụ kéo thả thiết bị & đo Karota khai thác luôn giữ vững tỉ trọng trên 70% thị trường trong nhiều năm qua.

Sau nhiều năm khuyến khích và đầu tư thỏa đáng cho công tác nghiên cứu và cải tiến khoa học kỹ thuật, năm 2013 Công ty đã gặt hái những thành quả đáng kể. Bộ bẫy khí có dung dịch không đổi (Contain Volum Degaser - CVD) kết hợp với thiết bị cảm biến đo tỉ trọng dung dịch có độ nhạy cao (Corolois Density Sensor) được nhiều khách hàng sử dụng trong các giếng khoan có yêu cầu kỹ thuật cao. Phần mềm hỗ trợ xây dựng cột địa tầng giếng khoan cũng đã xuất hiện trên các giàn khoan thăm dò trong nước. Ngoài ra, còn nhiều sản phẩm khác đang trong giai đoạn phát triển trong phòng thí nghiệm cũng hứa hẹn những kết quả khả quan. Những hệ thống và thiết bị này vừa làm lợi về mặt tài chính cho Công ty, vừa nâng sức cạnh tranh của Công ty với các công ty đa quốc gia hoạt động lâu năm trong cùng lĩnh vực.

Thực hiện định hướng phát triển dịch vụ ra nước ngoài của Tổng Công ty, năm 2013 Công ty đã hoàn thành hợp đồng đầu tiên cung cấp dịch vụ đo Karota khí và dịch vụ cung cấp chuyên gia Địa chất cho một giếng khoan thăm dò dầu khí ở Myanmar và được khách hàng đánh giá cao, kỳ vọng tiếp tục cung cấp các dịch vụ này cho giếng khoan tiếp theo trong năm 2014. Công ty cũng nghiên cứu khả năng thâm nhập vào các thị trường khác trong khu vực như Thái Lan và Malaysia trong năm 2014.

Với thế mạnh nội lực từ các dịch vụ tự cung tự cấp, kết hợp với các công ty đa quốc gia hàng đầu và quá trình đầu tư nghiêm túc cho công tác nghiên cứu cải tiến khoa học kỹ thuật, PVD Logging tin tưởng sẽ tiếp tục đạt được những mục tiêu phát triển được đặt ra trong những năm tới, theo định hướng đưa đến sự phát triển bền vững cho Công ty.

Năm 2013, Công ty đã ghi nhận được các kết quả kinh doanh rất đáng khích lệ với doanh thu đạt 1.296 tỷ đồng, tăng trưởng 42%, lợi nhuận trước thuế đạt 153 tỷ, tăng trưởng 45% so với năm 2012.

## Cải tiến nâng cao khoa học kỹ thuật

Xác định mục tiêu cạnh tranh trực tiếp với các công ty dịch vụ đa quốc gia hàng đầu trên thế giới, PVD Logging đã định hướng phải khuyến khích và đầu tư thỏa đáng vào công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tạo ra những hệ thống đủ sức quảng bá tầm vóc một thương hiệu Việt.

Trong năm 2013, Công ty đã có những bước tiến đáng kể trong các hoạt động nghiên cứu và cải tiến khoa học kỹ thuật, vừa làm lợi về mặt tài chính cho Công ty, vừa nâng sức cạnh tranh của Công ty với các công ty đa quốc gia hoạt động lâu năm trong cùng lĩnh vực. Các nghiên cứu, cải tiến khoa học kỹ thuật nổi bật có thể kể đến như:

Nghiên cứu đưa ra thị trường bộ bẫy khí có dung tích không đổi (Contain Volum Degaser) kết hợp với thiết bị cảm biến đo tỉ trọng dung dịch có độ nhạy cao (Corolois Density Sensor). Bộ thiết bị này được khách hàng đánh giá cao khi đưa vào cung cấp và được yêu cầu sử dụng cho các giếng khoan có địa tầng phức tạp.

Hoàn thành phần mềm xây dựng cột địa tầng giếng khoan, phục vụ trên các giàn khoan và văn phòng các công ty khách hàng, đảm bảo tính năng giao diện thân thiện, sử dụng đơn giản và nhiều chức năng hơn các phần mềm hiện hữu trên thị trường.

Cải tiến các thiết bị có sẵn, nâng cao tính năng hoạt động, kéo dài tuổi thọ, dễ dàng thao tác bảo trì bảo dưỡng v.v... như: thiết bị cảm biến kiểm soát dòng dung dịch Flow Return Sensor – Paddle Type), bộ chống sục nước (Decanting Tube) của hệ thống tách khí,...

Không dừng lại ở đó, hiện Công ty vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu tìm kiếm, tính toán, thử nghiệm, để đưa ra những sản phẩm mới như thiết kế và sản xuất hệ thống phân bố và điều khiển dòng khí (Gas Pneumatic panel), xây dựng hệ thống phát hiện giếng phun trào sớm (Early Kick Detector System), hệ thống phần mềm thu nhận và xử lý dữ liệu của hệ thống đo Karota khí, hệ thống phần cứng dự phòng và phần mềm hỗ trợ hệ thống đo Karota khí, đầu tư trạm địa vật lý với công nghệ và các tính năng mới ở thị trường Việt Nam... Những nghiên cứu và áp dụng này tiếp tục hứa hẹn sẽ đem đến những kết quả khả quan trong năm 2014 và những năm tiếp theo.

Nghiên cứu, sáng tạo và đổi mới luôn là mối quan tâm của Ban Lãnh đạo Công ty hướng đến mục tiêu phát triển và phát triển bền vững.

Thực hiện định hướng phát triển dịch vụ ra nước ngoài của Tổng Công ty, năm 2013 PVD Logging đã hoàn thành hợp đồng đầu tiên cung cấp dịch vụ đo Karota khí và chuyên gia địa chất cho 1 dự án khoan tại Myanmar.





## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**NGUYỄN VIỆT BỘT**  
Giám đốc PVD Well Services

Tại PVD Well Services, việc phát triển doanh nghiệp luôn được thực hiện trên cơ sở tổng hòa các yếu tố liên quan, trong đó tập trung nhất vào các yếu tố về con người, thiết bị và hệ thống quản lý.

### Công ty TNHH MTV Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (PVD WELL SERVICES)

Vốn điều lệ 80 tỷ đồng

THÀNH LẬP NĂM 2007, PVD WELL SERVICES ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ LÀ MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG NGÀNH, CHUYÊN CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN, CHO THUÊ THIẾT BỊ KHOAN, KÉO THẢ ỚNG CHỐNG, CỨU KỆT SỰ CỐ GIẾNG KHOAN, TREO ĐẦU ỚNG CHỐNG LỬNG...

Năm 2013, PVD Well Services vẫn duy trì tăng trưởng tốt, giữ vững vị thế nhà thầu cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan dầu khí hàng đầu ở thị trường Việt Nam, đạt doanh thu 784 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 179 tỷ đồng. Trong đó, đơn vị chú trọng phát triển mạnh mẽ các dịch vụ chủ lực như: Kéo thả ống chống, cho thuê thiết bị và kiểm soát áp suất trong khi khoan. Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ mới như: Xử lý dung dịch khoan, lọc dung dịch hoàn thiện giếng và cung cấp thiết bị sàng rung.

Hiện nay, PVD Well Services có thể tự điều hành và cung cấp dịch vụ kéo thả ống chống, áp dụng thành công thiết bị công nghệ cao CRTi tạo bước đột phá đối với loại hình dịch vụ này. Dịch vụ kiểm soát áp suất trong khi khoan đã ngày càng phát triển và trở thành một trong những dịch vụ thế mạnh của PVD Well Services, đóng góp 15% doanh thu và 5% lợi nhuận cho Công ty. Dịch vụ xử lý dung dịch khoan (Solid Control) đã chiếm lĩnh 50% thị phần trong nước trong gần 2 năm triển khai và tiếp tục gia tăng với những tín hiệu khả quan. Các dịch vụ mới phát triển như công nghệ Khoan kiểm soát áp suất (MPD) đã khẳng định được tầm quan trọng và trở thành một trong những dịch vụ thế mạnh của PV Drilling. Ngoài ra, đơn vị cũng đang tiếp tục nghiên cứu để phát triển những dịch vụ mới như dịch vụ hủy giếng, hủy mỏ, sửa giếng, cung cấp lưới sàng rung...

Tại PVD Well Services, việc phát triển doanh nghiệp luôn được thực hiện trên cơ sở tổng hòa các yếu tố liên quan, trong đó tập trung nhất vào các yếu tố về con người, thiết bị và hệ thống quản lý. Công tác đào tạo, phát triển nguồn lực luôn là ưu tiên song song với việc đẩy mạnh đầu tư các trang thiết bị hiện đại, tập trung nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các thiết bị công nghệ cao vào sản xuất kinh doanh. Việc nghiên cứu và ứng dụng thành công thiết bị kéo thả ống chống công nghệ cao CRTi tại thị trường Việt Nam và được khách hàng hết sức hài lòng trong năm 2013 là một bằng chứng điển hình tích cực cho nỗ lực của PVD Well Services trong việc đem lại giá trị gia tăng và lợi ích cao nhất cho khách hàng. Xác định rõ sản xuất kinh doanh luôn đi đôi với an toàn, chất lượng và môi trường, PVD Well Services đã hoàn thiện và duy trì tốt các hệ thống quản lý chất lượng cao theo tiêu chuẩn ISO bảo đảm chỉ số tai nạn mất giờ lao động bằng 0 (Zero LTI).

Với tinh thần lạc quan, đoàn kết và không ngừng sáng tạo của tập thể Ban Lãnh đạo, CBCNV PVD Well Services, năm 2014 chắc chắn sẽ là một năm hứa hẹn nhiều thành công và đột phá của Công ty, góp phần vào sự phát triển bền vững chung của Tổng Công ty PV Drilling.

## Ứng dụng công nghệ khoan MPD và CRTi trong công tác thi công các giếng khoan khó và phức tạp

Năm 2013 PVD Well Services đã đầu tư nghiên cứu và đưa vào ứng dụng thành công hai công nghệ mới: Khoan kiểm soát áp suất MPD và công nghệ thả ống chống bán tự động với thiết bị CRTi – đây là những kỹ thuật mới được áp dụng cho những giếng khoan có độ phức tạp cao.

### 1. CÔNG NGHỆ KHOAN KIỂM SOÁT ÁP SUẤT MPD

Khoan Kiểm Soát Áp Suất (MPD) là các giải pháp công nghệ khoan có khả năng kiểm soát áp suất khoan trong thân giếng khoan nhằm phòng ngừa và loại bỏ các sự cố khoan, cho phép khoan an toàn qua các địa tầng phức tạp như có dị thường cao về nhiệt độ, áp suất, vùng có giới hạn an toàn khoan nhỏ, vùng mất dung dịch trầm trọng. MPD mang lại rất nhiều các lợi ích cho công tác khoan như:

#### • Cố định áp suất đáy giếng, nâng cao an toàn khoan

Với hệ thống tuần hoàn khép kín, MPD cho phép theo dõi và kiểm soát toàn bộ quá trình tuần hoàn dung dịch thông qua các sensor phát hiện H2S, đo tỉ trọng và lưu lượng. Hệ thống giúp nhanh chóng phát hiện kick-loss, tự động cảnh báo và phản ứng lại với các sự thay đổi bất thường trong giếng. Mặt khác MPD giữ ổn định áp suất đáy giếng trong suốt quá trình khoan, loại trừ được các sự cố có thể xuất hiện do sự thay đổi áp suất đáy giếng như sập lở, co bóp thành giếng.

#### • Gia tăng tốc độ cơ học, phòng ngừa dính cần

Công nghệ MPD có thể sử dụng dung dịch nhẹ dưới cân bằng và duy trì lượng chênh áp tại đáy giếng tại một giá trị nhỏ, điều này rất có ý nghĩa trong việc làm tăng tốc độ cơ học trong khi khoan, kéo dài tuổi thọ chèo khoan. Mặt khác việc duy trì chênh áp nhỏ giúp ngăn ngừa khả năng dính cần vào thành giếng do chênh áp.

#### • Khoan qua vùng mất dung dịch

Việc khoan qua vùng mất dung dịch trầm trọng với phương pháp khoan thông thường luôn là một thử thách lớn, đặc biệt với những vùng khoan qua đứt gãy lớn hay vùng carbonate hang hốc. Phương pháp PMCD duy trì và kiểm soát cột dung dịch trong khoảng không vành xuyên đồng thời sử dụng dung dịch khoan rê tiền (nước biển) để khoan qua vùng mất dung dịch, điều này không những cho phép khoan được tới TD (Total Depth) một cách an toàn mà còn giúp giảm tác động đến chất lượng vỉa chứa đồng thời làm tăng tốc độ cơ học, giảm những sự cố không mong muốn.

### 2. THIẾT BỊ BÁN TỰ ĐỘNG KÉO THẢ ỚNG CHỐNG CRTi (CASING RUNNING TOOL)

Với công nghệ "tất cả trong một", bộ thiết bị CRTi cho phép điều khiển từ xa toàn bộ quá trình kéo thả ống chống. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc loại trừ và giảm thiểu tai nạn ở các khu vực trên tháp khoan, sàn khoan do không cần người làm việc ở các khu vực này trong quá trình kéo thả ống chống. Khác với bộ thiết bị kéo thả ống chống thông thường chỉ hoàn toàn dựa vào tải trọng của cột cần, thiết bị CRTi cho phép vừa bơm tuần hoàn, vừa xoay và vừa nhấn cột ống chống xuống giúp tránh được các sự cố kẹt cột ống, tăng tốc độ thả ống. Ngoài ra thiết bị CRTi còn có thêm ứng dụng khoan bằng cột ống chống, giúp khách hàng tiết kiệm được chi phí và thời gian để thi công một giếng khoan.

Việc đưa vào áp dụng công nghệ khoan kiểm soát áp suất MPD và thiết bị bán tự động kéo thả ống chống CRTi không những làm hài lòng khách hàng mà còn mang lại doanh thu, lợi nhuận cao, đồng thời tăng tính cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan của PV Drilling trong khu vực. Trong năm 2013 PVDWS đã ký kết và thực hiện các hợp đồng công nghệ khoan MPD cho Cửu Long JOC, ENI, Idemitsu, PVEP, Petronas, Santos... mang lại doanh thu hàng triệu USD/giếng khoan. Bên cạnh đó, công nghệ mới CRTi bước đầu đã được rất nhiều khách hàng ủng hộ và yêu cầu đưa vào sử dụng như Premier Oil, Cửu Long JOC, PVEP POC...

Trong năm 2014 và những năm tiếp theo, PV Drilling tiếp tục đưa "Nghiên cứu, Phát triển, Ứng dụng Khoa học Công nghệ" trở thành trọng tâm cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Với cam kết và tiếp tục duy trì cải tiến ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ giếng khoan, PVD Well Services cùng với Tổng Công ty sẽ tiếp tục phát triển MPD và CRTi, đào tạo kỹ sư, mua mới thiết bị bằng quỹ phát triển KHCN đồng thời dẫn dắt cận và làm chủ công nghệ.

DOANH THU  
**784**  
tỷ đồng

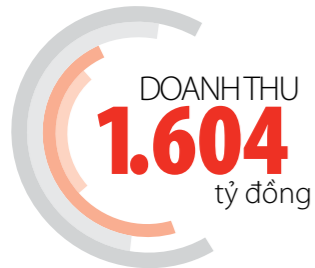
LỢI NHUẬN  
TRƯỚC THUẾ  
**179**  
tỷ đồng

## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**TRỊNH VĂN LÂM**  
Giám đốc PVD Deepwater

**PVD Deepwater đã và đang điều hành tốt giàn khoan PV DRILLING V (TAD) với hiệu suất hoạt động trên 96%, đảm bảo an toàn lao động (Zero LTI) góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.**



### Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (PVD DEEPWATER)

Vốn điều lệ 764 tỷ đồng

THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ KHOAN NƯỚC SÂU TẠI VIỆT NAM, PVD DEEPWATER ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2010 VỚI NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH AN TOÀN HIỆU QUẢ GIÀN KHOAN TIẾP TRỢ NỬA NỔI NỬA CHÌM PV DRILLING V (TAD).

Ngay từ ngày đầu tiếp nhận giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (PVD RILLING V) về hoạt động tại vùng biển Việt Nam, PVD Deepwater đã xác định rủi ro là vấn đề trọng tâm trong hoạt động quản lý điều hành và khai thác giàn khoan.

Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập, có các cơ cấu phù hợp và được xác lập liên tục trong toàn hệ thống quản trị điều hành của Công ty từ việc xác định, đánh giá, ra quyết định đến việc phản hồi, tổng hợp thông tin về các cơ hội cũng như mối đe dọa ảnh hưởng đến việc đạt mục tiêu của Công ty. Điều này đã giúp PVD Deepwater bước đầu tiếp cận trọn vẹn, làm chủ công nghệ mới và ổn định, nâng cao hiệu suất hoạt động giàn khoan TAD ở mỏ Hải Thạch, Mộc Tinh. Đây là nơi được coi là khó khăn bậc nhất ở thềm lục địa Việt Nam hiện nay về sự khắc nghiệt của thời tiết cũng như tính chất phức tạp của địa chất, địa tầng khu vực.

PVD Deepwater luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nhân sự có đủ trình độ kỹ thuật và khả năng để lĩnh hội và vận hành giàn khoan công nghệ cao TAD một cách hiệu quả nhất, an toàn nhất. Do đó, ngay từ bước đầu tiên, Công ty đã đề ra kế hoạch đào tạo cụ thể, sát sao chỉ đạo, theo dõi và đôn đốc thực hiện.

Hiện nay, PVD Deepwater đã và đang điều hành tốt giàn khoan PV DRILLING V với hiệu suất hoạt động trên 96%, đảm bảo an toàn lao động (Zero LTI), góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Việc điều hành thành công được thể hiện thông qua các kết quả cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Trải qua hai năm hoạt động, giàn khoan PV DRILLING V đã tiến hành khoan và chống ống hàng chục giếng khoan trên hai giàn đầu giếng Hải Thạch và Mộc Tinh, trong đó đã khoan hoàn thiện 04 giếng khoan tại khu vực có điều kiện địa chất thủy văn phức tạp, độ sâu trung bình của vỉa sản phẩm là 4.000 m với áp lực dòng khí được phun lên với áp suất cực kỳ cao, khoảng 420 - 530 atmosphere và nhiệt độ khoảng 120 - 170 độ. Trên thế giới, những loại mỏ khí đốt có áp suất và nhiệt độ cao như thế này là khá hiếm, mức độ phức tạp cao.



Thành công trong ứng dụng công nghệ của giàn PV DRILLING V đã góp phần vào thành công lớn của dự án Biển Đông 1 cho dòng khí thương mại đầu tiên chính thức công bố vào 14 giờ 45 phút ngày 5/8/2013, sau hơn 3 năm phát triển dự án Biển Đông 1, chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (liên doanh giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Dầu mỏ và Khí đốt khổng lồ Liên Bang Nga - Gazprom) đã chính thức đón dòng khí thương mại đầu tiên từ giàn đầu giếng Mộc Tinh 1 (MT1) qua hệ thống ống 20 km về tới giàn xử lý Hải Thạch PQQ. Tới 2 giờ 21 phút ngày 7/8/2013, dòng condensate được tách qua hệ thống xử lý đã được tàu FSO tiếp nhận an toàn. Sự kiện quan trọng này đã đánh dấu sự thành công của dự án Biển Đông 1. Đây là dự án được phát triển để khai thác hai mỏ khí - condensate Hải Thạch và Mộc Tinh Lô 05.2 và 05.3, thuộc dự án phát triển khí Nam Côn Sơn với thời gian khai thác dự kiến là 25 năm, công suất khai thác dự kiến 25 nghìn thùng condensate và 8,5 triệu m<sup>3</sup> khí mỗi ngày đêm. Khí sẽ được chuyển về bờ qua đường ống Nam Côn Sơn (NCS Pipeline) theo hợp đồng phân phối khí với Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas).

Việc thi công thành công các giếng khoan tại mỏ Hải Thạch, Mộc Tinh cũng đồng nghĩa mở ra các hướng mới cho các liên doanh dầu khí khác đang hoạt động tại Việt Nam về việc ứng dụng công nghệ của giàn TAD vào việc khoan phát triển mỏ tại phân khúc nước sâu khác, đem lại hiệu quả kinh tế, kỹ thuật cao, đồng thời cũng tạo ra sự phát triển cho hàng loạt các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ chuyên ngành khác, cũng như tạo ra tiềm năng phát triển ổn định của PVD Deepwater nói riêng và toàn Tổng Công ty PV Drilling nói chung.

## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**TRINH VŨ ANH**  
Giám đốc PVD Invest

### Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (PVD INVEST)

SAU 4 NĂM THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN VỚI KHỞI ĐIỂM CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ ĐƠN GIẢN, VỐN ĐẦU TƯ KHÔNG CAO, PVD INVEST ĐANG DẪN KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ NGÀY Càng VỮNG CHẮC CỦA MÌNH TRONG HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHỤC VỤ CÁC CHIẾN DỊCH KHOAN TÌM KIẾM THẨM DÒ, PHÁT TRIỂN MỎ VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ TẠI VIỆT NAM, TỪNG BƯỚC VƯƠN TỚI THỊ TRƯỜNG CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC.

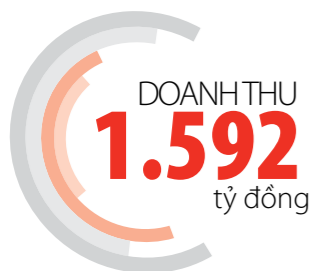
Xác định khách hàng là một trong những yếu tố cốt lõi cho việc xây dựng uy tín doanh nghiệp, hướng đến sự phát triển bền vững, trong quá trình phát triển dịch vụ, PVD Invest luôn đặt trọng tâm đáp ứng tốt nhất công tác An toàn - Chất lượng của khách hàng.

Năm 2013 đánh dấu một bước thành công mới của PVD Invest trong lĩnh vực cung cấp chuyên gia trình độ cao và dịch vụ kỹ thuật thiết bị. Bên cạnh việc giữ vững thị trường, thực hiện tốt các dịch vụ nền tảng, trong năm 2013 PVD Invest đã phát triển và tạo dựng niềm tin của khách hàng cho các dịch vụ mới như H2S Safety, Positive Pressure Habitat, Side Scan Sonar, Rig Positioning, Well Control & Risk Management Solutions, Drilling Performance Optimization. . .

Các dịch vụ mới đã góp phần không nhỏ trong việc giúp PVD Invest hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2013 và tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2012.

Đội ngũ cán bộ PVD Invest luôn cố gắng tận tâm xử lý công việc được giao, sát cánh cùng khách hàng, đối tác trong những tình huống dù là khó khăn nhất... nhằm hướng tới sự phát triển bền vững lâu dài của đơn vị. Với nỗ lực hết mình của cả tập thể, PVD Invest đã bước đầu có được thiện cảm và sự tin cậy của các Công ty dầu khí lớn như: PVEP, Talisman, TNK-Rosneft, Premier Oil, Mitra Energy, Idemitsu, Vietsovpetro, PVEP POC, Cửu Long JOC, Petronas Carigali, Hoàng Long Hoàn Vũ JOC, Thăng Long JOC, Lam Sơn JOC,...

Năm 2013 PVD Invest cam kết sẽ đẩy mạnh hơn nữa sự sáng tạo trong công tác cung cấp dịch vụ, đột phá trong chất lượng dịch vụ cung cấp để tiếp tục giữ vững thị phần phát triển dịch vụ trong năm 2014, đồng hành cùng chiến lược phát triển của Tổng Công ty PV Drilling.



**ĐẶNG XUÂN MẠNH**  
Giám đốc PVD Tech

### Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (PVD TECH)

Vốn điều lệ 200 tỷ đồng

ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2006, PVD TECH HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU TRONG CÁC LĨNH VỰC THIẾT KẾ CHẾ TẠO CÁC CỤM THIẾT BỊ, CHO THUÊ THIẾT BỊ ĐẦU GIẾNG VÀ MUDLINE, DỊCH VỤ TRỌN GÓI CUNG CẤP ỐNG CHỐNG (TTM) VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ.

Với phương châm không ngừng sáng tạo, chủ động đổi mới, làm chủ công nghệ sản xuất, PVD Tech vững tin sẽ tiếp tục phát triển, gặt hái thêm nhiều thành công mới.

Đối diện với nhiều khó khăn thách thức trong năm 2013 nhưng PVD Tech vẫn hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong đó nhiều chỉ tiêu đã về đích trước kế hoạch từ 2 - 3 tháng.

Bên cạnh chủ trương duy trì tốt hoạt động của các dịch vụ chủ chốt như thiết kế chế tạo cụm thiết bị, cho thuê đầu giếng và thiết bị đầu giếng; liên doanh với Vietubes, OSI, Tubulars về dịch vụ cung cấp ống chống bao gồm từ khâu gia công tiện ren, hàn ống đến khâu quản lý ống chống trọn gói... PVD Tech còn chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân sự. Với đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo với kiến thức chuyên môn sâu rộng, PVD Tech tự tin sẽ thực hiện tốt định hướng sáng tạo, đổi mới trong sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty với 3 bước chuyển dịch kỹ thuật và thích nghi công nghệ, lựa chọn và chuyển giao công nghệ, làm chủ và sáng tạo công nghệ.



Phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Tổng Công ty, năm 2013 PVD Tech đã đầu tư xây dựng nhà máy gia công cơ khí chính xác công nghệ kỹ thuật cao (High Technical Manufacturing – HTM) tại Thành phố Vũng Tàu. Dự kiến năm 2014 nhà máy này sẽ chính thức đi vào hoạt động với sản phẩm phục vụ ngành khoan như thiết bị down – hole tool; các cơ phận sử dụng cho Wire – line, MWD/LWD; các sản phẩm có độ chính xác cao. Việc đầu tư xây dựng và đưa nhà máy vào hoạt động sẽ là nền tảng vững chắc để đơn vị tiếp tục phát triển hướng đến sự bền vững. Năm 2013 cũng là năm ghi nhận hoạt động hiệu quả và an toàn của Công ty với doanh thu trên 1.514 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt trên 68 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2012. Không những thế, việc tiếp tục hoàn thiện mô hình Công ty Cổ phần theo kế hoạch tái cấu trúc vốn của Tổng Công ty PV Drilling đã tạo tiền đề cho PVD Tech mở rộng thị phần hoạt động ra khách hàng ngoài nước. Với phương châm không ngừng sáng tạo, chủ động đổi mới, làm chủ công nghệ sản xuất, PVD Tech vững tin sẽ tiếp tục phát triển, gặt hái thêm nhiều thành công mới góp phần xây dựng thương hiệu PVD Tech nói riêng và thương hiệu PV Drilling nói chung.

## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**BÙI THANH VÂN**  
Giám đốc PVD Training

Với mục tiêu phát triển bền vững, PVD Training tiếp tục duy trì kiện toàn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và tiếp tục được Liên hiệp Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam kiểm định và cấp Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp.

### Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (PVD TRAINING)

Vốn điều lệ 29 tỷ đồng

ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2007, PVD TRAINING LÀ CẦU NỐI NGUỒN LỰC CHO DOANH NGHIỆP. NGOÀI RA, PVD TRAINING ĐÃ PHÁT TRIỂN CÁC DỊCH VỤ CUNG CẤP, KHẢO SÁT, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, KIỂM ĐỊNH VÀ CẤP CHỨNG NHẬN THIẾT BỊ AN TOÀN DẦU KHÍ VÀ HÀNG HẢI, ĐIỆN TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ VÀ CÁC DỊCH VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, GIẢI PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN.

Thực hiện chủ trương chiến lược “sáng tạo – đổi mới – làm chủ công nghệ để phát triển bền vững” của Tổng Công ty PV Drilling, PVD Training trong những năm qua đã không ngừng phát triển các dịch vụ thế mạnh thành một mô hình chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín bao gồm 3 mảng dịch vụ chính là Đào tạo & cấp chứng chỉ, Cung ứng nhân lực và Dịch vụ kỹ thuật an toàn & hàng hải, tạo ra hiện tượng “cộng hưởng” nhằm tối ưu hóa các giải pháp nguồn lực con người và kỹ thuật đem đến cho khách hàng. Nhờ đó, năm 2013 PVD Training đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh khả quan với doanh thu 151 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2012, lợi nhuận trước thuế 21 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2012.

Với sứ mệnh là cầu nối nguồn lực doanh nghiệp, PVD Training tự hào trở thành đơn vị đào tạo đầu tiên tại Việt Nam được tổ chức quốc tế OPITO (Tổ chức đào tạo quốc tế dầu khí biển) công nhận đối với các chương trình đào tạo an toàn biển, đánh dấu bước khởi động của PVD Training trong công tác hệ thống hóa các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế. Vững bước với định hướng đã đặt ra, năm 2013 PVD Training tiếp tục khẳng định một mốc son quan trọng khi Chương trình đào tạo kiểm soát giếng khoan được chính thức công nhận đạt chuẩn quốc tế bởi tổ chức IWCF (Tổ chức kiểm soát giếng khoan quốc tế) làm tiền đề cho việc phát triển dịch vụ ra thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, PVD Training nghiên cứu thiết kế chương trình đào tạo công nhận chức danh nguồn nhân lực Dầu khí (Competency-based Training Model) kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo lý thuyết và thực hành để nâng cao chất lượng tay nghề đội ngũ khoan. Qua đó, đẩy mạnh và nâng tầm giải pháp về chất lượng nguồn nhân lực, một trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững và lâu dài của ngành Dầu khí nước nhà.

Năm 2013 đơn vị đã triển khai cung cấp thành công các dịch vụ mới dựa trên thế mạnh hiện có như dịch vụ cung ứng lao động cho dự án dịch vụ cung cấp, khảo sát, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định và cấp chứng nhận thiết bị, hệ thống an toàn dầu khí và hàng hải, điện tự động hóa dầu khí và các dịch vụ nghiên cứu khoa học,... theo tiêu chuẩn các hệ thống đăng kiểm Việt Nam và quốc tế ABS, Lloyds, DNV,...



**BÙI TRUNG KIÊN**  
Giám đốc PVD Tubulars Management

**PVD Tubulars Management tự hào đã khẳng định được năng lực cung ứng các thiết bị và vật tư cho các dự án lớn tại Việt Nam.**

### Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam (PVD TUBULARS MANAGEMENT)

Vốn điều lệ 3.500.000 đô la Mỹ

ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2008, PVD TUBULARS MANAGEMENT CHUYÊN CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM CẦN KHOAN, ỐNG CHỐNG, ỐNG KHAI THÁC VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢN LÝ ỐNG CHỐNG TRỌN GÓI CHO TẤT CẢ CÁC CÔNG TY DẦU KHÍ ĐANG HOẠT ĐỘNG THẨM DÒ, KHAI THÁC TRONG BỜ, NGOÀI KHƠI VÀ CẢ NHỮNG VÙNG NƯỚC SÂU TẠI VIỆT NAM.

Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam (PVD TM) là Công ty Liên doanh giữa PV Drilling (51%) và Marubeni-Itochu Tubulars Asia Pte., Ltd. (49%), chuyên kinh doanh cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam.

Từ khi thành lập năm 2008 đến nay, PVD TM đã từng bước khẳng định năng lực cung ứng các thiết bị và vật tư cho các dự án lớn tại Việt Nam, PVD TM chiếm hầu hết thị phần trong hoạt động cung ứng các sản phẩm cần khoan, ống chống và ống khai thác cho tất cả các khách hàng là công ty dầu khí hoạt động tại Việt Nam. PVD TM đã ký và thực hiện rất nhiều hợp đồng thương mại có giá trị lớn với các khách hàng trong nước, luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao về doanh thu, lợi nhuận. Đặc biệt, trong bối cảnh khó khăn chung của cả nền kinh tế trong năm 2013, PVD TM vẫn đạt được gần 833 tỷ đồng doanh thu và 27 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.

Hiện nay, xưởng cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng và hệ thống kho bãi hiện đại do PVD TM đầu tư xây dựng tại Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu đã đáp ứng hầu hết nhu cầu của các nhà thầu khoan dầu khí về dịch vụ kho bãi, bảo trì và sửa chữa cần khoan, ống chống, ống khai thác. Ngoài ra, PVD TM cũng phát triển thêm dịch vụ đại lý mua hàng, thay mặt khách hàng tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng mua cần khoan, ống chống, ống khai thác và sau đó thực hiện dịch vụ trọn gói quản lý ống chống, ống khai thác (Total Tubulars Managements Services). Tất cả các khách hàng sau khi sử dụng dịch vụ quản lý ống do PVD TM cung cấp đều đánh giá rất cao và tin tưởng năng lực cung ứng dịch vụ của Công ty.

Kết quả đạt được của năm 2013 tạo đà cho PVD TM không ngừng nỗ lực phát triển các dịch vụ mới và mở rộng thị trường nhằm phát triển một cách bền vững, từng bước tiến tới mục tiêu chiếm lĩnh toàn bộ thị trường cung cấp ống chống, ống khai thác và đặc biệt là dịch vụ cung cấp ống chống trọn gói cho toàn bộ các công ty dầu khí hoạt động tại Việt Nam và phát triển ra nước ngoài.



## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**ĐINH QUANG NHẬT**  
Giám đốc PV Drilling Overseas

### Công ty Liên doanh PV Drilling Overseas (PVD OVERSEAS)

Vốn điều lệ 20.981.000 đô la Mỹ

CÔNG TY PV DRILLING OVERSEAS LÀ LIÊN DOANH DO TỔNG CÔNG TY PV DRILLING SỞ HỮU 55%, ĐƯỢC THÀNH LẬP TẠI SINGAPORE VÀO NGÀY 04/04/2013 VỚI NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ, KHAI THÁC VÀ VẬN HÀNH CÁC GIÀN KHOAN BIỂN THỂ HỆ MỚI, HƯỚNG ĐẾN CÁC THỊ TRƯỜNG TIỀM NĂNG TRONG KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI.

PVD Overseas đặt ra định hướng chiến lược dài hạn là trở thành một nhà thầu khoan quốc tế có uy tín, cung cấp những giàn khoan biển hiện đại và dịch vụ khoan với chất lượng tốt nhất. Dựa trên nền tảng vững chắc về công nghệ, hệ thống quản lý, nguồn tài chính và nhân lực dồi dào và sự hỗ trợ tối đa từ các đối tác góp vốn của liên doanh, PVD Overseas đang sở hữu những tiền đề vô cùng thuận lợi để phát triển và gia nhập vào thị trường khoan dầu khí toàn cầu, qua đó hiện thực hóa mục tiêu vươn ra biển lớn của Tổng Công ty PV Drilling.

Ngay sau khi thành lập, PVD Overseas đã tiến hành đặt hàng và thực hiện dự án đóng mới giàn khoan tự nâng hiện đại đầu tiên, PV DRILLING VI tại xưởng đóng giàn Keppel Fels, Singapore. Đây là giàn khoan jack-up 400 ft thể hệ mới nhất cùng các trang thiết bị máy móc và công nghệ tối tân với chất lượng hàng đầu thế giới, dự kiến sẽ được hoàn thiện vào tháng 2/2015. Nhằm chuẩn bị cho việc đưa giàn khoan PV DRILLING VI vào vận hành, các công tác quảng bá và tiếp thị giàn khoan đã được tiến hành từ rất sớm và PVD Overseas hiện đã có được nhiều phản hồi tích cực từ các nhà thầu dầu khí ở Malaysia, Brunei, Việt Nam, v.v... cho việc sử dụng giàn khoan này trong khoảng quý I/2015.

Trong năm 2014, PVD Overseas sẽ nỗ lực hết mình để hoàn thiện thành công dự án giàn PV DRILLING VI, đồng thời tích cực tìm kiếm và đàm phán với các đối tác khác để cộng tác cho các dự án đầu tư, mua và đóng mới các giàn khoan tiếp theo, đặc biệt là đầu tư phát triển thêm loại hình giàn khoan nửa nổi nửa chìm để tiếp cận thị trường khoan nước sâu đầy tiềm năng. Với nhu cầu giàn khoan đang tăng của thị trường đối với hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí, PVD Overseas tin tưởng đây là thời điểm thuận lợi nhất để đầu tư xây dựng đội ngũ giàn khoan, đẩy nhanh nhịp độ phát triển của liên doanh, qua đó đón đầu những vận hội mới và sớm bắt kịp với đà tăng trưởng của ngành công nghiệp khoan thế giới.

Giàn PV DRILLING VI có khả năng hoạt động tại mực nước sâu lớn nhất 400 feet (tương đương 121,92 m) & có khả năng thi công giếng khoan có độ sâu đến 30.000 feet (tương đương 9.144m chiều sâu khoan) với sức chứa lên đến 150 công nhân.

ĐẦU TƯ  
**226**  
triệu đô la Mỹ



**VŨ VĂN MINH**  
Phó Giám đốc PVD Baker Hughes

### Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (PVD - BAKER HUGHES)

Vốn điều lệ 20.000.000 đô la Mỹ

ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀO NĂM 2011, LIÊN DOANH PVD - BAKER HUGHES LÀ CÔNG TY DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM CHUYÊN CUNG CẤP KHOAN ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐO TRONG KHI KHOAN, CHOÒNG KHOAN, ĐO ĐỊA VẬT LÝ GIẾNG KHOAN, CUNG CẤP ĐẦU TREO ỐNG LỬNG,...

**Ban Lãnh đạo Công ty luôn xác định cần phải sáng tạo và đổi mới để tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường dịch vụ dầu khí.**

Năm 2013 tiếp tục khẳng định sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty với doanh thu 2.281 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 328 tỷ đồng. Chất lượng dịch vụ tiếp tục được nâng cao, các công nghệ mới nhất trên thế giới đã được Công ty ứng dụng thành công tại Việt Nam đem lại hiệu quả cho khách hàng.

Với phương châm làm chủ nguồn lực và công nghệ để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm khẳng định thương hiệu, Công ty đã mạnh mẽ phát triển nguồn nhân lực trong nước và tăng cường đầu tư cho con người trong môi trường đào tạo quốc tế. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng nâng cấp các căn cứ hậu cần tại Vũng Tàu và tiếp tục đầu tư để sở hữu các thiết bị dịch vụ dầu khí tiên tiến và hiện đại nhất. Sau 3 năm đi vào hoạt động, Công ty PVD - Baker Hughes đã vươn lên trở thành nhà thầu dịch vụ dầu khí có nguồn nhân lực kỹ thuật trong nước hàng đầu tại Việt Nam.

Trên cơ sở chủ động về nguồn lực và thiết bị trong nước, chất lượng dịch vụ của Công ty đã được nâng lên rõ rệt. Năm 2013, hiệu suất công việc của dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan là 98,2%, dịch vụ khoan định hướng là 98,5%, đây là con số mà tất cả các nhà thầu dịch vụ đều kỳ vọng để đạt được.

Không những thế, trong thời gian qua PVD - Baker Hughes đã trở thành Công ty được ưu tiên hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á của Tập đoàn Baker Hughes để chuyển giao các công nghệ hiện đại nhất như lấy mẫu lõi hay cắt cần bằng cáp điện, lấy mẫu áp suất và chất lưu vỉa trong quá trình khoan.

Với tiềm năng về nguồn nhân lực hiện có, PVD - Baker Hughes không chỉ phục vụ thị trường trong nước mà tham gia các dự án tại các nước trong khu vực với doanh thu dịch vụ cung cấp nhân lực 50 tỷ đồng trong năm 2013 và hứa hẹn sẽ tăng cao hơn trong những năm tiếp theo.

DOANH THU  
**2.281**  
tỷ đồng

LỢI NHUẬN  
TRƯỚC THUẾ  
**328**  
tỷ đồng

## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**PHẠM ĐỨC HÌNH**  
Phó Giám đốc BJ - PV Drilling

Liên doanh BJ – PV Drilling đã chiếm lĩnh gần như toàn bộ thị trường bơm trám xi măng (80% thị phần) và 100% thị phần bắn vĩa và nút vĩa thủy lực tại Việt Nam.

### Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (BJ - PV DRILLING)

Vốn điều lệ 5.000.000 đô la Mỹ

ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2006, CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH BJ - PV DRILLING CHUYÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ CAN THIỆP GIẾNG KHOAN BẰNG ỚNG KHAI THÁC MỀM, BƠM TRÁM XI MĂNG, KÍCH THÍCH VĨA, NÚT VĨA THỦY LỰC VÀ THẨM LỌC DUNG DỊCH THỦY VĨA.

Liên doanh BJ – PV Drilling luôn không ngừng nỗ lực trong việc cung cấp và phát triển dịch vụ chuyên ngành để nâng cao chất lượng dịch vụ và thị phần trên thị trường. Năm 2013, Liên doanh BJ – PV Drilling tự hào là doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực bơm trám xi măng, kích thích vĩa và bắn vĩa thủy lực tại thị trường Việt Nam. Doanh thu của Liên doanh BJ – PV Drilling năm 2013 đạt mức 718 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế trên 58 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Liên doanh BJ – PV Drilling đã chiếm lĩnh gần như toàn bộ thị trường bơm trám xi măng (80% thị phần) và 100% thị phần bắn vĩa và nút vĩa thủy lực tại Việt Nam. Ngoài những con số ấn tượng nêu trên, Liên doanh BJ – PV Drilling còn nhận được sự tin nhiệm từ phía khách hàng lớn như Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro, Petronas, Cửu Long JOC... sau khi tham gia nhiều chiến dịch khoan uy tín và đạt hiệu quả cao trong những năm qua.

Đạt được kết quả nêu trên là do Liên doanh BJ – PV Drilling đã đưa các tiêu chí sáng tạo trong việc cung cấp dịch vụ, đổi mới và làm chủ công nghệ để đạt được sự phát triển bền vững trong các năm qua.

Liên doanh tin tưởng rằng với phương châm “Không ngừng sáng tạo - Không ngừng phát triển”, Liên doanh sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, góp phần thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Tổng Công ty.



**NGUYỄN ĐỨC MINH**  
Giám đốc PVD - Expro

Với phương châm hoạt động “An toàn và Chất lượng” đội ngũ CBCNV PVD - Expro đã và đang nỗ lực phấn đấu hết mình để đạt thành tích cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Công ty TNHH PV Drilling Expro International (PVD - EXPRO)

Vốn điều lệ 4.000.000 đô la Mỹ

ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2008, PVD - EXPRO LÀ CÔNG TY LIÊN DOANH ĐẦU TIÊN VÀ CHUYÊN NGHIỆP CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ THỦY VĨA GIẾNG KHOAN VÀ CHO THUÊ CÁC THIẾT BỊ KHAI THÁC SƠM CHO CÁC CÔNG TY KHAI THÁC DẦU KHÍ Ở THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM.

Với phương châm hoạt động “An toàn và Chất lượng” đội ngũ CBCNV PVD - Expro đã và đang nỗ lực phấn đấu hết mình để đạt thành tích cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà tính phức tạp cũng như mức độ nguy hiểm được đánh giá là rất cao và đã nhận được sự tin tưởng, đánh giá cao từ phía khách hàng như PVEP POC, JVPC, Biển Đông POC, Cửu Long JOC, Lam Sơn, Vietgazpromt, Premier Oil...

Khởi nguồn các dịch vụ của Công ty đều do các chuyên gia nước ngoài đảm nhận, đến nay Công ty tự hào đã xây dựng được đội ngũ nhân sự người Việt Nam chuyên nghiệp, đủ năng lực thực hiện các dịch vụ chất lượng có thể so sánh với những công ty khác cùng chức năng ở Việt Nam và các nước trong khu vực. Cụ thể đối với dịch vụ thủy vĩa, Công ty đã xây dựng được ba đội thủy vĩa giếng khoan là những kỹ sư và chuyên gia lành nghề và chuyên nghiệp nhất. Dịch vụ kiểm tra, hiệu chỉnh, theo dõi và ghi nhận liên thông số áp suất, nhiệt độ, lưu lượng dòng dầu thô trên bề mặt, tức thời và liên tục bằng thiết bị kỹ thuật số đã được chuyển giao cho các kỹ sư trẻ Việt Nam thực hiện. Việc xây dựng đội ngũ kỹ thuật chuyên môn dần thay thế các vị trí do chuyên gia nước ngoài thực hiện trước đây đã góp phần giảm đáng kể chi phí nhân sự, tạo sự ổn định trong cơ cấu tổ chức, chủ động trong sản xuất kinh doanh hướng đến sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Năm 2013 nhìn chung là năm hoạt động hiệu quả và thành công vượt trội của Công ty với doanh thu đạt 165 tỷ đồng tăng 38%, lợi nhuận trước thuế đạt 59 tỷ, tăng 196% so với năm 2012. Kết quả này ngoài ý nghĩa về sự tăng trưởng của Công ty còn là nguồn động viên và khích lệ cho Ban Lãnh đạo và CBCNV của Công ty để tiếp tục không ngừng nỗ lực, nhiệt huyết và sáng tạo vì sự phát triển bền vững của Công ty nói riêng và PV Drilling nói chung.



## Sơ lược các đơn vị thành viên và thành quả (tiếp theo)



**NGUYỄN VĂN MINH**  
Giám đốc Vietubes

Với mục tiêu tích cực thực hiện chủ trương phát huy sáng tạo hướng đến phát triển bền vững của Tổng Công ty, Ban Lãnh đạo Vietubes tin tưởng sẽ tiếp tục nỗ lực, phát huy sáng tạo, ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được những thành tích cao hơn nữa.



### Công ty TNHH Vietubes (VIETUBES)

Vốn điều lệ 3.707.300 đô la Mỹ

VIETUBES ĐƯỢC THÀNH LẬP TỪ NĂM 1995 VÀ CHÍNH THỨC GIA NHẬP TỔNG CÔNG TY PV DRILLING NĂM 2012 VỚI TỔNG MỨC VỐN ĐẦU TƯ CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN PVD TECH LÀ 4,3 TRIỆU ĐÔ LA MỸ CHO 51% VỐN GÓP.

Năm 2013 nhìn chung vẫn là một năm nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung và Vietubes nói riêng, nhưng với nỗ lực của tập thể CBCNV Công ty và sự hỗ trợ của Tổng Công ty PV Drilling, Vietubes đã đạt được những kết quả đáng khích lệ so với các đơn vị cùng ngành gia công và chế tạo cơ khí, duy trì và không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề, hệ thống quản lý chất lượng hoạt động hiệu quả, cùng với sự tin tưởng của các đối tác và khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Vietubes, Công ty đã vượt qua khó khăn chung do ảnh hưởng kéo dài của suy thoái kinh tế toàn cầu, cân đối các mảng dịch vụ, triển khai dịch vụ mới để vượt kế hoạch kinh doanh Hội đồng thành viên đặt ra. Cụ thể năm 2013, Vietubes đạt tổng doanh thu đạt trên 118 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt trên 18 tỷ đồng. Công ty đồng thời là một trong số rất ít doanh nghiệp trong số trên 7.000 doanh nghiệp trên địa bàn được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trao tặng giải thưởng “Ngọn hải đăng” về thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, các hoạt động hỗ trợ khác như an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội luôn được Vietubes duy trì tốt.

Chuẩn bị cho năm 2014 với một thị trường dầu khí được dự đoán sẽ tốt hơn, Vietubes sẽ đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ chứng chỉ để đạt được các chứng chỉ gia công sản phẩm mới (NOV của Grant Prideco). Tiếp tục giữ vững thị phần dịch vụ thông qua việc duy trì cung cấp dịch vụ cho các khách hàng truyền thống và triển khai mở rộng thị trường, tích cực tìm kiếm khách hàng mới nhằm xuất khẩu sản phẩm sang nước ngoài như Ấn Độ, Thái Lan... Với mục tiêu tích cực thực hiện chủ trương phát huy sáng tạo hướng đến phát triển bền vững của Tổng Công ty, Ban Lãnh đạo Vietubes tin tưởng sẽ tiếp tục nỗ lực, phát huy sáng tạo, ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh để giữ vững vị thế, đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng, góp phần sự thành công chung của Tổng Công ty.



**NGUYỄN VĂN THÀNH**  
Phó Giám đốc PVD - OSI

Chỉ sau hơn 3 tháng từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã dần ổn định sản xuất, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, tuyển dụng và đào tạo tốt nguồn nhân lực, đặc biệt các nhân lực chủ chốt sẵn sàng vận hành nhà máy và đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.



### Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries (PVD - OSI)

Vốn điều lệ 5.000.000 đô la Mỹ

ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2011, PVD - OSI CHUYÊN GIA CÔNG CHẾ TẠO, SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG CÁC LOẠI ĐẦU NỔ NHANH CHO ỐNG CHỐNG LỚN CÓ ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI TỪ 50,8 CM ĐẾN 91,4 CM DÙNG TRONG CÔNG TÁC KHOAN VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ CHO CẢ THỊ TRƯỜNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

Công ty TNHH Liên Doanh PVD Tech – Oil States Industries (PVD – OSI) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (PVD Tech), đơn vị thành viên của PV Drilling và Công ty Oil States Industries (Asia) Pte., Ltd. trong đó PVD Tech đóng góp 51% vốn sở hữu.

Từ tháng 09/2012 Công ty đã chính thức đi vào hoạt động trên diện tích 30.000m<sup>2</sup> tại Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I - Huyện Tân Thành - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty PVD – OSI là sản xuất, chế tạo ren, tiện các loại đầu nổ ống chống và cấu kiện, phụ tùng thay thế phục vụ ngành khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Năm 2012 chỉ sau hơn 3 tháng đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã dần ổn định sản xuất, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, tuyển dụng và đào tạo tốt nguồn nhân lực đặc biệt các nhân lực chủ chốt sẵn sàng vận hành nhà máy và đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Năm 2013 là năm đánh dấu bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của Công ty với tổng doanh thu đạt được trên 50 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 13 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận/doanh thu là 26%.

Kết quả đạt được trong năm 2013 tạo bước cho Công ty tiếp tục phát triển trong năm 2014 và những năm sau này. Kế hoạch của Công ty trong năm 2014 dự định tháng 06 sẽ xây dựng nhà văn phòng làm việc, đầu tư thêm máy móc thiết bị, phát triển đa dạng các chủng loại và kích cỡ sản phẩm như: Swift; Leopard; Lynx; Puma; Merlin... đồng thời tăng thêm lực lượng lao động sản xuất cùng với việc chủ động điều hành, quản lý và áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sáng tạo, đột phá vào hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đào tạo và xây dựng đội ngũ nhân viên kế thừa có năng lực, năng động, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu suất làm việc và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Để đạt vượt mức chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2014, Công ty sẽ luôn cải thiện không ngừng về mọi mặt để ngày càng vững tin gặt hái nhiều thành công, xây dựng thương hiệu cho Công ty PVD - OSI lên tầm phát triển mới, góp phần vào sự thành công chung của Tổng Công ty PV Drilling.

## Giải thưởng và thành tựu

### MỘT SỐ CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU MÀ TỔNG CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP:

Tổng Công ty tự hào được Hiệp hội các Nhà thầu khoan Quốc tế (IADC) cấp chứng nhận cho hoạt động của các giàn khoan:

Giàn khoan PV DRILLING I được chứng nhận 7 năm liên tiếp vận hành an toàn, không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI) (tính đến ngày 10/3/2014);

Giàn khoan PV DRILLING II và III được chứng nhận 4 năm liên tiếp vận hành an toàn, không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI);

Giàn khoan PV DRILLING V được chứng nhận 1 năm liên tiếp vận hành an toàn, không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI).

Giải thưởng “Nhà thầu khoan Dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á năm 2013” (Best Oil and Gas Drilling Contractor in Asia, 2013) do World Finance trao tặng: Đây là lần thứ 2 liên tiếp PV Drilling vinh dự đón nhận giải thưởng lớn này, một lần nữa khẳng định tên tuổi, uy tín và tầm vóc của Tổng Công ty tại thị trường quốc tế, hiện thực hóa chiến lược phát triển “Khoan sâu hơn, vươn xa hơn”.

Giải thưởng “Doanh nghiệp được ngưỡng mộ nhất trong khối ASEAN” về thành tích Doanh nghiệp quy mô lớn có sự tăng trưởng vượt bậc (Most Admired ASEAN Enterprise for the Category of Growth - Large Company): Đây là giải thưởng có tầm cỡ khu vực đầu tiên tại ASEAN do Hội đồng tư vấn Kinh doanh ASEAN (ASEAN BAC) với sự thẩm định của Công ty Kiểm toán Quốc tế Độc lập KPMG phát động từ năm 2007 nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có thành tích nổi bật nhất, có những đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế và thịnh vượng chung trong khu vực. Năm 2013, Hội đồng đã trao 21 giải thưởng cho 18 doanh nghiệp

đến từ các nước trong khối ASEAN với các tiêu chí Tăng trưởng (Growth), Tạo công việc (Employment), Đổi mới (Innovation) và Trách nhiệm xã hội (CSR), PV Drilling tự hào là Công ty Việt Nam duy nhất được nhận giải thưởng này.

Báo cáo thường niên năm 2012 của Tổng Công ty vinh dự nhận được nhiều giải thưởng cao do các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế bình chọn:

#### TRONG NƯỚC



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bình chọn PV Drilling là một trong 3 doanh nghiệp đạt giải cao nhất, nằm trong top 10 BCTN tốt nhất năm 2013 và là Doanh nghiệp 5 năm liên tục đạt giải Báo cáo thường niên tốt nhất;

Là một trong 5 doanh nghiệp đầu tiên đạt giải thưởng cho Báo cáo Phát triển Bền vững với độ tin cậy cao nhất.



#### QUỐC TẾ

GIẢI THƯỞNG DO HIỆP HỘI LACP (THE LEAGUE OF AMERICAN COMMUNICATIONS PROFESSIONALS OF THE USA) BÌNH CHỌN:

Giải cao nhất và duy nhất trong lĩnh vực Năng lượng Quốc tế;

Giải Bạc cho BCTN có sự tiến bộ nhất trên toàn thế giới.

GIẢI THƯỞNG DO HIỆP HỘI ARC (MERCOSUR INC. OF THE USA) BÌNH CHỌN:

Giải Vàng cho BCTN trong lĩnh vực Dịch vụ sản xuất Dầu khí thuộc khu vực không sử dụng tiếng Anh.

**Năm 2013, PV Drilling vinh dự là Doanh nghiệp Việt Nam duy nhất nhận Giải thưởng “Doanh nghiệp được ngưỡng mộ nhất trong khối ASEAN” về thành tích Doanh nghiệp quy mô lớn có sự tăng trưởng vượt bậc, có những đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế và thịnh vượng chung trong khu vực (Most Admired ASEAN Enterprise for the Category of Growth - Large Company).**



# S NG TẠO TỪ NHIỆT HUYẾT



Cùng với sự nỗ lực, khát khao làm chủ công nghệ, PV Drilling hướng đến những cơ hội ở thị trường mới, đặc biệt tại khu vực nước sâu.

## Thị trường dầu khí và triển vọng dịch vụ khoan

### THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ, THỊ TRƯỜNG KHOAN THẾ GIỚI NĂM 2013 VÀ TRIỂN VỌNG TRONG CÁC NĂM SAU

#### Thị trường dầu mỏ thế giới

Năm 2013, thị trường dầu mỏ thế giới được xem là tương đối ổn định. Mức giá của dầu Brent biển Bắc, một loại dầu chuẩn trên thế giới, đạt trung bình 107,96 USD/thùng trong năm qua. Nhu cầu dầu của thế giới vào khoảng 90 triệu thùng/ngày, tăng nhẹ so với năm 2012 là 89 triệu thùng/ngày, và dự đoán năm 2014 sẽ tăng lên khoảng 91,6 triệu thùng/ngày (Nguồn: *International Energy Agency - IEA*). Nhu cầu tăng, trong khi giá dầu được kiểm soát ổn định, sẽ là động cơ kích thích guồng máy kinh tế toàn cầu quay nhanh hơn để trở về quỹ đạo tăng trưởng ổn định.

Hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí năm 2013 cũng được đánh giá là một năm tăng trưởng với ngân sách cho hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí (E&P) trên toàn thế giới đạt mức 682 tỷ USD, tăng 13% so với con số 604 tỷ USD của 2012 (Nguồn: *Barclay Energy*). Dù không có nhiều dự đoán về tăng trưởng ngân sách cho E&P trong 2014, nhưng đa số chuyên gia vẫn tin rằng về lâu dài, ngân sách E&P vẫn có xu hướng tăng để đáp ứng nhu cầu tìm kiếm và khai thác các vỉa dầu mới phức tạp, tốn kém ở những khu vực nước sâu và khắc nghiệt hơn.

#### Thị trường khoan thế giới và khu vực Đông Nam Á

Trong bối cảnh nhu cầu dầu mỏ tăng nhẹ và hoạt động E&P cũng có xu hướng tăng, nhu cầu đối với các giàn khoan dầu khí sẽ vẫn tiếp tục được duy trì ở mức cao trong năm 2014. Thống kê tỷ lệ sử dụng giàn khoan trên toàn thế giới trong năm 2013 là 87,4% (Nguồn: *Riglogix*). Tổng số giàn khoan mới được giao trong năm 2013 là 58 giàn, và dự kiến giao trong năm 2014 là 78 giàn.

Mặc dù nguồn cung khá cao, tuy nhiên, khả năng tìm việc của các giàn thế hệ mới là không khó. Nguyên nhân do có nhiều giàn đang hoạt động là những giàn khoan cũ, tuổi giàn trên 20 năm. Các giàn này đang dần bị loại

do yêu cầu cao về mặt vận hành của các công ty dầu khí, cũng như nhiều quy định mới khắt khe về vấn đề môi trường được đưa ra bởi Chính phủ các nước.

Riêng ở khu vực Đông Nam Á, dự kiến nguồn cung của năm 2014 sẽ có khoảng 70 – 72 giàn JU. Với trữ lượng được phát hiện 60,92 tỷ thùng dầu quy đổi, trữ lượng dầu tiềm ẩn 14,6 tỷ thùng, đây là nơi có hoạt động thăm dò khai thác diễn ra sôi động nhờ vào các mỏ dầu hiện hữu ở Malaysia, Indonesia, Brunei, Việt Nam, v.v... đều đang đi vào giai đoạn khai thác, cũng như thị trường dầu khí Myanmar đã có sự mở cửa. Các mỏ dầu mới phát hiện gần đây đang đi vào giai đoạn thăm lượng và phát triển nên các quốc gia Đông Nam Á đang rất nỗ lực đầu tư vào hoạt động thăm dò nhằm duy trì và tăng trưởng sản lượng của quốc gia. (Nguồn: *Wood Mackenzie - Platts*)

#### Cơ hội thị trường khoan cho PV Drilling

Đối với PV Drilling, có thể thấy thị trường năm 2014 và các năm sau có nhiều cơ hội thuận lợi phát triển thị trường khoan, không chỉ ở trong nước mà cả ở trong khu vực lân cận. PV Drilling hiện sở hữu đội ngũ giàn khoan gồm 3 giàn tự nâng hiện đại, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm thế hệ mới và 1 giàn khoan đất liền. Tất cả các giàn khoan đều đang hoạt động hiệu suất cao, và đã có hợp đồng khoan xuyên suốt đến hết năm 2014 cho các nhà thầu dầu khí như Cửu Long JOC, Lam Sơn JOC, Liên doanh Vietsovpetro, Bien Dong POC, Liên doanh GBRS - Algeria.

Nhìn thấy nhu cầu hơn 70 giàn khoan JU tại thị trường Đông Nam Á, trong đó 14 – 15 giàn tại Việt Nam, PV Drilling nhận biết rõ chiến lược để nắm bắt từng cơ hội trong tương lai. Với năng lực vận hành 10 giàn khoan (bao gồm giàn thuê và giàn sở hữu) an toàn và hiệu quả trong năm 2013, PV Drilling đã tạo được nền tảng



vững chắc để mở rộng thị phần và phát triển ra sân chơi quốc tế. Cùng với nỗ lực hoàn thành đúng tiến độ đóng mới giàn khoan thế hệ mới tại Keppel Fels vào đầu năm 2015, PV Drilling hứa hẹn sẽ tiếp tục có sự tăng trưởng bền vững và phát triển trong tương lai.

#### CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đặt ra những trọng tâm hướng đến chiếm lĩnh 70% thị phần khoan, đào tạo nguồn nhân lực khoan vững mạnh, vận hành hiệu quả giàn khoan, nâng cao công tác quản trị tài chính và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro. Cùng với thực hiện kế hoạch trên, PV Drilling đặt ra chiến lược kinh doanh trung và dài hạn với những định hướng trọng tâm nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững như sau:

#### Thâm nhập thị trường khoan khu vực và quốc tế

Nhận định dịch vụ khoan có tiềm năng phát triển lớn ở khu vực Đông Nam Á và thế giới, PV Drilling đã thành lập liên doanh PVD Overseas tại Singapore. Bước đầu, liên doanh đã thực hiện đầu tư giàn khoan tự nâng thế hệ mới (PV DRILLING VI), dự kiến sẽ đưa vào vận hành vào quý I/2015. Sự ra đời của liên doanh sẽ có nhiều thuận lợi, phát huy thế mạnh của đối tác liên doanh, đặc biệt tại các nước khu vực Đông Nam Á, vịnh Mexico. Đây cũng là tiền đề cho hình ảnh PV Drilling vươn xa ra khu vực và thế giới.

Cùng với chiến lược mở rộng thị trường, PV Drilling sẽ tiếp tục xem xét thực hiện kế hoạch đầu tư thêm các giàn khoan hiện đại, phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao. Trong năm 2014, PV Drilling sẽ nỗ lực tiến hành

các hoạt động marketing và ưu tiên tập trung vào thị trường ở khu vực Đông Nam Á như Malaysia, Brunei, Thái Lan, Indonesia... Các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan như Đo Karota khí, Kiểm định sửa chữa thiết bị khoan, Cho thuê thiết bị khoan, Dịch vụ Kéo thả ống chống... được hỗ trợ, tạo điều kiện mang dịch vụ ra nước ngoài. Các kỹ sư, công nhân khoan chuyên nghiệp được chú trọng tuyển dụng và đào tạo, nhằm chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tăng, cùng với sự phát triển các giàn khoan.

Bên cạnh kế hoạch cụ thể trong năm 2014, PV Drilling còn đang nghiên cứu nhiều dự án phát triển dịch vụ trong tương lai, đặc biệt tại khu vực nước sâu. Hiện nay, phạm vi hoạt động dầu khí tại Việt Nam có gần 70% diện tích thềm lục địa là nước sâu và chưa được khai phá. Đây chắc chắn sẽ là hướng phát triển chủ đạo trong công tác tìm kiếm thăm dò của ngành dầu khí tại Việt Nam trong thời gian tới.

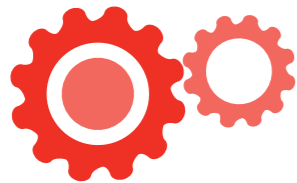
#### Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ

Hàng năm PV Drilling đều trích Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ (KHCN) để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ, khuyến khích các sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực vận hành và điều hành giàn khoan. Việc ứng dụng KHCN giúp cho PV Drilling giảm thiểu được những sự cố đáng tiếc có thể xảy ra liên quan tới an toàn lao động, quản lý hiệu quả các hoạt động vận hành giàn từ đó giảm thiểu các rủi ro do phải dừng giàn để sửa chữa hay khắc phục sự cố, từ đó mang lại nhiều lợi ích cho Tổng Công ty trong những năm qua.

## Tập trung phát triển giàn khoan tự nâng thế hệ mới...

Nhu cầu thuê giàn cho các hoạt động khoan thăm dò và khai thác dầu khí ngày một tăng cao, với các tiêu chí nghiêm ngặt về thiết bị an toàn, tối thiểu công tác sửa chữa/ bảo dưỡng; thế hệ các giàn khoan biển mới được thiết kế để luôn đảm bảo trạng thái hoạt động tốt nhất, rút ngắn thời gian khoan, giảm thiểu chi phí. Xu hướng trẻ hóa các giàn khoan đang được thúc đẩy bởi những quy định cao hơn về an toàn, sự xuống cấp của các giàn khoan cũ và khả năng hoạt động ở khu vực có thời tiết khắc nghiệt. Hay nói cách khác, sự xuống cấp của các giàn khoan cũ với công nghệ lạc hậu, thiết bị an toàn không đảm bảo, đã thúc đẩy các nhà thầu khoan đầu tư đóng mới và khí đốt tăng cao đã khiến các hoạt động khoan thăm dò và khai thác trở nên sôi động, hấp dẫn hơn, thu hút các nhà thầu khoan đầu tư vào các thế hệ giàn khoan biển mới ra đời, bởi triển vọng sáng sủa của thị trường khoan dầu khí trong bối cảnh kinh tế thế giới đang có nhiều biến động.

Việc quyết định đầu tư vào các giàn khoan thế hệ mới của PV Drilling dựa trên kinh nghiệm quản lý vận hành giàn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về an toàn chất lượng, cũng như các nhận định/ đánh giá nhu cầu thị trường, từ đó xác định các tính năng thiết yếu, tiên tiến vượt trội áp dụng trên thế hệ các giàn khoan mới.



*Hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí tăng cao trong năm 2013 đã tạo nên sự sôi động trong lĩnh vực cung cấp giàn khoan ở khu vực Đông Nam Á nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.*

*Dự kiến trong năm 2014, nhu cầu giàn khoan sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao, tạo cơ hội thuận lợi cho PV Drilling phát triển, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.*

Thực tế cho thấy đội ngũ giàn khoan trẻ của PV Drilling được tự động hóa cao, trang thiết bị máy móc, cơ giới hóa với công nghệ hiện đại, tiết kiệm được sức lao động của con người, tính an toàn, giảm thiểu rủi ro, đã góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh.

Theo xu hướng và nhu cầu mới của thị trường khoan, các giàn khoan biển của PV Drilling được thiết kế - đóng mới với các tính năng tiên tiến, vượt trội bao gồm:

- Hệ thống thiết bị nâng hạ cần ống kép (Dual pipe handling system) nhằm tối ưu hóa hiệu suất khoan và sử dụng giàn. Hệ thống này cho phép tiến hành công tác tháo lắp cần/ ống độc lập/ song song mà không ảnh hưởng đến các hoạt động khác trên sàn khoan với chuỗi cần khoan chính. Điều này đã làm cải thiện đáng kể hiệu suất hoạt động của giàn.
- Tổng tải trọng khoan kết hợp 2,5 triệu pound. Khả năng khoan các giếng sâu 30.000 ft, ở các vùng nước sâu đến 400 ft.
- Tăng cường khả năng hỗ trợ cho các hoạt động song hành/ độc lập khác (SIMOPs/ Offline Activities) bên trên/ dưới sàn khoan, đặc biệt là khi giàn khoan trên Wellhead Platform.
- Cụm thiết bị chống phun trào tiên tiến nhất (18-3/4", 15K, 4-RAM BOPs, ứng dụng cho các giếng nhiệt độ cao, áp suất cao, H2S), đáp ứng đầy đủ những yêu cầu nghiêm ngặt ngày càng cao trên thế giới, giảm thiểu sự cố, bảo trì và rút ngắn thời gian khoan.
- Hệ thống trộn/ chứa/ xử lý dung dịch khoan gốc dầu và gốc nước riêng biệt.
- Thế hệ giàn khoan biển tiên tiến được trang bị 05 máy phát điện chính (đảm bảo cung cấp toàn bộ năng lượng cần thiết cho các hoạt động của giàn) và 01 máy phát điện dự phòng trong trường hợp khẩn cấp.



- Giàn mới cung cấp chỗ ở/ làm việc cho 150 người, so với những giàn khoan hiện tại - tối đa 120 người, với đầy đủ trang thiết bị, tiện nghi sinh hoạt và giải trí, sẽ đáp ứng được nhu cầu hoạt động của nhà thầu đầu, giảm lãng phí thời gian chờ khi khách hàng cần thuê thêm các đối tác thứ ba lên làm việc cùng lúc...

### ... và hướng đến vùng nước sâu

Nỗ lực thăm dò và khai thác dầu khí trong các mỏ nước sâu và rất sâu hiện nay đang mang đến những kết quả rất khả quan. Các hoạt động ở mực nước sâu trên 500 đến 5.000 ft, điều kiện địa chất thủy văn phức tạp tuy mang nhiều rủi ro, khó khăn và thử thách hơn, nhưng tiềm năng về trữ lượng dầu mỏ chưa được khai thác, lợi nhuận khổng lồ đem lại cũng đầy hứa hẹn. Hướng đến các vùng biển sâu tạo ra một nhu cầu lớn đối với tàu khoan và giàn khoan nửa nổi nửa chìm, đặc biệt tăng cao ở các khu vực Đông Nam Á, Đông Á và Hàn Quốc. Điều này dẫn đến thị trường cung cấp/ cho thuê tàu khoan và giàn khoan nửa nổi nửa chìm đang diễn ra sôi động hơn bao giờ hết, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh hấp dẫn cho các nhà thầu khoan trên toàn thế giới.

Theo xu hướng chung trong khu vực, nhằm tăng doanh thu và đón đầu thị trường, PV Drilling đã có những bước tiến mạnh mẽ, tích cực trong nghiên cứu đầu tư đối với giàn khoan nửa nổi nửa chìm phù hợp, tiến đến hiện thực hóa chiến lược vươn ra thế giới của PV Drilling; cũng như đặt nền tảng vững vàng để cạnh tranh cùng các nhà thầu khoan trong khu vực. Thiết kế giàn khoan nửa nổi nửa chìm thế hệ mới sẽ đảm bảo các tính năng an toàn, hiệu suất hoạt động, hiệu suất kinh tế và đáp ứng đầy đủ yêu cầu/ tiêu chuẩn tiên tiến nhất:

- Khả năng thi công các giếng khoan sâu với hệ thống chống phun trào thông thường và ống nối đặt dưới đáy biển có độ sâu trên 500 ft đến 5.000 ft; các giếng thăm dò tại độ sâu 7.500 ft với 2 cụm thiết bị chống phun trào riêng biệt kết hợp ống nối chịu áp cao.
- Hệ thống chống phun trào và ống nối đặc biệt chịu áp suất cao, tích hợp với hệ thống kiểm soát áp suất trong khi khoan (MPD) được thiết kế riêng biệt cho khoan nước sâu, thích hợp với đa số các khu vực nước sâu trên thế giới.
- Khả năng khoan và sửa giếng dưới cân bằng được thực hiện với cùng hệ thống chống phun trào và ống nối áp suất cao này.
- Khả năng xếp đặt các ống nối theo phương ngang hoặc thẳng đứng.
- Các tính năng của Moon pool được tăng cường, cải thiện, để tiếp cận.
- Chế độ định vị động của giàn đảm bảo độ ổn định tốt nhất cho các hoạt động dưới đáy biển như tháo lắp đầu giếng, hoàn thiện giếng và/ hoặc khoan trong ống khai thác.
- Tăng cường sức chứa dung dịch khoan.
- Dung dịch hoàn thiện giếng và dầu gốc được lưu chứa riêng biệt.
- Hệ thống thiết bị khoan với công nghệ khoan tiên tiến nhất.
- Khu nhà ở được sắp xếp hợp lý, có sức chứa lên tới 160 người.

## Năng động nghiên cứu thị trường và công nghệ khoan nước sâu

### I. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG ĐẦU KHÍ NƯỚC SÂU NGOÀI KHƠI VIỆT NAM

Tính tới thời điểm này, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã ký nhiều hợp đồng đầu khí triển khai thu nổ địa chấn và khoan thăm dò – khai thác tập trung chủ yếu ở các vùng có mực nước biển đến 200 m chiếm khoảng 1/3 diện tích thềm lục địa. Tiềm năng dầu khí chưa phát hiện ở diện tích còn lại là rất lớn và tập trung ở những vùng nước sâu. Đó là cơ hội đồng thời cũng chứa đựng nhiều thách thức cho các hoạt động thăm dò đầu khí trong tương lai. Với thực tế và nhu cầu phát triển của công nghiệp dầu khí Việt Nam trong tương lai, cần thiết phải nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoan tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí phù hợp với điều kiện cụ thể của từng phân khúc thị trường, các mỏ dầu khí ở biển sâu thềm lục địa Việt Nam song song với việc phát triển đội ngũ khoan để tự chủ về công nghệ và thiết bị, đảm bảo chiến lược an ninh năng lượng và chủ quyền quốc gia. Do đó, việc nghiên cứu ứng dụng giàn khoan công nghệ cao tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) là một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và đồng thời cũng là một giải pháp công nghệ cần thiết để khoan phát triển các mỏ dầu khí nước sâu tại thềm lục địa Việt Nam.

PV Drilling chủ động và cụ thể hóa trong việc tập trung định hướng nghiên cứu thị trường và công nghệ khoan thăm dò, khai thác tại phân khúc nước sâu để đón đầu cũng như đáp ứng mục tiêu chiến lược của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam là đẩy mạnh tìm kiếm thăm dò, gia tăng trữ lượng thu hồi; ưu tiên phát triển những vùng nước sâu, xa bờ, các khu vực có điều kiện địa lý, địa chất, kinh tế kỹ thuật đặc biệt khó khăn.

Theo thống kê của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, thị phần cung cấp giàn khoan nước sâu trong nước đang còn bỏ ngỏ cho các nhà thầu khoan nước ngoài đặc biệt trong việc khoan thăm dò. Hiện tại PVD Deepwater đang làm chủ trong lĩnh vực khoan phát triển mỏ bằng giàn khoan tiếp trợ nửa nổi, nửa chìm PV DRILLING V (TAD). Giàn khoan này đang thực hiện tốt vai trò, chức năng trong việc khoan phát triển mỏ cho dự án Biển Đông 1 (Hải Thạch, Mộc Tinh). Tuy nhiên, chủng loại giàn khoan này thiết kế chỉ để thi công các giếng khoan theo công nghệ thi công đầu giếng ướt (Wet tree) được lắp đặt trên các giàn cố định WHP, giàn Spar, giàn TLP... Việc định hướng để PVD Deepwater tiếp tục đầu tư nghiên cứu công nghệ đã góp phần làm nên sức mạnh và diện mạo mới của PV Drilling nói chung và PVD Deepwater nói riêng, minh chứng khả năng thực hiện khoan tại phân khúc nước sâu.

### II. NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KHOAN NƯỚC SÂU

#### 1. Nghiên cứu giải pháp công nghệ giàn khoan cho các mực nước ngoài khơi Việt Nam

a) Nghiên cứu giải pháp công nghệ thi công các giếng khoan tại Việt Nam tại vùng nước sâu áp dụng cho việc thi công các giếng khoan sử dụng công nghệ đầu giếng khô (Dry tree).

Xuất phát từ yêu cầu khoan phát triển mỏ Hải Thạch, Mộc Tinh cho dự án Biển Đông 1, việc quyết định lựa chọn công nghệ thi công đầu giếng khô (Dry tree) hoặc giếng ướt (Wet tree) được cân nhắc để làm cơ sở lựa chọn công nghệ khoan. PV Drilling đã giao PVD Deepwater phối hợp cùng với khách hàng nghiên cứu, cân nhắc lựa chọn giải pháp kỹ thuật để đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất. Trong việc lựa chọn công nghệ cho phân khúc thị trường này cần phải tính đến các yếu tố sau:

- Thi công đầu giếng khô (Dry tree) có hiệu quả cao và đáng tin cậy hơn so với kỹ thuật thi công giếng ướt (Wet tree), hạn chế rủi ro khí nông, kiểm soát giếng khoan dễ dàng hơn.
- Đối với thi công đầu giếng ướt (Wet tree) phức tạp hơn, chi phí cao hơn, khó khăn trong quá trình sửa chữa giếng sau thời gian đưa vào khai thác, chi phí đầu tư dài hạn cao hơn nhiều so với thi công theo công nghệ giếng khô đặc biệt ở các mỏ có trữ lượng từ trung bình đến lớn, mỏ khai thác lâu dài. Thời gian thi công giếng ướt lớn hơn rất nhiều so với thi công giếng khô (Dry tree).

Chính từ những yêu cầu ban đầu này đã hình thành việc nghiên cứu, xây dựng đầu bài đóng giàn khoan tiếp trợ nửa nổi, nửa chìm PV DRILLING V (TAD) ngày nay.

Công nghệ đầu giếng khô (Dry tree) có thể áp dụng cho một số bể trầm tích ở Việt Nam: Bể Nam Côn Sơn, Malay - Thổ Chu, Phú Khánh. Tùy thuộc vào mực nước, giải pháp kinh tế kỹ thuật của giàn khai thác như WHP hay Spar hoặc TLP, giàn TAD sẽ còn tiếp tục cung cấp dài hạn cho một thị trường to lớn dự kiến hình thành trong tương lai như đã đề cập ở trên.

**Thị phần cung cấp giàn khoan nước sâu tại Việt Nam vẫn còn bỏ ngỏ, đặc biệt trong lĩnh vực khoan thăm dò.**



Với việc vận hành thành công giàn TAD, PV Drilling đã bước đầu làm chủ công nghệ khoan nước sâu.

Đây là tiền đề thúc đẩy PV Drilling mạnh dạn đầu tư, nghiên cứu các công nghệ mới, phục vụ khoan thăm dò, khai thác tại các khu vực nước sâu.

b) Nghiên cứu giải pháp công nghệ thi công các giếng khoan thăm dò, thăm lượng tại các phân khúc nước sâu ngoài khơi Việt Nam và khu vực:

Kết quả bước đầu làm chủ công nghệ khoan nước sâu đã giúp PVD Deepwater cũng như Tổng Công ty PV Drilling tự tin, mạnh dạn chuẩn bị đầu tư chủng loại giàn khoan mới cho việc khoan thăm dò và thăm lượng tại các bể trầm tích khu vực nước sâu. Hiện nay 100% dịch vụ này đang được các nhà thầu khoan nước ngoài nắm giữ. Doanh thu, lợi nhuận lớn của khối lượng công việc này đang bị chảy ra các công ty nước ngoài.

PV Drilling tiếp tục tiến hành nghiên cứu công nghệ giàn Semi Sub thế hệ mới. Giàn Semi Sub có 02 chức năng: thứ nhất là khoan thăm dò các vùng nước sâu mà giàn khoan TAD không thực hiện được chức năng này. Chức năng thứ hai là khoan phát triển mỏ các vùng nước có độ sâu lớn, phức tạp về điều kiện địa chất, thủy văn với công nghệ đầu giếng ướt mà giàn TAD không thực hiện được. Việc lựa chọn giàn Semi Sub sẽ giúp PV Drilling và PVD Deepwater có bước phát triển nhảy vọt trong phân khúc cung cấp dịch vụ giàn khoan nước sâu.

Một số bể ở Việt Nam cần dùng giàn Semi là: Tư Chính Vũng Mây, Phú Khánh, Nam Côn Sơn.



## Đầu tư và đào tạo đội ngũ Nhân lực khoan

Khi thị trường khoan trở nên sôi động và sự cạnh tranh nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng trở nên gay gắt hơn thì sự cần thiết phải ổn định một đội ngũ nhân lực đảm bảo cho các giàn khoan vận hành ổn định, hiệu quả và bền vững cũng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Vì lý do đó, một trong những chiến lược được PV Drilling hoạch định cho năm 2013 là đẩy mạnh hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoan.

Khởi đầu của chiến lược này chính là việc phát triển chương trình đào tạo nguồn nhân lực khoan một cách hệ thống, chuyên nghiệp và hiệu quả. Việc triển khai xây dựng thành công chương trình đào tạo này sẽ giúp cho Tổng Công ty loại trừ các rủi ro về vấn đề nhân sự, quản trị hiệu quả các chi phí phát sinh được đánh giá là rất lớn khi có biến động về nhân sự nhất là những thời điểm thị trường khoan trở nên bộn bề.

Tháng 10 năm 2013, dự án xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực khoan chuyên nghiệp OJT Program đã chính thức triển khai. Rất nhiều các chuyên gia đứng đầu các bộ phận chuyên môn trên các giàn khoan đã tham gia vào dự án và dự kiến sẽ được hoàn thành trong 1 năm. Tính đến cuối năm 2013, tổng số nhân sự được tham gia đào tạo theo chương trình là 30 người và dự kiến đến cuối năm 2014 con số này sẽ tăng lên gấp đôi.

Một trong những lợi thế to lớn của chương trình đào tạo này là một mặt giúp cho việc đào tạo được liên tục từ các chức danh thấp nhất cho đến các chức danh cao nhất, mặt khác, đảm bảo cho hoạt động sản xuất của các giàn khoan luôn có sẵn một nguồn nhân lực có

năng lực sẵn sàng ứng phó với các biến động đột ngột về nhân sự, theo đó sẽ đảm bảo cho hoạt động sản xuất luôn được ổn định. Bên cạnh đó, việc triển khai chương trình cũng đã có những tác động rất tích cực đến tâm lý của người lao động trên các giàn khoan về cơ hội phát triển nghề nghiệp tại PV Drilling cũng như góp phần nâng cao giá trị hình ảnh của PV Drilling trên thị trường. Theo thống kê của VietnamWorks, nhà cung cấp dịch vụ tuyển dụng hàng đầu tại Việt Nam, thì PV Drilling là một trong 20 Công ty có sức thu hút ứng viên hàng đầu tại Việt Nam trong năm 2013.

Nhằm nâng cao hơn hiệu quả của chương trình OJT, công cụ Hoạch định Nhân sự kế cận (Succession Plan) cũng đã được xây dựng và đưa vào sử dụng đồng thời. Mục đích của công cụ này là giúp các cấp quản lý kịp thời xác định một cách chính xác các nhân sự tiềm năng cho các nhu cầu trong tương lai. Công cụ này được đưa vào sử dụng từ đầu năm 2013 và việc hoạch định này được ấn định cập nhật chính thức mỗi năm 2 lần. Các nhân sự tiềm năng được xác định bởi công cụ này sẽ được đưa vào đào tạo phát triển theo chương trình OJT. Việc đánh giá hiệu quả đào tạo theo chương trình được diễn ra liên tục trong suốt thời gian các nhân sự vừa làm, vừa học. Ngoài công cụ này ra thì các bản đánh giá hiệu quả công việc hàng năm của các nhân sự cũng được sử dụng như một công cụ tham khảo trong quá trình lựa chọn nhân sự tiềm năng cho việc đào tạo.

Chương trình OJT không những tạo ra các cơ hội phát triển nghề nghiệp cho các nhân sự hiện tại mà nó còn tạo ra các cơ hội cho cả những nhân sự mới được tuyển

dụng vào Công ty. Các nhân sự mới được tuyển dụng vào Công ty để làm việc trên các giàn khoan sẽ được đưa vào đào tạo theo chương trình này qua nhiều chức danh công việc cho đến khi họ đủ năng lực để đảm nhận chức danh công việc cụ thể. Quá trình đào tạo này ngoài việc giúp cho nhân sự có sự phát triển nhanh nhất qua các nấc thang công việc còn hỗ trợ đào tạo ra một nguồn nhân lực có kiến thức và kỹ năng toàn diện, giải quyết tình trạng nhân lực bị hổng kiến thức và kỹ năng, điều thường xảy ra nếu không có một chương trình đào tạo có hệ thống như OJT.

Trong tương lai gần, chương trình OJT sẽ không dừng lại ở việc đào tạo và phát triển có chọn lọc các nhân sự được lựa chọn từ công cụ hoạch định mà sẽ mở rộng ra cho tất cả những nhân sự muốn nâng cao năng lực bản thân và phát triển nghề nghiệp lâu dài với Tổng Công ty. Cho đến lúc đó thì các thách thức về thiếu nguồn nhân lực có năng lực và sự thiếu hụt nhân sự do tình trạng nghỉ việc tại những thời điểm thị trường nóng đã không còn là thách thức đối với PV Drilling.



Việc triển khai xây dựng thành công các chương trình đào tạo nhân sự, đặc biệt là đội ngũ nhân lực khoan sẽ giúp cho Tổng Công ty loại trừ các rủi ro về nhân sự, quản trị hiệu quả chi phí trong những thời điểm thị trường khoan trở nên bộn bề.

# S NG TẠO TỪ TRÁI TIM



Yếu tố con người luôn là ưu tiên hàng đầu và không tách rời trong chiến lược phát triển hướng đến sự bền vững của PV Drilling. Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cùng với chính sách khuyến khích người lao động luôn được PV Drilling quan tâm và phát triển.



## Trách nhiệm với cộng đồng (CSR)



TẠI PV DRILLING, MỌI HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG LUÔN GẮN LIỀN VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO ĐÚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRÊN 3 PHƯƠNG DIỆN: **KINH DOANH, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.**

Theo đó, từ nhiều năm qua, Ban Lãnh đạo và CBCNV PV Drilling luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, xem đây vừa là trách nhiệm, vừa là động lực để phát triển bền vững, thể hiện ý nghĩa nhân văn sâu sắc của Tổng Công ty đối với những đối tượng khó khăn, bất hạnh. Xã hội phải ổn định, công bằng thì doanh nghiệp mới đảm bảo phát triển bền vững và thúc đẩy đất nước phát triển, từ đó nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp nói riêng và quốc gia nói chung trên thị trường quốc tế. Nhận thức rõ điều này, những năm vừa qua Tổng Công ty đã thực hiện các chính sách an sinh xã hội một cách bài bản, hiệu quả và có kế hoạch rõ ràng, thực hiện đúng đối tượng, đúng mục tiêu.

*Năm 2014, Tổng Công ty PV Drilling cam kết sẽ tiếp tục thực hiện và thực hiện nhiều hơn nữa các công tác an sinh xã hội, để hoạt động này tiếp tục là một nét đẹp truyền thống của PV Drilling, góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của Tổng Công ty.*

*Trong năm 2013, Tổng Công ty đã giải ngân trên 42 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện, đến ơn đáp nghĩa, cụ thể:*

- Xây dựng nhà Đại đoàn kết tại các tỉnh Lai Châu, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Trà Vinh với tổng kinh phí là 5,3 tỷ đồng;
- Xây dựng Nhà làm việc cho cán bộ, giáo viên Trung tâm GDTX tỉnh Mèo Vạc, Hà Giang;
- Xây dựng được 6 công trình trường học, 3 công trình cho Y tế, bệnh viện, xây 2 cây cầu, hỗ trợ gần 30 ca mổ tim cho các bệnh nhân nghèo, cùng rất nhiều hoạt động từ thiện – đến ơn đáp nghĩa khác.

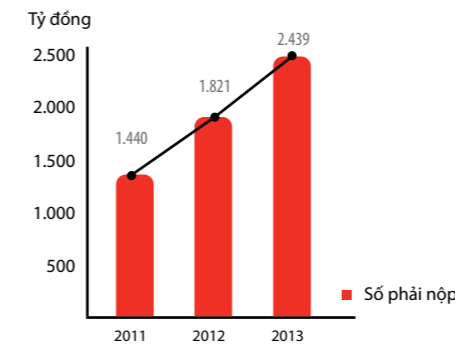


## Chung tay phát triển kinh tế chung và kinh tế địa phương

Đối với PV Drilling, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN) là thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh - bộ phận cấu thành quan trọng của văn hóa doanh nghiệp. Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh đòi hỏi PV Drilling kinh doanh trên cơ sở tận tâm phục vụ khách hàng, thông qua việc tôn trọng quyền, lợi ích của khách hàng, giữ uy tín với khách hàng. Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh đòi hỏi PV Drilling đảm bảo lợi ích của Nhà nước, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước - trong đó có nghĩa vụ thuế. Nhiều năm qua, PV Drilling luôn đưa ra phương châm tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế để góp phần chung tay phát triển nền kinh tế chung và kinh tế địa phương với các mục tiêu sau đây:

### Chung tay phát triển kinh tế chung

Xác định thuế là nguồn thu quan trọng đối với ngân sách của địa phương và Nhà nước, từ đó làm nền tảng để thực thi các chính sách phát triển kinh tế, an sinh xã hội. PV Drilling hiểu rõ điều này nên luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nộp thuế và luôn đặt mục tiêu gia tăng trong việc đóng góp vào NSNN. Chính vì vậy, việc minh bạch thông tin và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động cũng như sự nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã hỗ trợ PV Drilling đạt được mục tiêu này.



Biểu đồ chi tiết mức đóng góp vào ngân sách trong 3 năm gần nhất của PV Drilling

Các năm qua, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, PV Drilling vẫn luôn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận ổn định và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Từ năm 2010 đến nay, tổng nộp Ngân sách Nhà nước tăng bình quân trên 25%/năm. Năm 2013, tổng số thuế PV Drilling đóng góp vào Ngân sách Nhà nước trên 2.400 tỷ đồng, đã góp một phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Ngoài ra, PV Drilling cũng vinh dự nằm trong Top 50 của Bảng Xếp hạng 1.000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam (V1.000) – dựa trên kết quả xử lý và kiểm chứng dữ liệu độc lập của Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report JSC.) được công

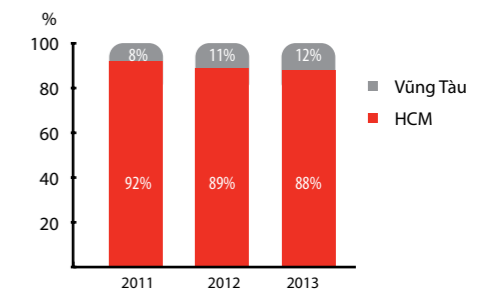
bố thường niên từ năm 2010 bởi Báo VietNamNet, với sự phối hợp của Tạp chí Thuế - Tổng Cục Thuế và các chuyên gia tư vấn độc lập trong và ngoài nước.

Việc đóng thuế nghiêm túc, được đưa vào Bảng xếp hạng V1.000, là một trong những yếu tố làm tăng uy tín, hình ảnh của PV Drilling với các đối tác, đặc biệt là các đối tác nước ngoài. Số thuế nộp cho ngân sách hàng năm cũng thể hiện quy mô và hiệu quả kinh doanh, ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp cũng như việc chung tay phát triển cộng đồng.

Đối với nội bộ PV Drilling, thông qua kết quả báo cáo tuân thủ của kiểm toán, thuế đã tạo cho người lao động cảm giác yên tâm làm việc, tin tưởng vào sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

### Chung tay phát triển kinh tế địa phương

PV Drilling xác định con người là yếu tố chính quyết định sự thành công, duy trì và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, Tổng Công ty rất quan tâm đến công tác tuyển dụng, ưu tiên hàng đầu tuyển dụng nhân sự trong nước, từ nguồn nhân lực sẵn có của các địa phương khi họ đáp ứng được yêu cầu công việc. Đến cuối năm 2013, số lao động của PV Drilling ước tính khoảng 2.000 người, trong đó lao động trong nước chiếm hơn 95%. PV Drilling còn sử dụng thêm khoảng 300 lao động từ nhà thầu phụ, góp phần tạo công ăn việc làm và giảm tỷ lệ thất nghiệp cho địa phương. Ngoài ra, ở một số vị trí chủ chốt bắt buộc phải sử dụng chuyên gia nước ngoài, PV Drilling cũng có kế hoạch từng bước chuyển giao kỹ thuật, làm chủ công nghệ với mục tiêu gia tăng nhân lực người Việt Nam có khả năng đáp ứng yêu cầu về trình độ "kỹ thuật" cao. Hơn nữa, Vũng Tàu là nơi tập trung lâu đời và nhiều nhất các doanh nghiệp trong ngành dầu khí, PV Drilling cũng không ngoại lệ nên đặt phần lớn các chi nhánh và đơn vị tại đây. Chính vì vậy, PV Drilling có điều kiện thuận lợi trong việc nắm bắt cơ hội và góp phần vào sự phát triển chung của ngành công nghiệp dầu khí, một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



Biểu đồ chi tiết mức đóng góp vào ngân sách tại các địa phương hoạt động

# Chính sách lao động - Môi trường làm việc

## 1. Hoạt động công đoàn và mức độ hài lòng của nhân viên:

### 1.1 Hoạt động Công đoàn:

Công đoàn Tổng Công ty PV Drilling là Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong cơ cấu tổ chức của Công đoàn, có 13 đơn vị Công đoàn cơ sở thành viên là các Công ty TNHH Một thành viên, Công ty Cổ phần, Công ty Liên doanh.

Năm 2013 Công đoàn PV Drilling đã tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi cho CBCNV toàn Tổng Công ty, điển hình: Tổ chức ngày Hội văn hóa gia đình cho toàn bộ CBCNV Tổng Công ty, có khoảng 1.200 gia đình CBCNV tham gia; Tổ chức Hội thao hội diễn toàn Tổng Công ty nhân dịp thành lập Tổng Công ty (26/11/2013) tại Vũng Tàu. Tổ chức các hoạt động cho chị em phụ nữ vào ngày 8/3 và 20/10 tại Long Hải - Vũng Tàu. Tham gia cùng Tổng Công ty tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát tại Singapore, Malaysia, Hàn Quốc, Hạ Long - Cát Bà...

### 1.2 Mức độ hài lòng của nhân viên:

Hầu hết CBCNV đều hài lòng với môi trường làm việc tại PV Drilling, tự hào là nhân viên của PV Drilling. Tỷ lệ số người nghỉ việc năm 2013 giảm rất nhiều so với các năm trước.

## 2. Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp.

Năm 2013 toàn Tổng Công ty có 9 vụ tai nạn lao động, số người bị tai nạn lao động: 9 người. Trong đó 7 trường hợp sơ cấp cứu tại chỗ, 2 người chuyển làm công việc khác. Không có tai nạn mất thời gian lao động hoặc tử vong. Toàn Tổng Công ty không có trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp.

Tổng số ngày nghỉ ốm toàn Tổng Công ty: 431 ngày/452.200 ngày công lao động toàn Tổng Công ty.

Năm 2013 Tổng Công ty đã tổ chức khám sức khỏe cho toàn bộ CBCNV Tổng Công ty. Cả Tổng Công ty có 2 bác sỹ chuyên trách về vấn đề sức khỏe cho người lao động khối Văn phòng và làm việc trên bờ. Trên mỗi giàn khoan đều có bác sỹ chuyên trách về công tác chăm sóc sức khỏe cho CBCNV trên giàn.

Sau các đợt khám sức khỏe, Ban Nhân sự – Đào tạo kết hợp với Ban An toàn – Chất lượng thống kê tình trạng sức khỏe, đưa ra những cảnh báo hay tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề để người lao động chủ động phòng tránh như các bệnh thường gặp hay có xu hướng phát triển,...

## 3. Chính sách lương thưởng:

PV Drilling là một trong những đơn vị đầu tiên trong Tập đoàn chủ động xây dựng Quy chế tiền lương riêng theo hướng bám sát thị trường, so sánh theo vị trí công việc.

Lương hiệu quả được gắn với kết quả thực hiện công việc của mỗi cá nhân theo các mục tiêu công việc với các KPI cụ thể đã cam kết đầu năm. Việc trả lương theo kết quả thực hiện công việc và đặc biệt mức lương hàng năm đều được so sánh với thị trường để điều chỉnh phù hợp đã tạo sự ổn định về nguồn nhân lực.

Ngoài chính sách lương hợp lý, các chế độ phúc lợi đều được Tổng Công ty thực hiện tốt. Các dịp lễ tết, những ngày kỷ niệm Tổng Công ty toàn thể CBCNV đều nhận được tiền thưởng và trợ cấp. PV Drilling là một trong những đơn vị được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đánh giá là có chế độ lương thưởng tốt trong toàn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

## 4. Đào tạo:

Trong năm 2013, PV Drilling đã tổ chức được 714 khóa đào tạo cho 4.283 lượt người với tổng chi phí là 40,6 tỷ đồng trong đó đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và an toàn chiếm 85% ngân sách (34,5 tỷ đồng), đào tạo quản lý chiếm 9% ngân sách (3,7 tỷ đồng), còn lại là 6% ngân sách (2,4 tỷ đồng) dành cho đào tạo chuyên gia, đào tạo kỹ năng công tác và đào tạo ngoại ngữ.

Trong số đó có những khóa quan trọng như: Quản trị nhân tài cấp chiến lược (Strategic Talent Management) cho quản lý cấp cao và cấp trung, Huấn luyện nhân viên để thành công (Coaching for breakthrough success) cho quản lý cấp trung và cấp cơ sở và xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp (Professional Image) cho cấp chuyên viên khối văn phòng.

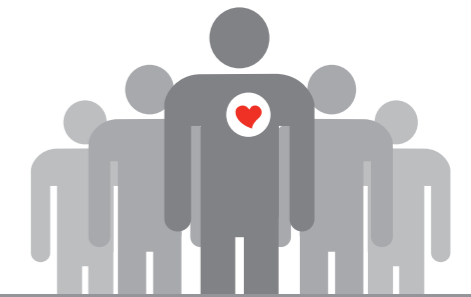
| STT | Trình độ                 | Số lượng |
|-----|--------------------------|----------|
| 1   | Thử việc                 | 11       |
| 2   | Dưới 12 tháng            | 15       |
| 3   | Từ 12 tháng đến 36 tháng | 956      |
| 4   | Không xác định thời hạn  | 975      |
|     | Cộng                     | 1.957    |

| STT | Giới tính | Số lượng |
|-----|-----------|----------|
| 1   | Nam       | 1.684    |
| 2   | Nữ        | 273      |
|     | Cộng      | 1.957    |

| STT | Độ tuổi           | Số lượng |
|-----|-------------------|----------|
| 1   | Dưới 30 tuổi      | 672      |
| 2   | Từ 30 đến 39 tuổi | 812      |
| 3   | Từ 40 đến 49 tuổi | 326      |
| 4   | Từ 50 đến 55 tuổi | 94       |
| 5   | Trên 55 tuổi      | 53       |
| 6   | Độ tuổi bình quân | 34       |
|     | Cộng              | 1.957    |

| STT | Trình độ           | Số lượng |
|-----|--------------------|----------|
| 1   | Tiến sỹ            | 2        |
| 2   | Thạc sỹ            | 71       |
| 3   | Đại học            | 902      |
| 4   | Cao đẳng           | 111      |
| 5   | Công nhân kỹ thuật | 658      |
| 6   | Trung cấp          | 162      |
| 7   | Lao động phổ thông | 51       |
|     | Cộng               | 1.957    |

| STT | Địa điểm        | Số lượng |
|-----|-----------------|----------|
| 1   | Văn phòng       | 648      |
| 2   | Xưởng/Căn cứ    | 412      |
| 3   | Trên giàn khoan | 897      |
|     | Tổng            | 1.957    |



**13,7** giờ/người/năm  
Số giờ đào tạo trung bình của nam

**15** giờ/người/năm  
Số giờ đào tạo trung bình của nữ

**9,1** giờ/người/năm  
Số giờ đào tạo trung bình cho chuyên viên, nhân viên

**68** giờ/người/năm  
Số giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý (đã bao gồm đào tạo MBA cho cấp quản lý)

**12,2** giờ/người/năm  
Số giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý (chưa bao gồm đào tạo MBA)



Sau 3 đến 6 tháng kể từ khi khóa học kết thúc, các cán bộ công nhân viên đều được cấp quản lý nhận xét và đánh giá hiệu quả ứng dụng sau đào tạo.

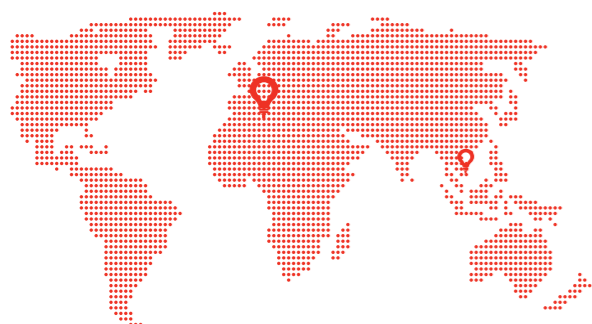


# S NG TẠO XÂY VỮNG BỀN



Chính hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển, tạo sự liên kết chặt chẽ các nguồn lực với nhau, hình thành một môi trường kinh doanh hiệu quả, năng động và bền vững.

## Thông điệp về phát triển bền vững



**VIỆC TRIỂN KHAI DỰ ÁN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO THÀNH CÔNG SẼ LÀ CÔNG CỤ HIỆU QUẢ ĐỂ NGĂN NGỪA, DỰ BÁO CÁC RỦI RO ĐỂ CÓ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ KỊP THỜI MỘT CÁCH BÀI BẢN VÀ CÓ HỆ THỐNG VỀ CÁC RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, TÀI CHÍNH VÀ TUÂN THỦ.**

Trong định hướng phát triển bền vững, PV Drilling xác định việc tập trung đầu tư vào các giàn khoan và máy móc thiết bị công nghệ cao, phát triển nguồn nhân lực và đảm bảo an toàn, hiệu quả trong công tác vận hành và quản lý các giàn khoan cũng như cung cấp dịch vụ cho khách hàng là những vấn đề cốt lõi. Bằng sự kiên trì xây dựng theo đúng định hướng suốt 12 năm qua, PV Drilling đã vươn lên trở thành nhà thầu khoan hàng đầu trong nước và khu vực với quy mô tổng tài sản trên 1 tỷ Đô la Mỹ, bao gồm 05 giàn khoan hiện đại bậc nhất và các máy móc thiết bị kỹ thuật cao, đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường với sự đóng góp của gần 2.000 CBCNV và kỹ sư khoan chuyên nghiệp và lành nghề. PV Drilling ngày càng khẳng định vị trí Người tiên phong của ngành khoan dầu khí Việt Nam và trở nên quen thuộc đối với khách hàng. Đằng sau hình ảnh đấy, chính hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển, tạo sự liên kết chặt chẽ các nguồn lực với nhau, hình thành một môi trường kinh doanh hiệu quả, năng động và bền vững.

Quản trị doanh nghiệp luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu đối với các doanh nghiệp, đặc biệt càng được chú trọng hơn trong tình hình kinh tế có nhiều biến động như hiện nay. Để có thể đối phó được các rủi ro, đảm bảo được sự phát triển ổn định và bền vững, PV Drilling đã đầu tư xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, ngang bằng với các công ty đa quốc gia, nhằm tạo một môi trường hoạt động chuyên nghiệp, nâng cao uy tín và gia tăng vị thế trên thị trường.

Ngay từ khi mới thành lập, chúng tôi đã bắt tay vào xây dựng hệ thống Quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP Oracle theo từng giai đoạn, triển khai thành công giai đoạn I và II cho các phân hệ tài chính - kế toán, quản lý hợp đồng, nguồn lực vật tư, nguồn lực nhân sự, v.v... và đang tiếp tục triển khai giai đoạn III - phân hệ quản trị ngân sách, lập báo cáo quản trị online. Trên cơ sở của hệ thống này, các hệ thống báo cáo quản trị đã được thiết lập hoàn chỉnh theo chuẩn mực quốc tế bao gồm việc kiểm soát chi phí đến từng bộ phận, đơn vị; đánh giá và phân tích hiệu quả kinh doanh đến từng

dịch vụ, xây dựng và kiểm soát ngân sách cho toàn Tổng Công ty, xây dựng kế hoạch tài chính trung và dài hạn, v.v... Đến nay, hệ thống ERP đã mang nhiều hiệu quả trong công tác quản lý, là công cụ hữu hiệu hỗ trợ thông tin kịp thời cho Ban Lãnh đạo để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đặc biệt là hoạch định các chiến lược và chính sách tài chính. Nhờ vậy, tình hình tài chính tại PV Drilling luôn lành mạnh trong những năm qua, đặc biệt các chỉ số đánh giá hiệu quả kinh doanh, năng lực hoạt động, tính thanh khoản và chỉ số nợ của Tổng Công ty ngày càng được cải thiện theo chiều hướng tích cực, dòng tiền được quản lý và điều tiết hiệu quả, cùng với hệ thống tài chính kế toán rõ ràng, minh bạch đã nâng cao uy tín của PV Drilling trên thị trường, gia tăng giá trị cho Công ty và hỗ trợ tích cực cho PV Drilling trong việc huy động nguồn vốn cho các dự án đầu tư giàn khoan với chi phí vốn phù hợp, đảm bảo hiệu quả dự án và mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Công tác quan hệ cổ đông (IR) cũng được PV Drilling chú trọng xây dựng một cách chuyên nghiệp và là công cụ đắc lực trong việc nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp của Tổng Công ty. Cùng với việc cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch cho các cổ đông, nhà đầu tư, công ty chứng khoán, tổ chức báo chí, bộ phận IR còn làm cầu nối hỗ trợ Ban Lãnh đạo tiếp nhận nhiều thông tin đa chiều từ cộng đồng các nhà đầu tư, nhằm có đầy đủ thông tin trong việc xem xét, cân nhắc các quyết định kinh doanh và đầu tư phát triển. Từ hiệu quả của việc thông tin minh bạch, chúng tôi đã tạo được niềm tin ở các nhà đầu tư, nuôi dưỡng, gìn giữ và gia tăng giá trị nội tại của Công ty.

Bên cạnh đó, văn hóa tuân thủ mà PV Drilling xây dựng nhiều năm qua cũng là một trong những nền tảng cho sự phát triển bền vững. Ban Kiểm toán nội bộ được thành lập ngay sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết nhằm thiết lập và chuẩn hóa các quy trình, quy định hoạt động trong toàn Tổng Công ty, thường xuyên kiểm soát, đánh giá nhằm đảm bảo tất cả các quy định, quy trình nội bộ cũng như các quy định pháp luật hiện hành được thực hiện đúng và đầy đủ, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Chính một hệ thống quản trị tiên tiến đã góp phần nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ Lãnh đạo PV Drilling, tăng cường nhận thức của từng nhân viên theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

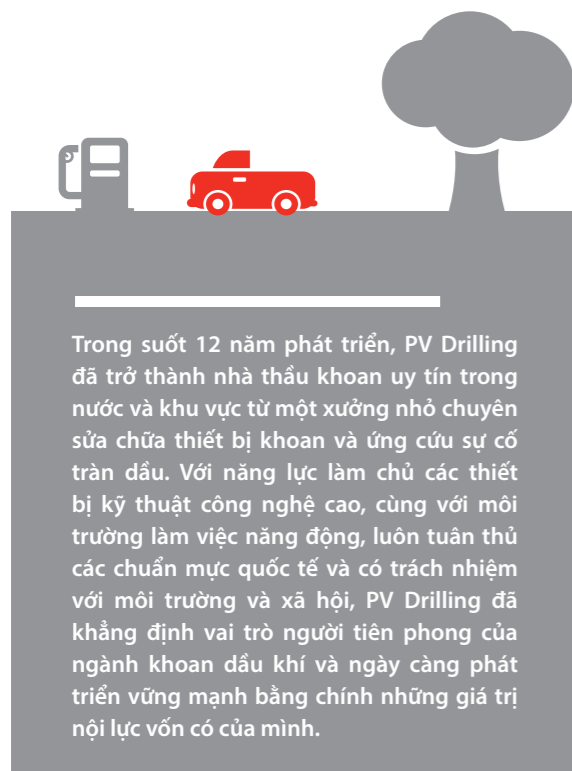
Năm 2014, trước những rủi ro và biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu, việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro (QTRR) trở thành một trong những nhiệm vụ trọng yếu trong chiến lược phát triển bền vững. Chúng tôi sẽ xây dựng và triển khai hệ thống QTRR trên toàn Tổng Công ty, theo các tiêu chuẩn và quy tắc quản trị quốc tế... Dự án Hệ thống quản trị rủi ro thành công sẽ là công cụ hiệu quả để ngăn ngừa, dự báo các rủi ro để có các biện pháp đối phó kịp thời một cách bài bản và có hệ thống về các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tuân thủ. Hệ thống quản trị rủi ro còn giúp toàn thể cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty nâng cao nhận thức về rủi ro và quản trị rủi ro, hình thành văn hóa quản trị rủi ro trong Tổng Công ty.

Đây là vấn đề còn khá mới đối với các doanh nghiệp dầu khí Việt Nam nên sẽ gặp không ít khó khăn, trở ngại. Nhưng chúng tôi tin tưởng rằng, sự thành công của dự án sẽ mang lại nhiều giá trị gia tăng cho Tổng Công ty, bảo đảm sự tăng trưởng bền vững, mang lại hiệu quả thực sự cho cổ đông, doanh nghiệp và môi trường xã hội. Đây là những bước đệm cần thiết, gia cố cho nền móng vững chắc hơn, tạo tiền đề cho sự tăng trưởng mạnh mẽ trong một tương lai không xa.

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty xin gửi lời cảm ơn đến các đối tác, khách hàng, cơ quan chức năng, những người đã quan tâm PV Drilling trong suốt chặng đường phát triển vừa qua. Chúng tôi xin cảm ơn đến Quý cổ đông, cán bộ công nhân viên, những người hỗ trợ và dõi theo cùng PV Drilling xây dựng một tương lai phát triển vững bền.

Phó TGD phụ trách phát triển bền vững  
**Hồ Ngọc Yến Phương**

## Giá trị nội lực và phát triển bền vững



Trong suốt 12 năm phát triển, PV Drilling đã trở thành nhà thầu khoan uy tín trong nước và khu vực từ một xưởng nhỏ chuyên sửa chữa thiết bị khoan và ứng cứu sự cố tràn dầu. Với năng lực làm chủ các thiết bị kỹ thuật công nghệ cao, cùng với môi trường làm việc năng động, luôn tuân thủ các chuẩn mực quốc tế và có trách nhiệm với môi trường và xã hội, PV Drilling đã khẳng định vai trò người tiên phong của ngành khoan dầu khí và ngày càng phát triển vững mạnh bằng chính những giá trị nội lực vốn có của mình.

### GIÁ TRỊ NỘI LỰC

Là đơn vị hoạt động trong ngành đặc thù, PV Drilling luôn tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan dầu khí. Thực hiện điều này, PV Drilling đã xây dựng một chiến lược phát triển rõ ràng, phù hợp với nguồn lực trong từng giai đoạn, tập trung đầu tư các giàn khoan, máy móc thiết bị công nghệ cao. Đây là các tài sản di động có thể làm việc ở các địa điểm khác nhau trên thế giới. Năm 2007, giàn khoan PV DRILLING I cập bến về Việt Nam, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của thị trường khoan trong nước, trở thành giàn khoan đầu tiên do người Việt Nam làm chủ, nâng vị thế PV Drilling thành đơn vị tiên phong trong lĩnh vực khoan dầu khí. Nhu cầu thị trường tiếp tục gia tăng mở ra nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng không ít khó khăn do khủng hoảng kinh tế xuất hiện. Tuy nhiên, bằng uy tín và kinh nghiệm có được từ việc đầu tư thành công giàn khoan đầu tiên, lần lượt các giàn khoan PV DRILLING 11 (giàn đất liền), PV DRILLING II, III (giàn tự nâng), PV DRILLING V (TAD) tiếp tục được đầu tư thành công và đưa vào khai thác vận hành hiệu quả. Năng lực cạnh tranh của PV Drilling trên thị trường cũng từ đó được gia tăng và mở rộng tầm ảnh hưởng.

Đi đôi với sự phát triển đội ngũ giàn khoan, PV Drilling còn định hướng xây dựng chuỗi giá trị dịch vụ ở các dịch vụ kỹ thuật cao liên quan đến khoan. Thông qua việc thành lập liên doanh, PV Drilling đã hợp tác với các đối tác có uy tín như BJ, Baker Hughes, Production Tester International, Marubeni Itochu Tubulars, Oil States Industries để cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao như bơm trám xi măng, kích thích vỉa, khoan định hướng, đo địa vật lý giếng khoan; cũng như phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao tự cung cấp như đo khí karota, kéo thả ống chống...

Đến nay, quy mô tài sản của PV Drilling đã xấp xỉ 1 tỷ USD, chủ yếu là các giàn khoan hiện đại và máy móc thiết bị kỹ thuật tiên tiến. Với việc vận hành 4 giàn khoan biển sở hữu, 3 – 4 giàn khoan thuê lại từ đối tác nước ngoài, và có

# 1 tỷ USD

QUY MÔ TÀI SẢN CỦA PV DRILLING ĐÃ XẤP XỈ 1 TỶ USD, CHỦ YẾU LÀ CÁC GIÀN KHOAN HIỆN ĐẠI VÀ MÁY MÓC THIẾT BỊ KỸ THUẬT TIÊN TIẾN.

khả năng cung cấp nhiều dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan khác, PV Drilling đã chiếm lĩnh 70% - 90% thị phần khoan dầu khí trong nước.

Quy mô mở rộng, số lượng dịch vụ gia tăng cũng đồng nghĩa với công tác quản trị trở thành thử thách lớn. Nhận thức điều này và xác định đây là trọng tâm trong chiến lược kinh doanh, PV Drilling đã chú trọng xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ thông tin và không ngừng cải tiến, nâng cao phù hợp với quy mô mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Hệ thống quản trị doanh nghiệp dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế đã đáp ứng được yêu cầu hội nhập nhanh chóng vào môi trường cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Các hệ thống, tiêu chuẩn được áp dụng đồng bộ đã nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo được sự tin cậy nơi khách hàng, như tiêu chuẩn về các dịch vụ chuyên ngành khoan của Viện Dầu khí Hoa Kỳ (API), tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008, quản lý môi trường ISO 14001, quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001 do Det Norske Veritas (DNV) chứng nhận, chương trình an toàn HSE Case theo tiêu chuẩn của Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC), hệ thống quản lý bảo trì, bảo dưỡng và quản lý vật tư hàng tồn kho (Maximo) kết hợp với phân hệ Min – Max tạo cơ chế linh hoạt trong việc tối ưu kế hoạch lưu kho và mua hàng, v.v...

Để hỗ trợ cho công tác quản trị công ty, việc triển khai Hệ thống quản trị nguồn lực (ERP Oracle) đến nay đã hoàn thành hai giai đoạn đầu cho các phân hệ Tài chính kế toán, Mua hàng, Nhân sự - Tiền lương, Quản lý hợp đồng, và kế hoạch sẽ triển khai giai đoạn 3 phân hệ quản trị ngân sách, lập báo cáo quản trị online. Ứng dụng ERP Oracle giúp cho PV Drilling theo dõi được chi phí đến từng bộ phận, kiểm soát kế hoạch hàng năm và hiệu quả kinh doanh đến từng từng đơn vị, từng dịch vụ. Đây là

công cụ hữu hiệu hỗ trợ thông tin kịp thời cho Ban Lãnh đạo xem xét và ra quyết định trong từng giai đoạn; cũng như đáp ứng nhu cầu minh bạch thông tin của một Công ty niêm yết.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực cũng chính là nền tảng cơ bản nhất trong quá trình phát triển suốt 12 năm qua đối với một Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao như PV Drilling.

Từ khi còn là một xí nghiệp nhỏ với mong muốn vươn lên thành Công ty hàng đầu, PV Drilling đã tuyển dụng và đào tạo được đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, nhiệt huyết, gắn bó với Tổng Công ty, trong đó nhiều chuyên gia hàng đầu đã từng làm việc ở những vị trí quan trọng cho các công ty đa quốc gia. Chính lực lượng này đã hỗ trợ, chia sẻ nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực kỹ thuật và đào tạo lại cho lớp người đi sau. Cũng từ môi trường chia sẻ và ham học hỏi ấy, nhiều cải tiến, đóng góp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đã ra đời, mang đến cho khách hàng nhiều giá trị gia tăng.

Từ việc xây dựng trên nền tảng vững chắc trên, PV Drilling đã đạt được sự tăng trưởng ấn tượng và phát triển mạnh trong nhiều năm qua. Với doanh thu vài mươi tỷ đồng khi mới thành lập, đến nay PV Drilling đã đạt doanh thu 14.867 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1.883 tỷ đồng, mang lại suất sinh lời cao và ổn định cho Tổng Công ty và các cổ đông. Cổ phiếu PV Drilling (mã PVD) được niêm yết vào cuối năm 2006 cũng sớm trở thành bluechips trên thị trường chứng khoán. Năm 2013, thị giá cổ phiếu đã tăng trên 60%, vượt mức khá xa so với mức tăng 22% của VNIndex. Điều đó chứng tỏ những giá trị nội lực trên đã góp phần tăng trưởng giá trị nội tại cổ phiếu PVD, tạo được uy tín và niềm tin các cổ đông, nhà đầu tư đối với Tổng Công ty. Đây chính là nền tảng vững chắc để PV Drilling tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững trong tương lai.

## Giá trị nội lực và phát triển bền vững (tiếp theo)

Tại PV Drilling, một văn hóa an toàn chất lượng đã được hình thành và ngày một lan toả nhằm ngăn chặn mọi tai nạn, rủi ro có nguy cơ gây thiệt hại đến con người, tài sản và môi trường. Đó chính là việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định, áp dụng biện pháp ngăn ngừa và không ngừng đánh giá, cập nhật, cải tiến thường xuyên.



### GIÁ TRỊ CỐT LÕI XÂY DỰNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

Bên cạnh các yếu tố tạo nên giá trị nội lực của PV Drilling như đề cập ở trên, để trở thành một nhà thầu khoan chuyên nghiệp và uy tín trên thị trường như ngày hôm nay, sự đam mê nhiệt huyết của đội ngũ CBCNV luôn vì chất lượng dịch vụ nhằm thoả mãn khách hàng được hoạt động an toàn, hiệu quả, mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông, cộng đồng xã hội, và tinh thần luôn “sáng tạo, đổi mới” đã cùng xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững của PV Drilling. Đây chính là những giá trị cốt lõi mà nhiều năm qua PV Drilling kiên trì xây dựng được.

#### Đam mê, nhiệt huyết

Chính niềm đam mê và nhiệt huyết đã giúp PV Drilling vượt qua khó khăn và đạt được những thành quả như ngày hôm nay. Đây cũng chính là giá trị văn hóa mà PV Drilling đã thực hiện nhiều năm qua. Để đạt được điều này, PV Drilling đã và đang phát triển chính sách nhân sự, xem xét các chính sách lương bổng và nâng cao môi trường làm việc; thu hút và gìn giữ nhân tài bằng nhiều chế độ đãi ngộ khác nhau nhằm duy trì, gìn giữ ngọn lửa đam mê nhiệt huyết của người lao động.

Sự đam mê, nhiệt huyết trong công việc đã bắt đầu khi PV Drilling mới thành lập, được truyền lửa từ người sáng lập qua nhiều lớp người đi sau. Đội ngũ CBCNV PV Drilling ngày càng phát huy tinh thần ấy, sẵn sàng đương đầu thử thách, tất cả vì dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

#### Cam kết chất lượng dịch vụ

Lĩnh vực khoan dầu khí là lĩnh vực đặc thù, đối tượng khách hàng khá hẹp, không giống như những lĩnh vực kinh doanh khác. Số lượng khách hàng ít và số lượng nhà cung cấp cũng không nhiều, nhưng không vì thế mà thiếu tính cạnh tranh mạnh mẽ.

Vì vậy, tại PV Drilling, chất lượng dịch vụ luôn là yếu tố tiên quyết giúp Tổng Công ty đứng vững trên thị trường cạnh tranh hiện nay. Theo đó, dịch vụ được cam kết cung cấp cho khách hàng với giá cả cạnh tranh, chất lượng vượt trội; đồng thời bảo đảm tuân thủ chặt chẽ những chuẩn mực quốc tế về an toàn và môi trường. PV Drilling đào sâu nghiên cứu và am hiểu từng nhu cầu khách hàng, cung cấp dịch vụ trọn gói nhằm hỗ trợ khách hàng giảm thiểu thời gian và chi phí, tạo sự kết nối chặt chẽ, tin cậy với khách hàng ở từng dự án khác nhau. Đây chính là điểm mạnh đã mang về thành công cho PV Drilling và khách hàng ở các chiến dịch khoan dầu khí trong nhiều năm qua.

#### Cam kết Sức khoẻ, An toàn, Môi trường và Chất lượng (HSEQ)

PV Drilling luôn đặt các yếu tố HSEQ lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các giàn khoan từ khi vận hành đến nay luôn đạt hiệu suất hoạt động trên 98% đối với giàn khoan tự nâng, trên 96% đối với giàn TAD và hiệu quả an toàn cao, mà kết quả được chứng nhận bởi Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế. Cụ thể giàn khoan PV DRILLING I liên tục đạt 7 năm hoạt động không xảy ra sự cố nghiêm trọng mất việc làm (Zero LTI), giàn khoan PV DRILLING II & III đạt 4 năm liên tục Zero LTI, giàn khoan PV DRILLING V đạt 1 năm Zero LTI.

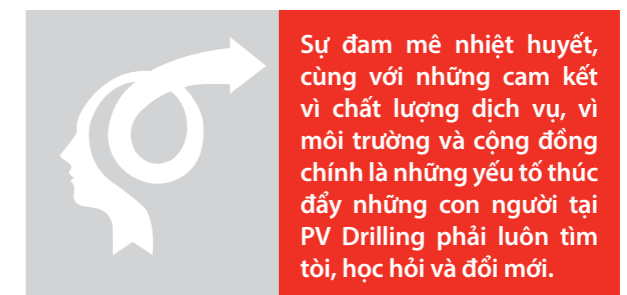
Hệ thống quản lý Sức khoẻ - An toàn - Môi trường - Chất lượng (HSEQ) đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc duy trì những kết quả trên. Tại PV Drilling, một văn hóa an toàn chất lượng đã được hình thành và ngày một lan toả nhằm ngăn chặn mọi tai nạn, rủi ro có nguy cơ gây thiệt hại đến con người, tài sản và môi trường. Đó chính là việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định, áp dụng biện pháp ngăn ngừa và không ngừng đánh giá, cập nhật, cải tiến thường xuyên.

Đến nay, PV Drilling đã tích hợp đầy đủ các hệ thống quản lý an toàn - sức khoẻ theo tiêu chuẩn quốc tế OHSAS 18001, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 và chứng chỉ quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 do tổ chức quốc tế Det Norske Veritas (DNV) chứng nhận trong toàn Tổng Công ty.

#### Cam kết mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông và cộng đồng

Tại PV Drilling, các quyết định đầu tư và các phương án kinh doanh luôn được cân nhắc dưới góc nhìn vì lợi ích cao nhất của cổ đông và cộng đồng xã hội. Vì vậy, hiệu quả kinh tế luôn được xem xét và cân nhắc cẩn thận trước khi quyết định. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, duy trì và cải tiến hệ thống HSEQ, tuyển dụng lao động địa phương và phát triển các chính sách nhân sự, tạo một môi trường làm việc thân thiện, cũng như tạo mối liên hệ chặt chẽ, tương tác với các nhà cung cấp, khách hàng nhằm bảo đảm chất lượng dịch vụ cao nhất là những kết quả hiện hữu mà PV Drilling đã kiên trì thực hiện nhiều năm qua.

Bên cạnh đó, PV Drilling ngày càng quan tâm đến các hoạt động cộng đồng, cam kết vì chất lượng cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn. Hàng năm, PV Drilling đã dành một phần ngân sách để thực hiện nhiều chương trình xã hội cộng đồng như xây nhà tình thương, trường học, trung tâm y tế vùng sâu vùng xa, hỗ trợ trẻ em làng SOS, tài trợ học bổng sinh viên, mổ tim miễn phí, v.v...



Sự đam mê nhiệt huyết, cùng với những cam kết vì chất lượng dịch vụ, vì môi trường và cộng đồng chính là những yếu tố thúc đẩy những con người tại PV Drilling phải luôn tìm tòi, học hỏi và đổi mới.

#### Luôn học hỏi, sáng tạo và đổi mới

Sự đam mê nhiệt huyết, cùng với những cam kết vì chất lượng dịch vụ, vì môi trường và cộng đồng chính là những yếu tố thúc đẩy những con người tại PV Drilling phải luôn tìm tòi, học hỏi và đổi mới. Từ đó, dịch vụ cung ứng và vận hành giàn khoan cũng như các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan mới lần lượt ra đời đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đặc biệt là dịch vụ trọn gói (Bundled services) hỗ trợ cho PV Drilling đứng vững trên thị trường ngày càng cạnh tranh. Ngoài ra, Hội đồng khoa học công nghệ được thành lập trong những năm gần đây nhằm hỗ trợ cho hơn 40 đề tài nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, dự kiến sẽ đem về nhiều kết quả khả thi. PV Drilling còn huy động các nhân lực chủ chốt tiếp tục nghiên cứu các phương án khả thi để đầu tư giàn khoan hiện đại, đặc biệt là các giàn khoan có khả năng hoạt động hiệu quả ở vùng nước sâu. Đây chính là những tiến đề hứa hẹn sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai, cùng với chất lượng dịch vụ và hình ảnh doanh nghiệp được nâng cao.

# Hệ thống quản trị rủi ro hiện hữu và dự án quản trị rủi ro



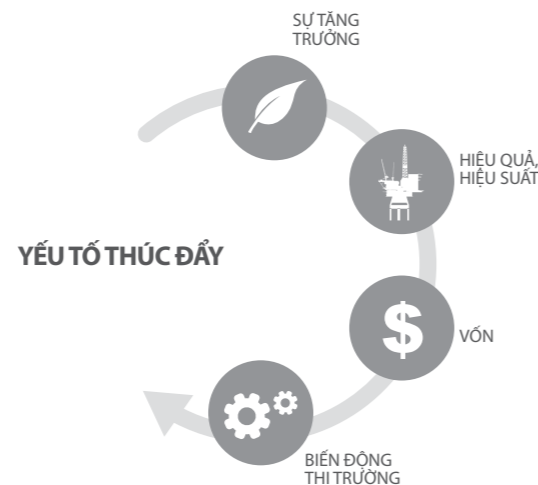
Một doanh nghiệp biết nắm bắt cơ hội sẽ phát triển vượt bậc, biết giải quyết rủi ro sẽ tồn tại vững chắc, và phát triển vững chắc chính là đích đến của PV Drilling.



## QUẢN TRỊ RỦI RO HIỆN HỮU TẠI PV DRILLING

Trong hơn 12 năm hoạt động không ngừng đổi mới và sáng tạo, PV Drilling đã có những bước phát triển mạnh mẽ, trở thành một nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ giếng khoan uy tín trên thị trường khu vực và thế giới.

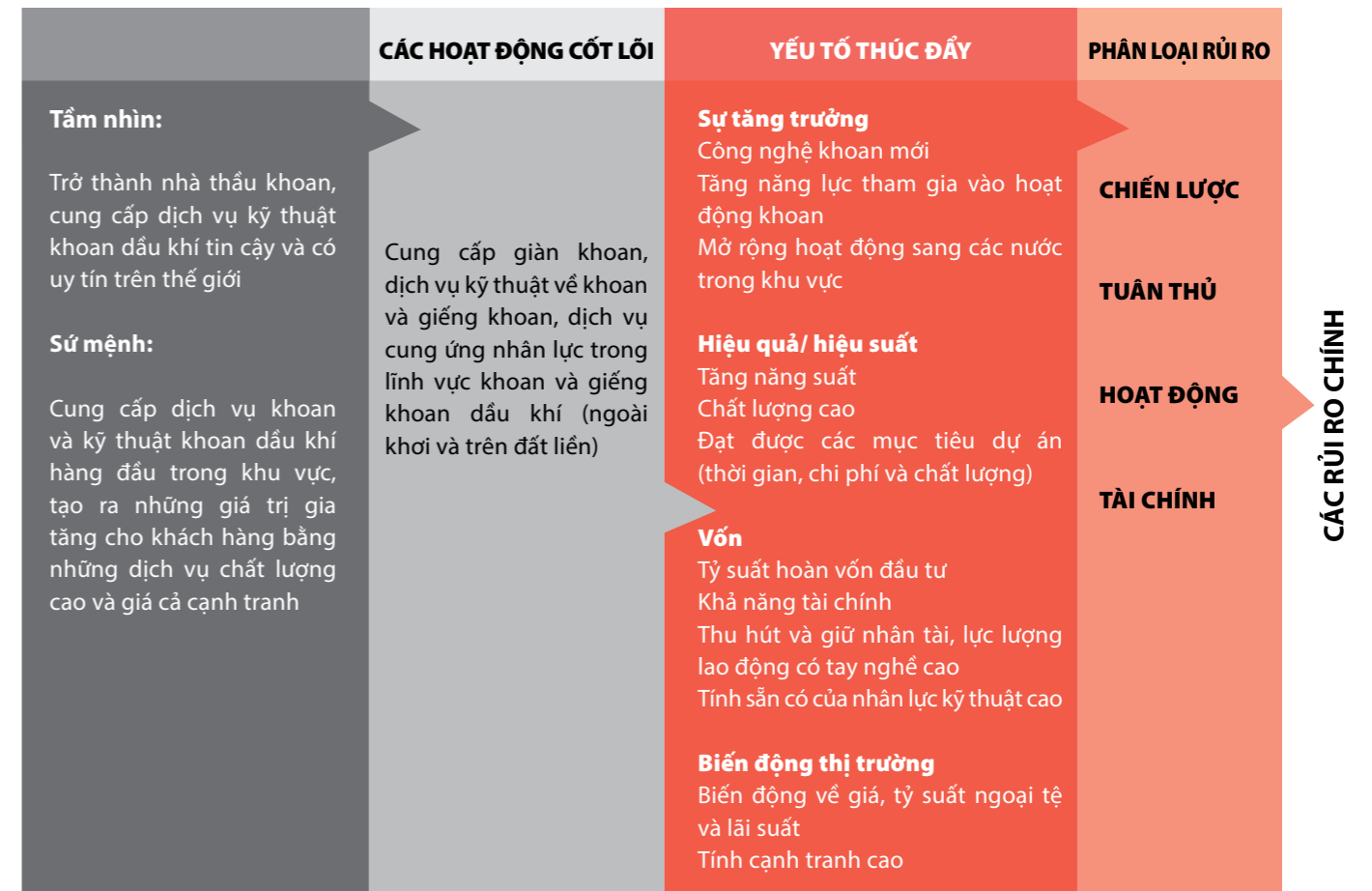
Đạt được điều này là nhờ PV Drilling đã xây dựng được chiến lược quản trị rủi ro gắn liền với mục tiêu và chiến lược của doanh nghiệp, trong đó công tác quản trị rủi ro trọng yếu luôn được Ban Lãnh đạo PV Drilling chú trọng. Vì thế, công tác này đã trở thành một yếu tố thành công chủ chốt của PV Drilling, nhằm duy trì và đảm bảo sự tăng trưởng kinh doanh bền vững và đạt được tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược theo định hướng của Ban Lãnh đạo.



Trong nền kinh tế toàn cầu có nhiều biến động khó lường như hiện nay, quản trị rủi ro là thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cơ hội và rủi ro sẽ luôn song hành trên con đường phát triển.

Luôn ý thức và thấu hiểu tầm quan trọng của quản trị rủi ro, PV Drilling đã, đang và sẽ liên tục cải thiện, nâng cao công tác quản trị rủi ro, dẫn định hình công tác quản trị rủi ro thành một quy trình liên tục, chuyên nghiệp, mang tính hệ thống và có sự tham gia của tất cả các cá nhân và các bộ phận chức năng trong toàn PV Drilling, đảm bảo hệ thống cảnh báo và đưa ra giải pháp ngăn ngừa rủi ro có thể xảy ra, từ đó nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh tạo đà cho phát triển bền vững của PV Drilling.

Mối liên hệ giữa mục tiêu kinh doanh và rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh



## QUẢN LÝ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Sự thành công và phát triển vượt bậc của PV Drilling trong những năm qua đã khẳng định Ban Lãnh đạo PV Drilling luôn có những chiến lược phát triển và mục tiêu đúng đắn, đó là việc tập trung mọi nguồn lực vào mảng cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí.

### Xây dựng chuỗi giá trị và bám sát chiến lược kinh doanh

Ban Lãnh đạo PV Drilling coi việc xây dựng chuỗi giá trị (the value chain) để tạo lợi thế cạnh tranh và tăng giá trị cho khách hàng là yếu tố cốt lõi của sự thành công, chuỗi giá trị của PV Drilling được đầu tư phát triển tập trung vào: chất lượng đầu vào, vận hành sản xuất kinh doanh, công tác tiếp thị tìm kiếm khách hàng, chất lượng dịch vụ cung cấp; cơ sở hạ tầng; quản trị nguồn lực và phát triển công nghệ, đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PV Drilling luôn cập nhật các hiệu chỉnh về quản trị rủi ro trong hoạt động giàn khoan, vốn được xem như một môn khoa học trong ngành khoan dầu khí, để đáp ứng được những thay đổi về kỹ thuật và cách vận hành giàn khoan, từ đó hạn chế tối thiểu các rủi ro về khoan như: phun trào giếng khoan, tổn hại vỉa, mất kiểm soát giếng, điều kiện đáy biển không ổn định, hoả hoạn hoặc các thiên tai,...

### Quy chuẩn Hệ thống quản lý HSEQ (An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng)

PV Drilling đã hoàn thiện và quy chuẩn Hệ thống HSEQ cho công tác vận hành giàn khoan, đây là bộ khung cho doanh nghiệp khoan dầu khí, giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân theo luật pháp cho cả hoạt động khoan trong bờ lẫn ngoài khơi. Hệ thống HSEQ đã đạt được các chứng chỉ quốc tế như tiêu chuẩn về các dịch vụ chuyên ngành khoan của Viện Dầu khí Hoa Kỳ (API), tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008, tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường ISO 14001, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001,....

## Hệ thống quản trị rủi ro hiện hữu và dự án quản trị rủi ro (tiếp theo)

### Áp dụng hệ thống Maximo để quản lý chuỗi cung ứng thiết bị cho giàn khoan

PV Drilling ứng dụng phần mềm Maximo trong công tác quản lý tài sản, mua sắm, quản lý hàng tồn kho và xây dựng các chương trình bảo dưỡng định kỳ để quản lý hàng nghìn mặt hàng phục vụ hàng ngày cho công tác khoan và các dịch vụ khác. Điều này đảm bảo tính ổn định cho chuỗi cung ứng để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu vật tư cần thiết cho việc vận hành giàn khoan, tạo một vùng đệm an toàn cho hoạt động của giàn khoan.

### Đào tạo nhân sự vận hành giàn

Công tác đào tạo nhân sự vận hành giàn khoan được Ban Lãnh đạo PV Drilling xem là yếu tố hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhân sự vận hành giàn khoan được đào tạo bài bản ngay trước khi tiếp nhận giàn về hoạt động tại Việt Nam để làm quen vận hành thiết bị, kỹ thuật an toàn theo các chỉ dẫn của nhà sản xuất cũng như cập nhật các công nghệ mới. PV Drilling xây dựng chương trình đào tạo năng lực chuyên môn cho từng vị trí chức danh (competency training matrix) để đảm bảo mỗi vị trí chức danh trên giàn đều được huấn luyện theo phạm vi công việc đảm nhận và phù hợp với chuẩn mực quốc tế, chỉ dẫn an toàn của nhà sản xuất, cung cấp thiết bị. Điều này hỗ trợ các kỹ sư vận hành tránh được những sai sót không cần thiết, có nguy cơ gây hỏng hóc thiết bị, gây mất an toàn lao động và giảm thiểu khả năng giàn phải dừng vận hành do lỗi con người vận hành gây ra.

### Mua bảo hiểm giàn khoan nhằm tăng cường phòng ngừa rủi ro

Mặc dù các giàn khoan được vận hành liên tục an toàn và hiệu quả nhưng Ban Lãnh đạo luôn ý thức rằng việc phòng ngừa các sự cố bất ngờ xảy ra và không kiểm soát được là hết sức cần thiết đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực khoan luôn hoạt động cường độ cao như PV Drilling. Sự kiện cháy nổ giàn khoan Horizon Deepwater tại vịnh Mexico là bài học rất có giá trị. Hàng năm, PV Drilling đều dành một khoản chi phí không nhỏ để mua bảo hiểm giàn khoan nhằm đảm bảo hạn chế rủi ro.

Bên cạnh đó, chính sách bảo hiểm về con người, bảo hiểm các loại tài sản khác cũng được xem trọng và thực hiện đều đặn hàng năm.

### Quản trị thông tin chặt chẽ

PV Drilling đã xây dựng thành công hệ thống quản trị thông tin ERP Oracle hiệu quả. Hệ thống đã chuẩn hóa các dữ liệu, từ đó bộ phận kế toán quản trị đã có các báo cáo phân tích chính xác, hỗ trợ kịp thời các quyết định của Ban Điều hành.

## QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

### Hoạch định ngân sách, kiểm soát hoạt động theo ngân sách và xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn

PV Drilling đã xây dựng quy trình và hệ thống hoạch định ngân sách thông qua hệ thống báo cáo kế toán quản trị bài bản và ngày càng hoàn thiện áp dụng từ cấp các đơn vị thành viên đến Tổng Công ty và không ngừng cải tiến, phát triển hòa cùng xu thế sáng tạo, mở rộng quy mô của PV Drilling. Quy trình hoạch định ngân sách đi từ chuẩn bị, thực hiện và kiểm soát ngân sách thông qua báo cáo quản trị trên nền tảng công nghệ thông tin là hệ thống ERP Oracle EBMS với sự tham gia của các phòng, ban và đơn vị để phản ánh xu hướng thị trường, chiến lược kinh doanh thể hiện các chỉ số tài chính. Việc xây dựng ngân sách và kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn đã cung cấp một bức tranh tổng thể về hoạt động của Tổng Công ty từ doanh thu, lợi nhuận, nhu cầu đầu tư cho Ban Lãnh đạo nhằm đưa ra những quyết sách về cấu trúc tài chính và phân bổ nguồn lực hợp lý.



### Quản trị tài chính theo định hướng của Quy chế Quản lý Tài chính

Trong năm 2012, Quy chế Quản lý Tài chính đã được hoàn thiện và ban hành đóng vai trò là kim chỉ nam và tiêu chuẩn nhằm kiểm soát tài chính tập trung, có định hướng. Trong năm 2013, Quy chế Tài chính tiếp tục được sửa đổi theo hướng quản lý các chỉ số tài chính như cấu trúc vốn, quản lý công nợ, theo đó các hệ số thanh toán lãi vay, tổng nợ vay/EBITDA, tổng nợ vay/vốn chủ sở hữu và các chỉ số tài chính khác đã được kiểm soát theo khung quy định, quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác, từ đó nâng cao được uy tín và gia tăng mức độ tín nhiệm của PV Drilling.

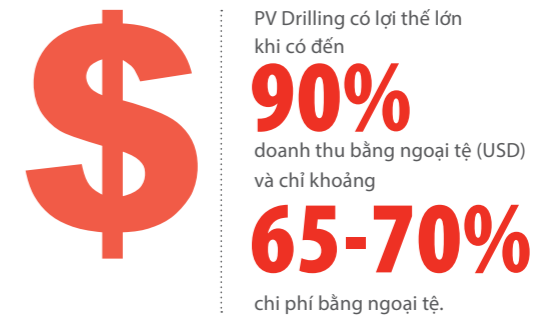
### Quản lý dòng tiền

Quản lý dòng tiền luôn được PV Drilling chú trọng nhằm đảm bảo hoạt động xuyên suốt của Tổng Công ty, các đơn vị thành viên cũng như giữ vững thanh khoản, đảm bảo khả năng chi trả trong ngắn hạn. PV Drilling đã xây dựng hệ thống ngân quỹ tập trung từ năm 2010 đến nay đảm nhiệm vai trò điều phối dòng tiền đến các đơn vị, phòng ban, bộ phận kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, song hành với tối ưu hóa dòng tiền, tiết giảm chi phí cơ hội và gia tăng thu nhập từ hoạt động tài chính.

Báo cáo kế hoạch dòng tiền được xây dựng theo tuần, theo tháng,... nhằm tự kiểm soát công tác thu hồi công nợ và quản lý dòng tiền, đảm bảo huy động tiền kịp thời để phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư. Có thể thấy, các chỉ số thanh khoản ngắn hạn của PV Drilling được giữ ổn định trong khoảng 1,0 lần qua các năm kể cả trong giai đoạn đầu tư gia tăng là 2009 - 2011.

### Kiểm soát biến động tỷ giá hối đoái

PV Drilling có lợi thế lớn khi có đến 90% doanh thu bằng ngoại tệ (USD) và chỉ khoảng 65 - 70% chi phí bằng ngoại tệ. Các khoản vay dài hạn đều theo USD. Ngoài ra, PV Drilling là Công ty duy nhất được sử dụng USD là đồng tiền hạch toán, do vậy rủi ro tỷ giá đối với Tổng Công ty không lớn. Tuy nhiên, một số đơn vị, công ty con của PV Drilling vẫn sử dụng đồng Việt Nam, do vậy, bộ phận ngân quỹ trực thuộc Ban Tài chính của Tổng Công ty luôn theo sát biến động của tỷ giá, thu đổi kịp thời nhằm hỗ trợ hoạt động của các Đơn vị trong toàn Tổng Công ty.



### Giảm thiểu các rủi ro về thuế và vận dụng chính sách thuế

PV Drilling luôn tuân thủ các nghĩa vụ về thuế, nghiên cứu các chính sách thuế và rà soát để giảm thiểu tối đa các rủi ro về thuế có thể phát sinh. Bên cạnh đó, PV Drilling cũng đã kiến nghị điều chỉnh và thay đổi các chính sách thuế không phù hợp phát sinh với ngành dầu khí đặc thù, tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, góp phần phát triển bền vững doanh nghiệp.

# Hệ thống quản trị rủi ro hiện hữu và dự án quản trị rủi ro (tiếp theo)

## QUẢN LÝ CÁC RỦI RO VỀ VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH

Ban Kiểm toán nội bộ (Ban KTNB) với một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu và kinh nghiệm thực tế cao đã giúp cho Ban Lãnh đạo thực hiện đánh giá thường xuyên các vấn đề về tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy trình, quy chế nội bộ đã ban hành. Ban KTNB kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy trình, quy định, quy chế nội bộ trong Tổng Công ty cũng như việc thực thi các chính sách thuế, các quy định hiện hành...

## DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP

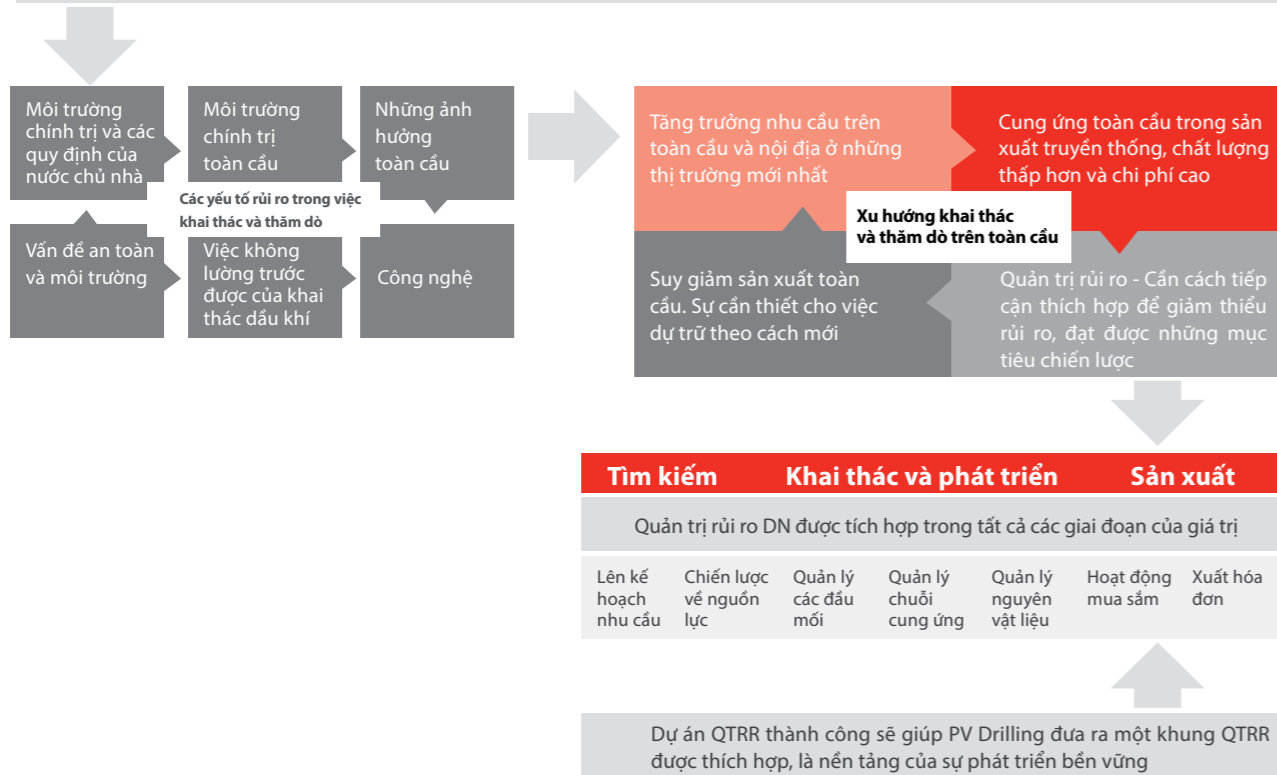
Trong năm 2014, PV Drilling triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trong toàn Tổng Công ty theo các quy chuẩn và thông lệ quốc tế. Từ đó, PV Drilling định hình công tác quản trị rủi ro thành một quy trình liên tục, chuyên nghiệp, mang tính hệ thống, có sự tham gia của tất cả các cá nhân và các bộ phận chức năng trong toàn Tổng Công ty.

Điều này đáp ứng yêu cầu vận hành hiệu quả hoạt động giàn khoan, cung ứng kịp thời các dịch vụ khác với chất lượng dịch vụ cao, cũng như hợp tác kinh doanh với các đối tác quốc tế nhằm mở rộng thị phần cung cấp dịch vụ khoan ra thị trường khu vực và thế giới đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

### Mục tiêu của dự án

Mục tiêu của dự án được Ban Lãnh đạo Tổng Công ty xác định một cách rõ ràng là xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp tại PV Drilling hoàn chỉnh theo các tiêu chuẩn, quy tắc quản trị và các thông lệ đã được chấp nhận trên thế giới như: ISO 31000:2009, COSO,... phù hợp với mô hình hoạt động của Tổng Công ty. Hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp sẽ giúp ngăn ngừa, dự báo và có các biện pháp đối phó kịp thời đối với các rủi ro liên quan đến chiến lược, hoạt động, tài chính và tuân thủ, đồng thời phổ biến kiến thức về rủi ro đến các cấp cán bộ công nhân viên trong toàn Tổng Công ty, góp phần nâng cao nhận thức về rủi ro và xây dựng văn hóa về rủi ro doanh nghiệp trong PV Drilling, qua đó sẽ làm gia tăng giá trị và hình ảnh của Tổng Công ty đối với cổ đông.

### Chuỗi giá trị của hoạt động Khoan, thăm dò và khai thác dầu khí được cho là có rủi ro cao và phức tạp nhất trong lĩnh vực kinh doanh dầu khí



## Phạm vi triển khai dự án

Dự án quản trị rủi ro doanh nghiệp được thực hiện trong phạm vi phát triển và kiện toàn những chính sách, quy trình, quy định, công cụ,... hiện có tại PV Drilling về quản trị rủi ro, xây dựng một khung quản trị rủi ro áp dụng xuyên suốt trong toàn Tổng Công ty. Khung quản trị rủi ro sẽ bao hàm các chiến lược quản trị rủi ro gắn liền với chiến lược kinh doanh và các mục tiêu phát triển bền vững; Phương pháp và cơ chế quản trị rủi ro; Các chính sách và các thủ tục để triển khai quản trị rủi ro và Hồ sơ rủi ro trong toàn Tổng Công ty.

Chức năng quản trị rủi ro doanh nghiệp sẽ được triển khai thực hiện cho toàn Tổng Công ty PV Drilling bao gồm các Ban chức năng/Xí nghiệp phụ thuộc và các Công ty con của Tổng Công ty.

## Triển khai dự án quản trị rủi ro

Với mục tiêu và phạm vi đã được xác định rõ ràng theo các thông lệ quốc tế và đặc thù của ngành khoan dầu khí, dự án xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp tại PV Drilling được triển khai với sự tư vấn của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - là Công ty kiểm toán và tư vấn hàng đầu trên thế giới về Quản trị rủi ro doanh nghiệp.

Theo đó, đơn vị tư vấn sẽ khảo sát hiện trạng quản trị rủi ro tại PV Drilling, xây dựng khung quản trị rủi ro doanh nghiệp tại PV Drilling bao gồm: đề xuất cơ cấu giám sát quản trị rủi ro phù hợp, các cơ chế báo cáo, các thủ tục thực hiện; xây dựng các thước đo rủi ro (Các chỉ tiêu đo lường rủi ro

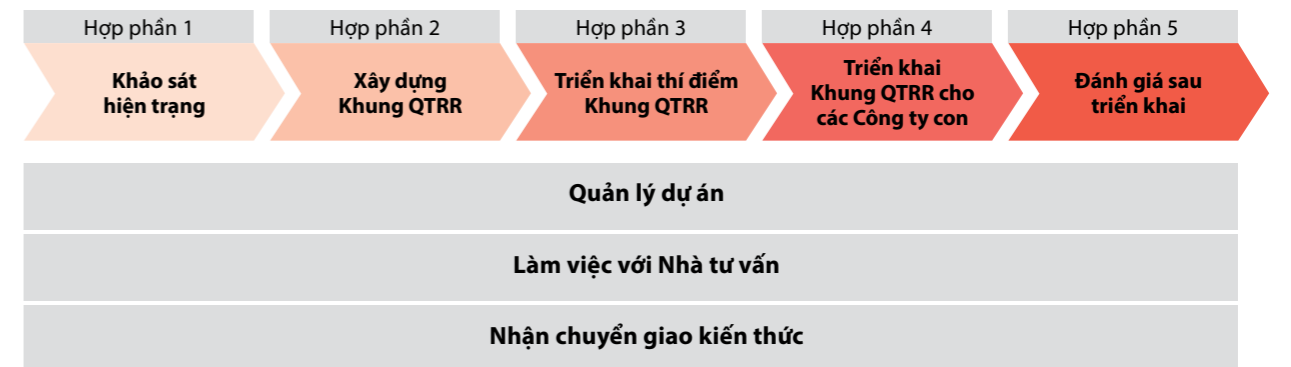
chủ yếu (KRIs)), các thông số rủi ro, mức độ chấp nhận rủi ro; Xác định hồ sơ rủi ro doanh nghiệp và triển khai chức năng quản trị rủi ro trong toàn Tổng Công ty.

Song hành với việc xây dựng Khung quản trị rủi ro, các khóa đào tạo về quản trị rủi ro từ cấp độ kiến thức cơ bản đến kỹ năng chuyên sâu cho các cấp bậc cán bộ công nhân viên liên quan đến quản trị rủi ro trong toàn Tổng Công ty sẽ được thực hiện, giúp trang bị đầy đủ kiến thức để vận hành hệ thống một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

Dự án quản trị rủi ro thành công sẽ được tích hợp với hệ thống ERP Oracle giai đoạn 3 (Business Intelligence) để quản lý tập trung và đồng nhất trên cùng một hệ thống quản trị thông tin, giúp cho các cấp quản lý và Ban Lãnh đạo theo dõi, phát hiện, kiểm tra và ứng phó với các rủi ro có thể xảy ra một cách kịp thời và xuyên suốt.

PV Drilling tâm niệm rằng việc xây dựng các Hợp phần của dự án một cách khoa học, kế hoạch triển khai hợp lý và thành lập Ban thực hiện dự án với lực lượng nhân sự tinh nhuệ sẽ đảm bảo sự thành công của dự án.

Với việc Ban Lãnh đạo quyết tâm xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp theo các chuẩn mực và thông lệ đã được chấp thuận trên thế giới, phù hợp với đặc thù của ngành khoan dầu khí tại Việt Nam sẽ giúp PV Drilling trở thành một Tổng Công ty hàng đầu, có hệ thống quản trị chuyên nghiệp, là nền tảng cho sự phát triển bền vững và tự tin tiến ra thế giới, vươn tới một tầm cao mới.



## Minh bạch thông tin

Minh bạch thông tin đã trở thành một trong những yếu tố được đặc biệt quan tâm trong chiến lược phát triển bền vững của PV Drilling. Đó không chỉ là giải trình, công bố thông tin ra bên ngoài một cách nhanh chóng, đầy đủ, mà còn là xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ nhằm đạt được sự nhất quán trong HĐSXKD.

### MINH BẠCH TỪ NỘI BỘ

Là một Tổng Công ty có quy mô lớn với 15 Đơn vị thành viên và gần 2.000 CBCNV, việc đảm bảo tính minh bạch trong nội bộ Công ty không hề đơn giản. Để giải quyết bài toán này, PV Drilling đã kết hợp giữa công tác tổ chức các phòng ban chức năng và các Đơn vị một cách lô-gíc về chức năng, nhiệm vụ với sử dụng các phần mềm quản lý tiên tiến.

Về cơ cấu tổ chức, mỗi Ban chức năng của PV Drilling đều có chức năng, nhiệm vụ được quy chuẩn thành văn bản và công khai trong toàn Công ty, tạo thuận lợi tối đa trong việc liên hệ và phối hợp thực hiện các công việc, dự án. Mục tiêu kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển của Tổng Công ty và các Đơn vị được xây dựng, kết nối, chuyển tải rõ ràng, đầy đủ thông qua việc tổ chức lập ngân sách hàng năm. Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo luôn khuyến khích các Ban chức năng, các Đơn vị chia sẻ thông tin, không chỉ đối với các giao dịch thành công mà còn cho những khó khăn, trở ngại gặp phải trong quá trình hoạt động để cùng nhau đúc kết bài học kinh nghiệm, từ đó có các hỗ trợ thích hợp, kịp thời và nâng cao sức mạnh cộng hưởng. Ngoài ra, công tác kiểm tra việc tuân thủ luật pháp, quy định, quy chế của PV Drilling cũng như tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị cũng được thực hiện định kỳ và đột xuất bởi Ban Kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động nằm trong tầm kiểm soát.

Công tác đảm bảo minh bạch trong nội bộ Công ty ngày được nâng cao nhờ sự đổi mới trong hệ thống quản lý, cụ thể là việc ứng dụng các phần mềm tiên tiến.

Đối với công tác quản trị doanh nghiệp, hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning – ERP) giai đoạn 1 và 2 đã được triển khai ứng dụng từ năm 2008 cho các phân hệ

tài chính, kế toán, nhân sự, quản lý dự án, mua sắm và tiếp tục triển khai thêm hệ thống hoạch định và kiểm soát ngân sách, tiến tới ứng dụng hệ thống báo cáo quản trị thông minh (Business Intelligence) – ERP giai đoạn 3 trong năm 2013. Việc hoàn thiện phần mềm ERP đã và sẽ tiếp tục hỗ trợ Tổng Công ty hệ thống hóa việc quản lý và kiểm soát chi phí, hoạt động và hiệu quả kinh doanh của từng Ban, từng Đơn vị trực thuộc, không những hỗ trợ công tác điều hành của Ban Lãnh đạo mà còn đưa thông tin chuẩn xác, kịp thời đến các cổ đông, nhà đầu tư. Ngoài ra, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (IDoc) được đưa vào sử dụng từ năm 2012 đã giúp rút ngắn thời gian trao đổi không chỉ trong nội bộ Công ty mà còn với các Đơn vị trong ngành cùng triển khai phần mềm này.

### MINH BẠCH VỚI BÊN NGOÀI VÀ CÔNG TÁC QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Có một chuyên gia kinh tế đã phát biểu rằng: “Nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán có thể hành động khi thị trường tăng thậm chí cả khi thị trường giảm, nhưng họ sợ nhất là sự không rõ ràng vì khi đó họ chẳng biết phải làm gì cả”. Quả thật như vậy, sự minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong công bố thông tin của các công ty đại chúng đóng một vai trò rất quan trọng, nhất là đối với các công ty đã niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán.

Sau hơn 7 năm niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với vị thế là một trong những bluechips hàng đầu của thị trường, thuộc nhóm VN30, PV Drilling đã thành công trong việc tạo dựng niềm tin và thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà đầu tư cả tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước. Góp phần không nhỏ trong

thành công đó là sự quan tâm và chú trọng phát triển công tác quan hệ cổ đông của Ban Lãnh đạo PV Drilling. Bộ phận Quan hệ cổ đông PV Drilling, trực thuộc Ban Tài chính, trong suốt quá trình hoạt động của mình luôn trung thành với định hướng đảm bảo tính minh bạch và kịp thời trong công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư, đóng vai trò là kênh thông tin trung gian, kết nối nhà đầu tư với Tổng Công ty.



Một trong những trách nhiệm mà Ban Lãnh đạo PV Drilling luôn đặt lên hàng đầu chính là đảm bảo tính minh bạch thông tin, không chỉ với cổ đông và các bên có liên quan mà còn ở chính nội bộ của Tổng Công ty.

Từ đó, nhà đầu tư có thể hiểu được giá trị đích thực của Tổng Công ty và dẫn đến những quyết định đầu tư mang tính thấu đáo, tạo động lực để ổn định và gia tăng thị giá của cổ phiếu PVD. Bên cạnh nhiệm vụ chính là công bố thông tin, bộ phận Quan hệ cổ đông còn hỗ trợ các cổ đông giải quyết những khó khăn, vướng mắc gặp phải liên quan đến việc nắm giữ cổ phiếu PVD, cũng như tham gia thực hiện các thủ tục liên quan đến cổ phiếu PVD quy định bởi cơ quan quản lý là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký.

Trong năm 2013, cùng với đại diện Ban Lãnh đạo PV Drilling, bộ phận Quan hệ cổ đông đã thực hiện hàng trăm lượt tiếp xúc với các nhà đầu tư và cổ đông hiện hữu, bao gồm các quỹ đầu tư, tổ chức tài chính, công ty chứng khoán cả trong nước và nước ngoài để giới thiệu, cập nhật thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như thông tin chuyên biệt về thị trường dầu khí, thị trường khoan. Có thể kể tên một số Quỹ đầu tư và Công ty chứng khoán tiêu biểu như: Dragon Capital, Franklin Templeton, PYN, PENM, JP Morgan, KITMC, Vietnam Holding, Black Rock, Caravel Management, Daiwa AM, CTCK Bản Việt, HSC, SSI, HSC, Maybank Kim Eng, v.v...

Đặc biệt, Ban Lãnh đạo và bộ phận Quan hệ cổ đông đã tham gia những sự kiện tiêu biểu như:

- Hội thảo CLSA Asean Corporate Access Forum tại Thái Lan.
- Hội thảo do UBS tổ chức tại Thái Lan.
- Hội thảo đầu tư do Daiwa Securities tổ chức tại Singapore.
- Hội thảo đầu tư khối ASEAN do Macquarie tổ chức tại Singapore.
- Hội nghị đầu tư tại Mỹ do Công ty Chứng khoán Bản Việt tổ chức.

Qua những cuộc họp, hội thảo, hội nghị, PV Drilling đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía các cổ đông hiện hữu cũng như các nhà đầu tư, nhất là sự khen ngợi đối với công tác hỗ trợ thông tin, và đây cũng là một trong những minh chứng cho thấy công tác Quan hệ cổ đông đang đi đúng hướng.



# ▲ An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng

Với qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng, các giàn khoan hoạt động ở những vùng biển xa bờ, thời tiết khắc nghiệt, công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (HSEQ) vẫn duy trì được các kết quả tốt nhiều năm qua. Trong đó, nổi bật nhất là thành tích ZERO LTI toàn Tổng Công ty. Có được thành quả này chính là nhờ hệ thống quản lý theo các chuẩn mực quốc tế ngày càng được cải tiến, cụ thể hóa từ việc xây dựng và ban hành những qui trình quản lý, đầu tư đào tạo nhân lực và quản trị công nghệ thông tin.



## NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT

Những thành tựu nổi bật của công tác HSEQ trong năm 2013 có thể được tóm tắt thông qua 5 nội dung chính như sau:



### Hệ thống quản lý HSEQ tiếp tục được duy trì và liên tục phát triển, cải tiến

Tất cả các đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của PV Drilling đều được quản lý chặt chẽ và tiến hành xây dựng các chứng chỉ HSEQ, đây là yêu cầu bắt buộc tối thiểu. Tùy theo tình hình thực tế của đơn vị mà các đơn vị triển khai trước các hệ thống phù hợp với mình như ISO 9001 (PVD Invest), ISO 14001 (Xí nghiệp điều hành khoan, PVD Deepwater), OHSAS 18001 (PVD Training) và các chứng chỉ kỹ thuật khác.



### Toàn Tổng Công ty liên tục đạt

#### ZERO LTI

|  |                                |
|--|--------------------------------|
| PV DRILLING I:   | 7 năm<br>(đến ngày 10/3/2014)  |
| PV DRILLING II:  | 4 năm<br>(đến ngày 15/9/2013)  |
| PV DRILLING III:   | 4 năm<br>(đến ngày 10/11/2013) |
| PV DRILLING V:<br>(TAD)                                  | 1 năm<br>(đến ngày 03/12/2013) |
| Các cơ sở sản xuất trên bờ tại Việt Nam đều đạt Zero LTI |                                |

### Công tác HSEQ được liên tục cập nhật và quảng bá hình ảnh

Từ đầu năm 2013, PV Drilling ban hành nội bộ "HSEQ Newsletter" cập nhật thông tin định kỳ hàng quý:

- Phân tích hoạt động HSEQ từng đơn vị
- Bài học và kinh nghiệm HSEQ trong nước và quốc tế
- Cập nhật thay đổi của hệ thống văn bản, quy trình, tiêu chuẩn liên quan
- Từ quý III/2013, xây dựng thêm "HSEQ Newsletter" phiên bản tiếng Anh.

Bên cạnh ấn phẩm HSEQ Newsletter, xây dựng thêm kênh thông tin (HSEQ Channel):

- Đoạn phim phóng sự ngắn cập nhật công tác HSEQ hàng tháng
- Trình chiếu tại nơi khách hàng và người lao động có thể theo dõi (tiếp tân, khu vực sản xuất)

*HSEQ Newsletter và HSEQ Channel của PV Drilling được các nhà thầu và đơn vị bạn trong ngành đánh giá rất cao và đồng thời cũng là cơ sở để họ tham khảo áp dụng tại Công ty mình.*



### Ứng dụng một cách hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý HSEQ

Những ý tưởng "sơ khai" từ năm 2012 đã được triển khai thành công:

- 📁 Hệ thống quản trị thông tin "PVD HSEQ Database" cấp Tổng Công ty, bao gồm cập nhật những thay đổi của văn bản pháp luật, quy trình, các chuẩn mực liên quan
- ➕ Quản lý hồ sơ chứng từ của Xí nghiệp điều hành khoan;
- 💻 Phần mềm quản lý thông tin y tế,...



### Mạng lưới HSEQ được mở rộng và có sự liên kết chặt chẽ giữa tất cả các đơn vị

Năm 2013, mạng lưới HSEQ của PV Drilling đã phát triển thêm một bước mới với sự tham gia của tất cả các đơn vị trực thuộc và công ty liên doanh, liên kết. Thông qua việc mở rộng này, Tổng Công ty có thể tiếp nhận ý kiến đóng góp cho hệ thống HSEQ từ nhiều góc độ khác nhau, đồng thời điều phối được quá trình cải tiến hệ thống sao cho phù hợp với năng lực thực tế của từng đơn vị. Bên cạnh đó, các đơn vị có cơ hội để chia sẻ những điểm mạnh của mình và ngược lại cũng được các đơn vị bạn tư vấn cách thức để khắc phục những điểm còn tồn tại.

# ▲ An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (tiếp theo)

## CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN VỀ AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG



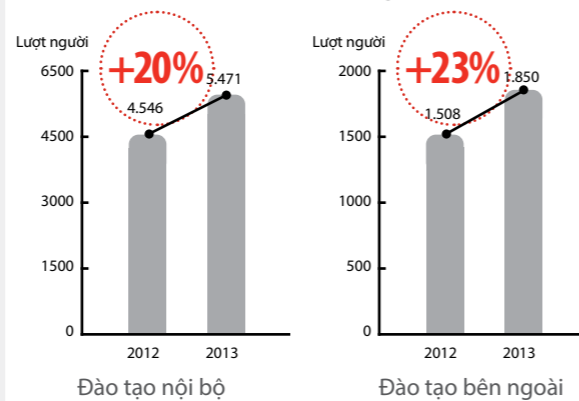
### Tổng số giờ công hoạt động an toàn của CBNV:

|                      |                                   |
|----------------------|-----------------------------------|
| <b>6.091.526</b> giờ | tăng 73.566 giờ so với năm 2012   |
| Trong đó:            |                                   |
| <b>3.311.286</b> giờ | Làm việc trên các giàn khoan biển |
| <b>850.964</b> giờ   | Làm việc tại cơ sở SXKD trên bờ   |
| <b>1.929.276</b> giờ | Làm việc văn phòng                |



### Đào tạo về An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng

Năm 2013 đào tạo về HSEQ cả nội bộ và bên ngoài tăng hơn 20% so với 2012, trong đó các khóa đào tạo được thực hiện đều đặn trong cả năm.



### Hội thảo nội bộ mạng HSEQ

Năm 2013, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đồng thời tạo điều kiện để chia sẻ kinh nghiệm giữa các đơn vị, Ban An toàn Chất lượng đã tổ chức hội thảo nội bộ mạng HSEQ hàng quý với sự tham gia của các cán bộ HSEQ của các công ty thành viên và các liên doanh như PVD Baker Hughes, Vietubes, PVD Expro... Hơn 25 chuyên đề trong cả năm về an toàn sức khỏe và môi trường đã được thảo luận với sự tham gia tích cực của các bên tham gia. Chương trình này đã mang lại những lợi ích thiết thực, đánh dấu một bước phát triển mới của mạng lưới HSEQ trên toàn Tổng Công ty.



### Biên soạn/ban hành tài liệu hệ thống quản lý HSEQ

Hệ thống quản lý HSEQ đóng góp một phần không nhỏ trong việc đảm bảo mọi hoạt động diễn ra trên giàn được, từ công tác đào tạo, đánh giá chất lượng nhà thầu phụ, khảo sát sự hài lòng của khách hàng...

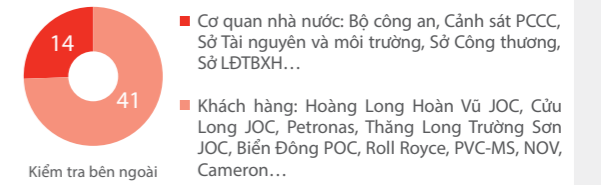
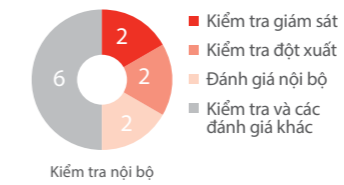
|                                 |  |
|---------------------------------|--|
| Năm 2013, PV Drilling ban hành: | Bao gồm 18 tài liệu mới và 56 tài liệu cập nhật, chỉnh sửa |
| <b>74</b> tài liệu HSEQ         |  |

Cập nhật và theo kịp sự phát triển, mở rộng trong sản xuất kinh doanh của toàn Tổng Công ty.



### Kiểm tra/giám sát về HSEQ

Năm 2013, các đợt kiểm tra của khách hàng, cơ quan nhà nước và đánh giá nội bộ đều có kết luận tốt, vận hành hiệu quả và đạt hệ số an toàn cao.



### Công tác chuẩn bị và ứng phó với tình huống khẩn cấp

Ngày 21/10/2013 PV Drilling đã tổ chức buổi diễn tập xử lý thông tin ứng phó với một trong những tình huống đã được xác định trong các tài liệu của hệ thống quản lý an toàn.

Diễn tập này có sự tham gia của nhiều lực lượng từ giàn khoan tới Xí nghiệp điều hành Khoan, nâng cấp lên Tổng Công ty và mở rộng kết hợp cả với Văn phòng Ứng phó tình huống khẩn cấp của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, cùng với sự tham gia của Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu Miền Nam NASOS và Công ty Trực thăng Miền Nam.

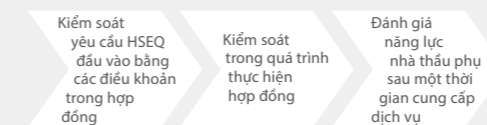


### Kiểm soát HSEQ đối với nhà thầu phụ

Hiện tại, toàn Tổng Công ty sử dụng gần 100 nhà thầu phụ nên hoạt động kiểm soát luôn được quan tâm chặt chẽ. Kết quả của các đợt đánh giá hệ thống quản lý HSEQ trong các năm qua cho thấy việc quản lý nhà thầu phụ tại Tổng Công ty PV Drilling đã và đang được triển khai khá đầy đủ và thực hiện tương đối tốt tại các đơn vị. 100% quá trình cung cấp dịch vụ bởi các nhà thầu phụ đều được kiểm soát chặt chẽ về mặt chất lượng cũng như an toàn, sức khỏe và môi trường.

### Quá trình kiểm soát nhà thầu phụ

(do các bộ phận chức năng và bộ phận HSEQ cùng phối hợp thực hiện):



### Quản lý Y tế và An toàn vệ sinh thực phẩm

Hiện tại trên toàn PV Drilling có 03 bếp ăn tập thể trên bờ tại các đơn vị PVD HO, PVD Offshore, PVD Training cùng với 5 bếp ăn tập thể tại các giàn khoan PV DRILLING I, II, III, V, và 11. Công tác giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện nghiêm túc trong tất cả các khâu, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu an toàn để ra, bảo đảm không để xảy ra bất cứ sự cố nào về thực phẩm trong cả năm.

Trong công tác quản lý y tế, năm 2013 có 98% CBCNV tham gia khám sức khỏe định kỳ. Trong tổng số 840 người lao động làm trong môi trường công việc nặng nhọc độc hại, 99,3% được khám sức khỏe tầm soát sức khỏe nghề nghiệp. Kết quả cho thấy PV Drilling chưa có trường hợp nào bị mắc bệnh nghề nghiệp.



### Vấn đề về sự cố

Năm 2013, số lượng sự cố các loại đều giảm đều, điều này thể hiện hệ thống quản lý HSEQ đang hoạt động có hiệu quả. Đặc biệt Tổng Công ty đạt zero LTI trong cả năm. So với tỷ lệ tai nạn gây mất thời gian lao động = 0,12 của khu vực Châu Á Thái Bình Dương, đây là một tiến bộ vượt bậc.

9

**Môi trường và Quản lý chất thải**

Tình hình sử dụng nước và lượng nước thải phát sinh trong năm 2013

| Nội dung                                 | Đơn vị              | DD  | Offshore | Tech  | Well | Logging |
|--|---------------------|-----|----------|-------|------|---------|
| Lượng nước thải sinh hoạt của mỗi đơn vị | m <sup>3</sup> /năm | NA  | 5.062    | 5.180 | 305  | 104     |
| Lượng nước thải sản xuất tại mỗi đơn vị  | m <sup>3</sup> /năm | NA  | 5.060    | 1.295 | 340  | 256     |
| Tổng lượng nước tiêu thụ của mỗi đơn vị  | m <sup>3</sup> /năm | 840 | 10.122   | 6.475 | 645  | 360     |

Ghi chú: - Lượng nước thải của DD ngoài giàn khoan được tính cho nhà thầu

Lượng chất thải nguy hại và không nguy hại:

| Nội dung                                    | Đơn vị | DD      | Offshore | Tech   | Well  | Logging |
|---|--------|---------|----------|--------|-------|---------|
| Tổng số lượng chất thải                     | kg/năm | 356.140 | 36.000   | 75.550 | 4.000 | 4.640   |
| Lượng chất thải nguy hại                    | kg/năm | 126.300 | 33.000   | 74.350 | 2.500 | 2.140   |
| Lượng chất thải không nguy hại              | kg/năm | 229.840 | 3.000    | 1.200  | 1.500 | 2.500   |
| Lượng chất thải có thể tái chế/ tái sử dụng | kg/năm | NA      | 300      | 30.000 | 350   | 150     |

Thành phần chất thải nguy hại điển hình:

| TT | Thành phần chất thải  |
|----|---|
| 1  | Bùn thải có dầu từ hoạt động bảo dưỡng cơ sở, máy móc, trang thiết bị                                     |
| 2  | Que hàn thải  |
| 3  | Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn hoặc véc ni có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác |
| 4  | Các loại dầu thải: dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn, dầu cặn, và các loại dầu thải khác                  |
| 5  | Bao bì thải các loại có chứa chất hoặc nhiễm các thành phần nguy hại                                      |
| 6  | Giẻ lau nhiễm dầu   |
| 7  | Hộp mực in thải   |
| 8  | Chất thải nhiễm dầu   |
| 9  | Chất thải có các thành phần nguy hại khác với dầu (rắn/lỏng)  |
| 10 | Bóng đèn huỳnh quang thải   |
| 11 | Pin, ắc quy chì thải  |
| 12 | Hóa chất thải   |
| 13 | Pháo sáng thải  |

Một số đơn vị của PV Drilling tự nghiên cứu và áp dụng thành công các sáng kiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí và đặc biệt giảm thiểu đáng kể một số chất thải tính trên đơn vị mỗi sản phẩm hoàn thành. Điển hình, PVD Offshore đã tái sử dụng nước rửa cần ống bằng cách nâng cấp hệ thống rửa thành khép kín và lọc lại nước rửa ống. PVD Tech cải tiến qui trình hàn ống giúp giảm thiểu lỗi hàn và loại trừ một cách đáng kể các khí độc phát sinh trong quá trình hàn.

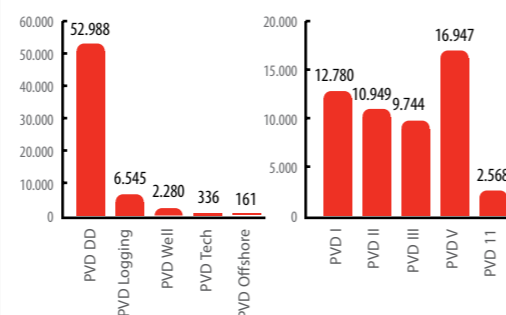
10

**Chương trình PVD Card**

Chương trình PVD Observation Card là chương trình nhằm khuyến khích CBCNV quan sát các hiện tượng/hành động tốt và chưa tốt trong công tác HSEQ để ghi chú vào các thẻ.

Lượng PVD Card trên toàn PV Drilling năm 2013 là 62.310 thẻ, tăng 14% so với năm 2012 (54.432 thẻ).

Số lượng thẻ tại các đơn vị: Số lượng thẻ tại các giàn khoan:



11

**Thường an toàn**

Năm 2013 PV Drilling đã ban hành qui chế thưởng riêng về HSEQ với mức thưởng khá cao. Đây là một tiến bộ vượt bậc khi qui chế này cho phép các đơn vị có thể trực tiếp khuyến khích người lao động và kịp thời động viên cán bộ công nhân viên tham gia vào các chương trình hành động thuộc hệ thống quản lý HSEQ, góp phần vào thành tích HSEQ nói chung và duy trì mục tiêu "Hoạt động an toàn không xảy ra sự cố mất ngày công lao động" đồng thời đảm bảo chất lượng các dịch vụ cung cấp đến khách hàng.

HSEQ 2014

**ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC HSEQ**

Mặc dù không ngừng cải tiến và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận qua các năm, vẫn còn một số khoảng cách nhất định trong xây dựng và phát triển hệ thống HSEQ giữa các đơn vị. Bên cạnh đó, công tác quản lý y tế, việc báo cáo và chia sẻ thông tin liên quan HSEQ, vấn đề tạo dựng hình ảnh xanh cho PV Drilling vẫn cần tiếp tục thực hiện mạnh mẽ và đồng bộ hơn nữa. Năm 2014, PV Drilling đã đưa ra 6 mục tiêu định hướng, bao gồm:

- Tăng cường giám sát/phối hợp/hỗ trợ các đơn vị, đảm bảo hệ thống quản lý HSEQ được xây dựng và áp dụng đạt hiệu quả thiết thực.
- Xác định lộ trình cụ thể để xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý HSEQ cho các đơn vị chưa hoàn thiện đầy đủ để phù hợp với mặt bằng chung của Tổng công ty.
- Hoàn thiện bộ tài liệu khung HSEQ của riêng PV Drilling, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng hệ thống tại các đơn vị mới và tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.
- Tiếp tục cải thiện hơn nữa môi trường/điều kiện làm việc, nhằm ngăn ngừa, hạn chế các yếu tố nguy hại có thể ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.
- Phát triển và khai thác hiệu quả những công cụ quản lý mới: kênh thông tin HSEQ, phần mềm quản lý y tế trên mạng, kiểm soát tài liệu, kiểm tra kiến thức HSEQ,...
- Hoàn thiện chương trình giảm thiểu chất thải toàn diện cho các hoạt động của PV Drilling, góp phần nâng cao hình ảnh xanh của Tổng Công ty luôn hướng tới việc bảo vệ môi trường bền vững.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

|           |  |
|-----------|--|
| 118       | BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA                       |
| 119 - 120 | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                  |
| 121       | CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN        |
| 122       | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  |
| 123 - 124 | BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT            |
| 125 - 162 | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI |



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

Số: 428/VN1A-HC-BC

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty Mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, từ trang 119 đến trang 162. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thoả thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo tài chính hợp nhất đã được chuyển đổi sang đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để chuyển đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp chuyển đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để chuyển đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 – Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b, c nêu trên.



**Võ Thái Hòa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
 Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2013-001-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
 Ngày 24 tháng 03 năm 2014  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Thị Thu Sang**  
**Kiểm toán viên**  
 Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1144-2013-001-1

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
 Tầng 18, Tòa nhà Times Square  
 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1  
 Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 ĐT: +848 3910 0751  
 Fax: +848 3910 0750  
 www.deloitte.com/vn

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

| TÀI SẢN  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2013                | 31/12/2012                |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b> | <b>100</b> |             | <b>7.967.393.100.824</b>  | <b>5.078.601.899.164</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>         | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>2.597.616.954.888</b>  | <b>1.067.748.648.852</b>  |
| 1. Tiền  | 111        |             | 937.662.892.177           | 723.534.498.572           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                        | 112        |             | 1.659.954.062.711         | 344.214.150.280           |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>       | <b>120</b> |             | <b>20.000.000.000</b>     | -                         |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                   | 121        |             | 20.000.000.000            | -                         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>              | <b>130</b> |             | <b>4.184.484.001.932</b>  | <b>3.117.236.762.212</b>  |
| 1. Phải thu khách hàng                               | 131        |             | 3.906.177.217.068         | 3.003.523.651.056         |
| 2. Trả trước cho người bán                           | 132        |             | 146.296.755.240           | 53.631.975.032            |
| 3. Các khoản phải thu khác                           | 135        |             | 136.994.341.536           | 64.020.918.948            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                | 139        |             | (4.984.311.912)           | (3.939.782.824)           |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                              | <b>140</b> | <b>6</b>    | <b>1.043.709.154.716</b>  | <b>787.832.554.888</b>    |
| 1. Hàng tồn kho                                      | 141        |             | 1.044.738.740.700         | 788.888.180.412           |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                    | 149        |             | (1.029.585.984)           | (1.055.625.524)           |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                      | <b>150</b> |             | <b>121.582.989.288</b>    | <b>105.783.933.212</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                        | 151        |             | 65.615.133.588            | 56.816.659.544            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ               | 152        |             | 33.584.815.440            | 40.017.482.068            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước          | 154        |             | 398.421.840               | 31.450.280                |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác                             | 158        |             | 21.984.618.420            | 8.918.341.320             |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)</b>      | <b>200</b> |             | <b>13.524.940.028.736</b> | <b>14.005.016.860.116</b> |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                            | <b>220</b> |             | <b>12.482.423.783.508</b> | <b>13.317.644.351.704</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                          | 221        | 7           | 12.313.643.456.964        | 13.054.984.089.116        |
| - Nguyên giá   | 222        |             | 16.483.029.101.292        | 16.142.102.584.412        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                             | 223        |             | (4.169.385.644.328)       | (3.087.118.495.296)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                           | 227        | 8           | 151.132.321.596           | 143.934.664.124           |
| - Nguyên giá   | 228        |             | 212.779.140.000           | 192.028.244.848           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                             | 229        |             | (61.646.818.404)          | (48.093.580.724)          |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                   | 230        | 9           | 17.648.004.948            | 118.725.598.464           |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>        | <b>250</b> |             | <b>957.444.305.196</b>    | <b>458.296.979.264</b>    |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh                     | 252        | 10,11       | 941.665.180.560           | 425.072.403.600           |
| 2. Đầu tư dài hạn khác                               | 258        | 12          | 33.429.317.328            | 33.224.575.664            |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn        | 259        |             | (17.650.192.692)          | -                         |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>                     | <b>260</b> |             | <b>83.564.458.200</b>     | <b>227.085.413.748</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                         | 261        | 13          | 67.572.869.964            | 203.470.252.444           |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                    | 262        | 14          | -                         | 6.508.666.688             |
| 3. Tài sản dài hạn khác                              | 268        |             | 15.991.588.236            | 17.106.494.616            |
| <b>IV. Lợi thế thương mại</b>                        | <b>270</b> | <b>15</b>   | <b>1.507.481.832</b>      | <b>1.990.115.400</b>      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>               | <b>280</b> |             | <b>21.492.333.129.560</b> | <b>19.083.618.759.280</b> |

Các thuyết minh từ trang 125 đến trang 162 là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2013                | 31/12/2012                |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>           | <b>300</b> |             | <b>11.624.526.500.304</b> | <b>12.066.474.358.240</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>6.764.871.378.948</b>  | <b>5.690.763.124.928</b>  |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | 16          | 1.829.467.935.552         | 1.940.772.805.772         |
| 2. Phải trả người bán                         | 312        |             | 2.141.149.091.712         | 2.229.154.481.992         |
| 3. Người mua trả tiền trước                   | 313        |             | 108.112.607.724           | 15.007.323.808            |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | 17          | 380.619.430.812           | 263.164.383.500           |
| 5. Phải trả người lao động                    | 315        |             | 201.193.226.424           | 108.736.968.708           |
| 6. Chi phí phải trả                           | 316        | 18          | 1.553.908.178.820         | 768.856.184.916           |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | 19          | 312.658.046.964           | 149.870.810.748           |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn                 | 320        | 20          | 101.570.159.292           | 135.696.107.068           |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 323        |             | 136.192.701.648           | 79.504.058.416            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>4.859.655.121.356</b>  | <b>6.375.711.233.312</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn khác                      | 333        | 11          | 523.046.550.744           | 1.151.539.338.776         |
| 2. Vay và nợ dài hạn                          | 334        | 21          | 3.783.480.645.048         | 4.867.903.560.084         |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả            | 335        | 14          | 103.139.508               | -                         |
| 4. Dự phòng phải trả dài hạn                  | 337        |             | -                         | 25.160.703.044            |
| 5. Doanh thu chưa thực hiện                   | 338        |             | 1.048.308.024             | 5.403.199.760             |
| 6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ       | 339        | 22          | 551.976.478.032           | 325.704.431.648           |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>            | <b>400</b> |             | <b>9.838.241.877.560</b>  | <b>6.992.136.471.376</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | <b>23</b>   | <b>9.838.241.877.560</b>  | <b>6.992.136.471.376</b>  |
| 1. Vốn điều lệ                                | 411        |             | 2.755.286.950.000         | 2.105.082.150.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        |             | 2.446.049.927.854         | 1.382.130.231.854         |
| 3. Cổ phiếu quỹ                               | 414        |             | (11.963.553.191)          | (15.407.860.950)          |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                 | 416        |             | 683.185.976.226           | 673.496.144.515           |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển                      | 417        |             | 735.587.990.807           | 554.469.675.707           |
| 6. Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        |             | 338.229.607.392           | 262.334.956.772           |
| 7. Lợi nhuận chưa phân phối                   | 420        |             | 2.891.864.978.472         | 2.030.031.173.478         |
| <b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>        | <b>500</b> | <b>24</b>   | <b>29.564.751.696</b>     | <b>25.007.929.664</b>     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)</b>  | <b>600</b> |             | <b>21.492.333.129.560</b> | <b>19.083.618.759.280</b> |

Các thuyết minh từ trang 125 đến trang 162 là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|                                 | 31/12/2013     | 31/12/2012 |
|---------------------------------|----------------|------------|
| 1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ | 10.675.390.677 | -          |
| 2. Ngoại tệ các loại            |                |            |
| Đồng Euro ("EUR")               | 6.114          | 6.114      |
| Bảng Anh ("GBP")                | 8.238          | -          |
| Dinars Algeria ("DZD")          | 64.744.136     | 63.593.207 |
| Đô la Singapore ("SGD")         | 19.751         | 13.289     |



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 125 đến trang 162 là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | 2013                      | 2012                      |
|---|-----------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                          | <b>01</b> | <b>25</b>   | <b>14.866.679.679.275</b> | <b>11.929.456.110.560</b> |
| <b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>         | <b>10</b> |             | <b>14.866.679.679.275</b> | <b>11.929.456.110.560</b> |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                                   | 11        | 25          | 11.533.399.684.135        | 9.246.655.833.296         |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ                          | 20        |             | 3.333.279.995.140         | 2.682.800.277.264         |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 27          | 98.811.190.240            | 54.220.907.560            |
| 6. Chi phí tài chính  | 22        | 28          | 346.480.174.605           | 420.438.381.880           |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>  | 23        |             | <i>222.995.412.065</i>    | <i>301.836.314.284</i>    |
| 7. Chi phí bán hàng   | 24        |             | 45.118.986.390            | 38.333.454.956            |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 25        |             | 945.758.282.965           | 751.858.599.912           |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b> | <b>30</b> |             | <b>2.094.733.741.420</b>  | <b>1.526.390.748.076</b>  |
| 10. Thu nhập khác   | 31        |             | 63.296.302.580            | 174.108.187.724           |
| 11. Chi phí khác  | 32        |             | 88.775.809.575            | 63.954.602.596            |
| <b>12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                 | <b>40</b> |             | <b>(25.479.506.995)</b>   | <b>110.153.585.128</b>    |
| 13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh                                     | 50        | 10          | 221.846.289.915           | 60.780.436.224            |
| <b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)</b>                     | <b>60</b> |             | <b>2.291.100.524.340</b>  | <b>1.697.324.769.428</b>  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                          | 61        | 29          | 291.309.373.575           | 252.602.858.776           |
| 16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                | 62        | 14          | 6.625.885.630             | (2.800.886.956)           |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)</b>         | <b>70</b> |             | <b>1.993.165.265.135</b>  | <b>1.447.522.797.608</b>  |
| <i>Phân bổ cho:</i>   |           |             |                           |                           |
| - Lợi ích của cổ đông thiểu số  | 24        |             | 8.875.100.160             | 8.308.995.097             |
| - Lợi ích của các bên BCC   | 11        |             | 100.892.347.446           | 117.424.456.472           |
| - Cổ đông của Tổng Công ty  |           |             | 1.883.397.817.529         | 1.321.789.346.039         |
| <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                       | <b>80</b> | <b>30</b>   | <b>7.533</b>              | <b>5.621</b>              |



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 125 đến trang 162 là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | 2013                     | 2012                       |
|--|-----------|--------------------------|----------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                          |           |                          |                            |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> | <b>2.291.100.524.340</b> | <b>1.697.324.769.428</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>   |           |                          |                            |
| Khấu hao tài sản cố định   | 02        | 1.103.264.409.330        | 1.022.587.921.292          |
| Các khoản dự phòng   | 03        | (42.071.290.025)         | 55.186.535.296             |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                                  | 04        | 25.780.070.790           | (2.253.027.244)            |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05        | (284.600.459.735)        | (86.911.203.368)           |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 222.995.412.065          | 301.836.314.284            |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</b> | <b>08</b> | <b>3.316.468.666.765</b> | <b>2.987.771.309.688</b>   |
| Biến động các khoản phải thu   | 09        | (907.067.932.635)        | (935.576.056.200)          |
| Biến động hàng tồn kho   | 10        | (246.781.696.260)        | 215.887.135.408            |
| Biến động các khoản phải trả   | 11        | 1.247.223.497.195        | 1.109.477.186.610          |
| Biến động chi phí trả trước  | 12        | 137.788.098.850          | (43.853.583.108)           |
| Tiền lãi vay đã trả  | 13        | (279.920.189.265)        | (280.354.210.944)          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 14        | (295.437.865.810)        | (222.129.953.504)          |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                     | 16        | (224.064.060.075)        | (140.748.563.308)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                       | <b>20</b> | <b>2.748.208.518.765</b> | <b>2.690.473.264.642</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                             |           |                          |                            |
| 1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                         | 21        | (235.892.502.555)        | (812.853.751.988)          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                        | 22        | 1.860.284.100            | 318.168.528                |
| 3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác                                     | 25        | (536.616.970.000)        | (164.608.440.350)          |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                             | 26        | 3.892.478.956            | 20.816.670.000             |
| 5. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia           | 27        | 178.590.099.825          | 74.222.764.940             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                           | <b>30</b> | <b>(588.166.609.674)</b> | <b>(882.104.588.870)</b>   |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                         |           |                          |                            |
| 1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông   | 31        | 1.463.919.696.000        | -                          |
| 2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành                                      | 32        | -                        | (1.524.783.752)            |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                    | 33        | 593.593.879.030          | 1.798.985.216.856          |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | (2.384.962.785.255)      | (2.892.883.107.288)        |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông                                    | 36        | (304.820.017.953)        | (313.867.691.796)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                        | <b>40</b> | <b>(632.269.228.178)</b> | <b>(1.409.290.365.980)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm</b>                       | <b>50</b> | <b>1.527.772.680.913</b> | <b>399.078.309.792</b>     |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                    | <b>60</b> | <b>1.067.748.648.852</b> | <b>668.192.690.536</b>     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ                             | 61        | 11.675.148.288           | 477.648.524                |
| Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền hạch toán                          | 62        | (9.579.523.165)          | -                          |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                   | <b>70</b> | <b>2.597.616.954.888</b> | <b>1.067.748.648.852</b>   |

Các thuyết minh từ trang 125 đến trang 162 là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 17.859.648.500 đồng (năm 2012: 59.775.316.307 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 59.775.316.307 đồng (năm 2012: 459.851.956.088 đồng) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm nay.

Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 102.056.680.485 đồng (năm 2012: 60.780.436.224 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 60.780.436.224 đồng (năm 2012: 75.016.540.848 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 14.483.628.530 đồng là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (năm 2012: 1.369.024.440 đồng). Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi và cho vay trong năm đã bao gồm 1.369.024.440 đồng (năm 2012: 1.588.155.828 đồng) là số lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong năm nay.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 7.571.645.190 đồng là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán cản trừ công nợ nội bộ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 5.569.680.684 đồng (năm 2012: 5.287.333.596 đồng) là số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm đã bao gồm 5.287.333.596 đồng (năm 2012: 163.653.136) là số cổ tức của năm trước đã trả trong năm nay.

Tiền nhận vốn góp của cổ đông không bao gồm số tiền 250.204.800.000 đồng là cổ tức năm 2012 đã trả cho cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu trong năm. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được không bao gồm số tiền 515.291.662.597 đồng là nợ vay dài hạn với Ngân hàng Standard Chartered mà Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD nhận chuyển giao từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam bằng hình thức cản trừ công nợ phải trả.



|   |   |   |  |
|---|---|---|--|
| <b>Phạm Tiến Dũng</b><br><b>Tổng Giám đốc</b> | <b>Hồ Ngọc Yến Phương</b><br><b>Phó Tổng Giám đốc</b> | <b>Đoàn Đắc Tùng</b><br><b>Kế toán trưởng</b> | <b>Trần Kim Hoàng</b><br><b>Người lập biểu</b> |
|---|---|---|--|

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty Mẹ, sáu công ty con và bảy công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty Mẹ

Công ty Mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là “Petro Việt Nam”).

Công ty Mẹ có hai Xí nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 05 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 03 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 05 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 03 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

#### Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 09 năm 2009 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 08 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vicom Center, Số 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 08 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 07 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 07 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

#### Các công ty con (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là “PVD DeepWater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 07 năm 2010 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD DeepWater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD DeepWater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OceanBank”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa chìm nửa nổi (“TAD” hay “PV Drilling V”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của BCC - dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 15.

#### Các công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ - PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 09 năm 2006 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là “PVD - Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD - Baker Hugues đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailling Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên doanh PV Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 04 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào liên doanh này với số tiền là 19.182.000 đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 10 Anson Road #22-14 International Plaza Singapore 079903.

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, sau đây gọi tắt là “PVD - Expro”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 04 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD - Expro là 4 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD - Expro đặt tại Số 65A 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cản ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 3,5 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Tech nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

#### Các công ty liên doanh (tiếp theo)

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries (sau đây gọi tắt là “PVD - OSI”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng (tương đương 5 triệu đô la Mỹ). PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVD - OSI. Hoạt động kinh doanh chính của PVD - OSI là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống và cấu kiện phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty TNHH Vietubes (“Vietubes”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ là 77.297.205.000 đồng (tương đương 3.707.300 đô la Mỹ), PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Vietubes. Hoạt động kinh doanh chính của Vietubes là gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại, sản xuất các loại phụ kiện cơ khí phục vụ cho ngành khoan thăm dò, khai thác dầu khí và cơ khí hàng hải, ren, gia công, sửa chữa, phục hồi các loại ống chống, cần khoan, ống khai thác, ống dẫn và các phụ kiện ngành công nghiệp Dầu khí.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Đô la Mỹ (“USD”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam (“VNĐ”) theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ USD sang VNĐ đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 21.036 VNĐ/USD (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.828 VNĐ/USD). Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong năm là 20.935 VNĐ/USD (năm 2012: 20.828 VNĐ/USD) và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (tiếp theo)

#### Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 06 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 07 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                            | Số năm |
|----------------------------|--------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 6 - 50 |
| Máy móc và thiết bị        | 5 - 20 |
| Thiết bị văn phòng         | 3 - 4  |
| Phương tiện vận tải        | 7      |
| Tài sản khác               | 3 - 7  |

#### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tổng Công ty là bên cho thuê:* Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

*Tổng Công ty là bên đi thuê:* Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại tại Thông tư 89.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

#### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại thời điểm báo cáo. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật đảm bảo hoạt động của các giàn khoan phải được sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm một lần.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Ngoại tệ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                            | 31/12/2013<br>VNĐ        | 31/12/2012<br>VNĐ        |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt                   | 4.368.525.084            | 2.640.990.400            |
| Tiền gửi ngân hàng         | 933.294.367.093          | 720.893.508.172          |
| Các khoản tương đương tiền | 1.659.954.062.711        | 344.214.150.280          |
|                            | <b>2.597.616.954.888</b> | <b>1.067.748.648.852</b> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

### 6. HÀNG TỒN KHO

|                                      | 31/12/2013<br>VNĐ        | 31/12/2012<br>VNĐ      |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Hàng mua đang đi đường               | 94.663.724.952           | 5.990.757.640          |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 574.812.149.904          | 497.600.644.116        |
| Công cụ, dụng cụ                     | 2.101.349.148            | 641.065.012            |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 15.856.873.692           | 13.506.312.332         |
| Hàng hoá                             | 328.745.096.568          | 225.374.497.688        |
| Hàng gửi đi bán                      | 28.559.546.436           | 45.774.903.624         |
|                                      | <b>1.044.738.740.700</b> | <b>788.888.180.412</b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | (1.029.585.984)          | (1.055.625.524)        |
|                                      | <b>1.043.709.154.716</b> | <b>787.832.554.888</b> |

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                               | Nhà xưởng, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị  | Thiết bị văn phòng | Phương tiện vận tải | Tài sản khác  | Tổng               |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|---------------|--------------------|
|                               | VND                      | VND                | VND                | VND                 | VND           | VND                |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                          |                    |                    |                     |               |                    |
| Tại ngày 01/01/2013           | 315.528.183.268          | 15.687.911.907.832 | 66.432.780.520     | 71.018.543.764      | 1.211.169.028 | 16.142.102.584.412 |
| Tăng trong năm                | 12.449.667.670           | 134.099.686.810    | 7.763.053.895      | 16.580.520          | -             | 154.328.988.895    |
| XDCB hoàn thành               | 6.538.628.550            | 113.033.717.450    | 175.833.065        | 2.606.365.630       | -             | 122.354.544.695    |
| Phân loại lại                 | (528.922.775)            | (8.611.591.315)    | (23.641.560.540)   | (116.880.105)       | (78.883.080)  | (32.977.837.815)   |
| Thanh lý                      | -                        | (3.212.057.050)    | (3.443.284.125)    | (426.110.990)       | -             | (7.081.452.165)    |
| Giảm khác                     | (36.992.145)             | -                  | (517.471.330)      | -                   | -             | (554.463.475)      |
| Chênh lệch tỷ giá             | 1.972.288.668            | 102.015.000.577    | 358.272.467        | 499.838.841         | 11.336.192    | 104.856.736.745    |
| Tại ngày 31/12/2013           | 335.922.853.236          | 16.025.236.664.304 | 47.127.623.952     | 73.598.337.660      | 1.143.622.140 | 16.483.029.101.292 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                          |                    |                    |                     |               |                    |
| Tại ngày 01/01/2013           | 71.582.503.520           | 2.927.424.366.628  | 41.717.046.868     | 45.973.561.088      | 421.017.192   | 3.087.118.495.296  |
| Khấu hao trong năm            | 16.592.306.405           | 1.052.901.372.920  | 13.199.852.460     | 7.294.193.635       | 258.275.095   | 1.090.246.000.515  |
| Phân loại lại                 | (323.969.125)            | (6.194.582.760)    | (17.647.346.665)   | (27.445.785)        | (71.953.595)  | (24.265.297.930)   |
| Thanh lý                      | -                        | (2.430.071.995)    | (3.443.284.125)    | (426.110.990)       | -             | (6.299.467.110)    |
| Giảm khác                     | (36.992.145)             | -                  | (517.471.330)      | -                   | -             | (554.463.475)      |
| Chênh lệch tỷ giá             | 17.614.893               | 22.506.470.167     | 249.702.196        | 361.865.012         | 4.724.764     | 23.140.377.032     |
| Tại ngày 31/12/2013           | 87.831.463.548           | 3.994.207.554.960  | 33.558.499.404     | 53.176.062.960      | 612.063.456   | 4.169.385.644.328  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                          |                    |                    |                     |               |                    |
| Tại ngày 31/12/2013           | 248.091.389.688          | 12.031.029.109.344 | 13.569.124.548     | 20.422.274.700      | 531.558.684   | 12.313.643.456.964 |
| Tại ngày 31/12/2012           | 243.945.679.748          | 12.760.487.541.204 | 24.715.733.652     | 25.044.982.676      | 790.151.836   | 13.054.984.089.116 |

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng đồng Việt Nam và dinar Algeria sang đô la Mỹ.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã sử dụng một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 10.309.338.706.538 đồng (2012: 11.026.021.178.292 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 188.747.655.672 đồng (2012: 133.268.312.076 đồng).

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại một số tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45.

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                               | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Khác           | Tổng            |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|-----------------|
|                               | VND               | VND               | VND            | VND             |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                   |                   |                |                 |
| Tại ngày 01/01/2013           | 127.507.308.104   | 31.138.318.216    | 33.382.618.528 | 192.028.244.848 |
| Tăng trong năm                | -                 | 687.672.880       | -              | 687.672.880     |
| Đầu tư xây dựng cơ bản        | -                 | 18.070.798.910    | -              | 18.070.798.910  |
| Chênh lệch tỷ giá             | 1.273.358.944     | 385.687.010       | 333.377.408    | 1.992.423.362   |
| Tại ngày 31/12/2013           | 128.780.667.048   | 50.282.477.016    | 33.715.995.936 | 212.779.140.000 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                   |                   |                |                 |
| Tại ngày 01/01/2013           | 10.215.509.160    | 22.251.572.972    | 15.626.498.592 | 48.093.580.724  |
| Khấu hao trong năm            | 2.207.993.515     | 4.953.597.830     | 5.856.817.470  | 13.018.408.815  |
| Chênh lệch tỷ giá             | 112.670.129       | 237.847.862       | 184.310.874    | 534.828.865     |
| Tại ngày 31/12/2013           | 12.536.172.804    | 27.443.018.664    | 21.667.626.936 | 61.646.818.404  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                   |                   |                |                 |
| Tại ngày 31/12/2013           | 116.244.494.244   | 22.839.458.352    | 12.048.369.000 | 151.132.321.596 |
| Tại ngày 31/12/2012           | 117.291.798.944   | 8.886.745.244     | 17.756.119.936 | 143.934.664.124 |

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

|  | 31/12/2013            | 31/12/2012             |
|--|-----------------------|------------------------|
|  | VND                   | VND                    |
| Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2     | -                     | 9.542.889.728          |
| Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự | 171.990.336           | 5.530.188.076          |
| Mua thiết bị khoan                     | -                     | 94.606.961.916         |
| Các công trình xây dựng cơ bản khác    | 17.476.014.612        | 9.045.558.744          |
|  | <b>17.648.004.948</b> | <b>118.725.598.464</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

| Tên công ty liên doanh | Vốn điều lệ đăng ký USD | Tỷ lệ sở hữu % | Vốn đã góp      |                |
|------------------------|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|
|                        |                         |                | 31/12/2013 VNĐ  | 31/12/2012 VNĐ |
| BJ - PVD               | 5.000.000               | 49             | 48.039.113.955  | 48.039.113.955 |
| PVD - Expro            | 4.000.000               | 51             | 34.238.560.029  | 34.238.560.029 |
| PVD Tubulars           | 3.500.000               | 51             | 30.548.750.000  | 30.548.750.000 |
| PVD - Baker Hughes     | 20.000.000              | 51             | 211.753.000.000 | 81.956.000.000 |
| Vietubes               | 3.707.300               | 51             | 86.637.631.068  | 90.530.110.024 |
| PVD Overseas           | 70.000.000              | 55             | 401.575.170.000 | -              |
| PVD - OSI              | 5.000.000               | 51             | 53.111.400.000  | 53.111.400.000 |

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

|                    | 31/12/2013 VNĐ         | 31/12/2012 VNĐ         |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| BJ - PVD           | 70.989.600.192         | 92.788.989.936         |
| PVD - Expro        | 65.118.515.700         | 49.815.702.248         |
| PVD Tubulars       | 37.549.260.000         | 51.048.157.492         |
| PVD - Baker Hughes | 214.567.200.000        | 83.312.000.000         |
| Vietubes           | 94.373.217.792         | 99.738.793.664         |
| PVD Overseas       | 403.512.552.000        | -                      |
| PVD - OSI          | 55.554.834.876         | 48.368.760.260         |
|                    | <b>941.665.180.560</b> | <b>425.072.403.600</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

### 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH (tiếp theo)

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

|                      | Tại ngày 31/12/2012 VNĐ |                        | Vốn góp VNĐ            |                        | Lợi nhuận trước giai đoạn đầu tư VNĐ |                      | Lợi nhuận trong công ty liên doanh VNĐ |                  | Lợi nhuận đã công bố VNĐ |                | Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo VNĐ |  | Tại ngày 31/12/2013 VNĐ |
|----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------------|----------------------|--|------------------|--------------------------|----------------|---|--|-------------------------|
|                      | BJ - PVD                | 92.788.989.936         | -                      | -                      | -                                    | -                    | 19.718.864.915                         | (42.540.029.964) | 1.021.775.305            | 70.989.600.192 |   |  |                         |
| PVD - Expro          | 49.815.702.248          | -                      | -                      | -                      | 22.450.128.755                       | (7.571.645.190)      | 424.329.887                            | 65.118.515.700   |                          |                |   |  |                         |
| PVD Tubulars         | 51.048.157.492          | -                      | -                      | -                      | 7.761.253.485                        | (21.631.465.580)     | 371.314.603                            | 37.549.260.000   |                          |                |   |  |                         |
| PVD - Baker Hughes   | 83.312.000.000          | 130.727.000.000        | -                      | 160.876.117.055        | (161.652.256.908)                    | 1.304.339.853        | 214.567.200.000                        |                  |                          |                |   |  |                         |
| Vietubes             | 99.738.793.664          | -                      | (3.892.478.956)        | 4.384.207.700          | (6.735.019.785)                      | 877.715.169          | 94.373.217.792                         |                  |                          |                |   |  |                         |
| PV Drilling Overseas | -                       | 405.889.970.000        | -                      | -                      | -                                    | (2.377.418.000)      | 403.512.552.000                        |                  |                          |                |   |  |                         |
| PVD - OSI            | 48.368.760.260          | -                      | -                      | 6.655.718.005          | -                                    | 530.356.611          | 55.554.834.876                         |                  |                          |                |   |  |                         |
|                      | <b>425.072.403.600</b>  | <b>536.616.970.000</b> | <b>(3.892.478.956)</b> | <b>221.846.289.915</b> | <b>(240.130.417.427)</b>             | <b>2.152.413.428</b> | <b>941.665.180.560</b>                 |                  |                          |                |   |  |                         |

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD - Baker Hughes cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh, phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong Công ty liên doanh vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes trong năm 2013 như sau:

|   | 31/12/2013<br>VNĐ      | 31/12/2012<br>VNĐ      |
|---|------------------------|------------------------|
| Khoản vốn góp vào liên doanh                                      | 111.497.040.350        | 111.497.040.350        |
| Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư                    | (24.709.148.956)       | (20.816.670.000)       |
| Chênh lệch tỷ giá   | (150.260.326)          | (150.260.326)          |
| <b>Giá trị thuần của khoản đầu tư</b>                             | <b>86.637.631.068</b>  | <b>90.530.110.024</b>  |
| <i>Trong đó: Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại liên doanh</i> | <i>60.968.349.920</i>  | <i>64.860.828.876</i>  |
| <i>Lợi thế thương mại</i>   | <i>25.669.281.148</i>  | <i>25.669.281.148</i>  |
| <b>Lợi nhuận được chia</b>  | <b>7.735.586.724</b>   | <b>9.208.683.640</b>   |
| <i>Trong đó: Lợi nhuận được chia đầu năm</i>                      | <i>9.208.683.640</i>   | <i>-</i>               |
| <i>Lợi nhuận được chia trong năm</i>                              | <i>6.964.320.840</i>   | <i>11.133.878.164</i>  |
| <i>Lợi nhuận đã nhận trong năm</i>                                | <i>(6.735.019.785)</i> | <i>-</i>               |
| <i>Phân bổ lợi thế thương mại trong năm</i>                       | <i>(2.580.113.140)</i> | <i>(1.925.194.524)</i> |
| <i>Chênh lệch tỷ giá</i>  | <i>877.715.169</i>     | <i>-</i>               |
| <b>Giá trị khoản đầu tư cuối năm</b>                              | <b>94.373.217.792</b>  | <b>99.738.793.664</b>  |

### 11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MBBank") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OceanBank") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ("giàn khoan TAD hay giàn khoan PV Drilling V") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, PVD Deepwater, công ty con của Tổng Công ty, được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

|                                  | Tỷ lệ<br>% |
|----------------------------------|------------|
| Phần vốn góp của Petro Việt Nam: | 23,00      |
| Phần vốn góp của Tổng Công ty:   | 62,43      |
| Phần vốn góp của MBBank:         | 9,71       |
| Phần vốn góp của OceanBank:      | 4,86       |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC (tiếp theo)

Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận Phải trả dài hạn khác:

|   | 31/12/2013<br>VNĐ      | 31/12/2012<br>VNĐ        |
|---|------------------------|--------------------------|
| - PVN   | 278.173.894.859        | 947.088.004.220          |
| - MBBank  | 133.229.238.748        | 133.229.238.748          |
| - OceanBank   | 68.756.768.760         | 68.756.768.760           |
| - Khác  | -                      | 2.465.327.048            |
| - Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | 42.886.648.377         | -                        |
|   | <b>523.046.550.744</b> | <b>1.151.539.338.776</b> |

Trong năm, Petro Việt Nam đã chuyển phần vốn góp vào BCC bằng khoản vay từ Ngân hàng Standard Chartered cho PVD DeepWater nhận nợ theo cam kết tại hợp đồng BCC, do đó số vốn góp của Petro Việt Nam vào BCC đã giảm đi tương ứng.

Tình hình tài chính của BCC được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

|   | 31/12/2013<br>VNĐ        | 31/12/2012<br>VNĐ        |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng tài sản  | 4.293.963.498.959        | 4.726.332.468.471        |
| <i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V</i> | <i>3.514.306.725.494</i> | <i>3.847.035.128.206</i> |

|   | 2013<br>VNĐ           | 2012<br>VNĐ           |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu   | 1.603.529.962.832     | 1.361.755.376.236     |
| Giá vốn   | 910.435.010.632       | 788.209.839.218       |
| Chi phí quản lý                                     | 247.692.312.663       | 195.009.542.985       |
| Chi phí tài chính                                   | 144.934.005.298       | 164.763.873.916       |
| Doanh thu tài chính                                 | 4.546.563.976         | 2.820.587.568         |
| Doanh thu khác                                      | (54.658.162.962)      | 79.854.706.203        |
| Lợi nhuận thuần                                     | 250.357.035.253       | 296.447.413.888       |
| Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC    | 18.187.940.649        | 16.101.046.246        |
| Lợi nhuận phân phối cho BCC                         | 268.544.975.902       | 312.548.460.134       |
| <i>Phân chia lợi nhuận thuần theo tỷ lệ vốn góp</i> |                       |                       |
| Tổng Công ty  | 149.464.687.807       | 179.022.957.416       |
| Các bên BCC:  | 100.892.347.446       | 117.424.456.472       |
| <i>Petro Việt Nam</i>                               | <i>61.765.344.457</i> | <i>71.886.145.831</i> |
| <i>MBBank</i>                                       | <i>26.075.717.160</i> | <i>30.348.455.479</i> |
| <i>OceanBank</i>                                    | <i>13.051.285.829</i> | <i>15.189.855.162</i> |

Trong năm, Tổng Công ty đã công bố và chi trả lợi nhuận năm 2012 cho các bên với số tiền là 54.286.140.698 đồng tương đương 2.593.081 đô la Mỹ. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của BCC chưa được phê duyệt bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

|  | 31/12/2013<br>VNĐ     | 31/12/2012<br>VNĐ     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí | 20.000.000.000        | 20.000.000.000        |
| Chứng chỉ quỹ, tiền gửi                          | 10.000.000.000        | 10.000.000.000        |
| Chênh lệch tỷ giá                                | 3.429.317.328         | 3.224.575.664         |
|  | <b>33.429.317.328</b> | <b>33.224.575.664</b> |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn       | (17.650.192.692)      | -                     |
|  | <b>15.779.124.636</b> | <b>33.224.575.664</b> |

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

Trong năm Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí với mức trích lập dự phòng là phần chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thị trường của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

|  | 31/12/2013<br>VNĐ     | 31/12/2012<br>VNĐ      |
|--|-----------------------|------------------------|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản           | 28.088.297.964        | 58.149.380.780         |
| Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III | 2.625.944.916         | 12.407.614.504         |
| Chi phí sửa chữa cho giàn PV Drilling I                  | -                     | 3.768.014.308          |
| Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn                           | -                     | 93.206.216.432         |
| Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V         | 17.377.124.376        | 27.507.289.664         |
| Chi phí trả trước dài hạn khác                           | 19.481.502.708        | 8.431.736.756          |
|  | <b>67.572.869.964</b> | <b>203.470.252.444</b> |

### 14. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước:

|   | Chi phí phải trả<br>và các khoản<br>dự phòng khác<br>VNĐ | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái<br>chưa thực hiện<br>VNĐ | Tổng<br>VNĐ          |
|---|--|--|----------------------|
| Tại ngày 01/01/2012                       | 4.711.460.224  | (1.003.680.492)  | 3.707.779.732        |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | 119.177.816  | 2.681.709.140  | 2.800.886.956        |
| Tại ngày 31/12/2012                       | 4.830.638.040  | 1.678.028.648  | 6.508.666.688        |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | (6.214.931.580)  | (410.954.050)  | (6.625.885.630)      |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo   | (1.221.564)  | 15.300.998   | 14.079.434           |
| <b>Tại ngày 31/12/2013</b>                | <b>(1.385.515.104)</b>                                   | <b>1.282.375.596</b>                                   | <b>(103.139.508)</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Tên công ty con | 31/12/2013   |                     | 31/12/2012   |                     | Giá trị khoản đầu tư     |                        | Giá trị khoản đầu tư   |                        |
|-----------------|--------------|---------------------|--------------|---------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                 | Tỷ lệ sở hữu | Vốn điều lệ đăng ký | Tỷ lệ sở hữu | Vốn điều lệ đăng ký | VND                      | VND                    | VND                    | VND                    |
| PVD Offshore    | 100          | 80.000.000.000      | 100          | 80.000.000.000      | 80.000.000.000           | 80.000.000.000         | 80.000.000.000         | 80.000.000.000         |
| PVD Well        | 100          | 80.000.000.000      | 100          | 80.000.000.000      | 80.000.000.000           | 50.000.000.000         | 50.000.000.000         | 50.000.000.000         |
| PVD Logging     | 100          | 80.000.000.000      | 100          | 80.000.000.000      | 80.000.000.000           | 50.000.000.000         | 50.000.000.000         | 80.000.000.000         |
| PVD Tech        | 100          | 200.000.000.000     | 100          | 200.000.000.000     | 200.000.000.000          | 200.000.000.000        | 200.000.000.000        | 200.000.000.000        |
| PVD Training    | 52           | 28.958.670.000      | 52           | 28.958.670.000      | 19.755.753.400           | 14.996.960.000         | 14.996.960.000         | 19.755.753.400         |
| PVD DeepWater   | 100          | 764.000.000.000     | 100          | 764.000.000.000     | 764.000.000.000          | 100.000.000.000        | 100.000.000.000        | 100.000.000.000        |
|                 |              |                     |              |                     | <b>1.223.755.753.400</b> | <b>529.755.753.400</b> | <b>529.755.753.400</b> | <b>529.755.753.400</b> |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035123077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2012 vốn điều lệ đăng ký của PVD Well là 80.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty Mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 1.438.091 đô la Mỹ tương đương với 30.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2013 vốn điều lệ đăng ký của PVD DeepWater là 764.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty Mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD DeepWater với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 34.892.244 đô la Mỹ tương đương với 664.000.000.000 đồng bằng hình thức cần trừ công nợ nội bộ.

Vào ngày 12 tháng 08 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 4.285.636.640 đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

|   | Lợi thế thương mại<br>VNĐ |
|---|---------------------------|
| Giá trị lợi thế thương mại tại thời điểm đầu tư   | 4.285.636.640             |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | 739.316.824               |
| Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 31/12/2013    | 5.024.953.464             |
| <b>GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ</b>                     |                           |
| Tại ngày 01/01/2013                               | 2.985.152.272             |
| Phân bổ trong năm                                 | 500.095.280               |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | 32.224.080                |
| Tại ngày 31/12/2013                               | 3.517.471.632             |
| <b>GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI</b>         |                           |
| <b>Tại ngày 31/12/2013</b>                        | <b>1.507.481.832</b>      |
| <b>Tại ngày 31/12/2012</b>                        | <b>1.990.115.400</b>      |

### 16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

|   | 31/12/2013<br>VNĐ        | 31/12/2012<br>VNĐ        |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn                                | 118.165.060.008          | 402.959.836.700          |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21) | 1.711.302.875.544        | 1.537.812.969.072        |
|   | <b>1.829.467.935.552</b> | <b>1.940.772.805.772</b> |

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

|   | 31/12/2013<br>VNĐ      | 31/12/2012<br>VNĐ      |
|---|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng HSBC Việt Nam                 | 75.521.743.284         | 172.124.424.864        |
| Ngân hàng Vietcombank                   | 42.442.528.104         | 230.835.411.836        |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo | 200.788.620            | -                      |
|   | <b>118.165.060.008</b> | <b>402.959.836.700</b> |

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

| Ngân hàng    | Công ty      | Hạn mức tín dụng | Đơn vị tiền tệ |
|--------------|--------------|------------------|----------------|
| HSBC Vietnam | PVD Tech     | 2.000.000        | USD            |
| HSBC Vietnam | PVD Logging  | 2.000.000        | USD            |
| Vietcombank  | PVD Offshore | 70.000.000.000   | VNĐ            |
| Vietcombank  | PVD Tech     | 60.000.000.000   | VNĐ            |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

### 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

MẪU B 09-DN/HN

|  | 01/01/2013<br>VNĐ      | Số phải nộp<br>VNĐ       | Số đã nộp<br>VNĐ         | Chênh lệch tỷ<br>giá do chuyển<br>đổi báo cáo<br>VNĐ | 31/12/2013<br>VNĐ      |
|--|------------------------|--------------------------|--------------------------|--|------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng                    | 114.947.274.296        | 981.132.508.360          | 882.891.561.825          | 1.233.788.697  | 214.422.009.528        |
| Thuế xuất nhập khẩu                      | 3.687.180.840          | 43.746.948.360           | 47.434.137.164           | 7.964  | -                      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp               | 72.674.078.172         | 291.309.373.575          | 295.437.865.810          | 368.749.747  | 68.914.335.684         |
| Thuế thu nhập cá nhân                    | 24.949.819.544         | 551.547.355.110          | 524.347.510.148          | 303.496.314  | 52.453.160.820         |
| Thuế môn bài                             | -                      | 23.007.565               | 23.000.000               | (7.565)  | -                      |
| Các loại thuế khác                       | 46.906.030.648         | 538.878.393.315          | 541.702.052.952          | 349.131.929  | 44.431.502.940         |
|  | <b>263.164.383.500</b> | <b>2.406.637.586.285</b> | <b>2.291.836.127.899</b> | <b>2.255.167.086</b>                                 | <b>380.221.008.972</b> |
| Trong đó:                                |                        |                          |                          |  |                        |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước |                        |                          |                          |  | (398.421.840)          |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước      |                        |                          |                          |  | 380.619.430.812        |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

|  | 31/12/2013               | 31/12/2012             |
|--|--------------------------|------------------------|
|  | VNĐ                      | VNĐ                    |
| Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan | 976.915.331.976          | 443.259.059.124        |
| Trích trước chi phí lãi vay                                | 40.264.734.132           | 96.500.435.396         |
| Lương hiệu quả   | 6.016.506.360            | -                      |
| Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định           | 208.848.542.364          | -                      |
| Phí quản lý Petro Việt Nam                                 | 18.812.179.260           | 14.468.336.824         |
| Các khoản khác   | 303.050.884.728          | 214.628.353.572        |
|  | <b>1.553.908.178.820</b> | <b>768.856.184.916</b> |

### 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

|  | 31/12/2013             | 31/12/2012             |
|--|------------------------|------------------------|
|  | VNĐ                    | VNĐ                    |
| Cổ tức phải trả  | 5.569.680.684          | 5.287.333.596          |
| Lợi nhuận phải trả các bên BCC   | 158.851.229.364        | 131.450.027.676        |
| Phải trả Petro Việt Nam - nợ vay với Ngân hàng Standard Chartered đã thanh toán hộ cho PVD DeepWater theo hợp đồng BCC | 101.016.533.844        | -                      |
| Các khoản phải trả khác  | 47.220.603.072         | 13.133.449.476         |
|  | <b>312.658.046.964</b> | <b>149.870.810.748</b> |

### 20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt theo quyết định của Tổng Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 21 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

|   | 31/12/2013               | 31/12/2012               |
|---|--------------------------|--------------------------|
|   | VNĐ                      | VNĐ                      |
| Các khoản vay dài hạn                       | 5.494.783.520.592        | 6.405.716.529.156        |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16) | (1.711.302.875.544)      | (1.537.812.969.072)      |
|   | <b>3.783.480.645.048</b> | <b>4.867.903.560.084</b> |

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

|  | 31/12/2013               | 31/12/2012               |
|--|--------------------------|--------------------------|
|  | VNĐ                      | VNĐ                      |
| Ngân hàng Vietcombank  | 588.139.134.542          | 800.560.149.365          |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank", trước đây là "PVFC") | -                        | 29.053.497.900           |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")                                   | 2.216.947.794.972        | 2.674.071.033.356        |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")                             | 604.785.000.000          | 1.077.849.000.000        |
| MB và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")             | 984.365.462.772          | 1.124.575.652.190        |
| MBBank và OceanBank  | 350.070.542.436          | 399.683.996.345          |
| Ngân hàng Standard Chartered ("SC")  | 747.626.451.930          | 299.923.200.000          |
| Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo   | 2.849.133.941            | -                        |
|  | <b>5.494.783.520.592</b> | <b>6.405.716.529.156</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 21 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

| Ngân hàng            | Mục đích tài trợ xây dựng   | Lãi suất %                | Hình thức đảm bảo  | Dư nợ 31/12/2013 | Đơn vị tiền tệ |
|----------------------|---|---------------------------|--|------------------|----------------|
| Vietcombank          | Giàn PVDrilling I   | SIBOR 6 tháng + biên      | PVN bảo lãnh   | 10.248.102       | USD            |
| BIDV đồng tài trợ    | Giàn PVDrilling II  | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Giàn PV Drilling II  | 93.588.277       | USD            |
| BIDV                 | Giàn PVDrilling III   | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Không có   | 11.800.000       | USD            |
| HSBC đồng tài trợ    | Giàn PVDrilling III   | LIBOR 3 tháng + biên      | PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III   | 28.750.000       | USD            |
| MBBank và Vietinbank | Giàn PVDrilling V   | SIBOR 6 tháng + biên      | Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC         | 46.794.327       | USD            |
| SC                   | Giàn PVDrilling V   | LIBOR 6 tháng + biên      | Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC         | 10.800.000       | USD            |
| MBBank và OceanBank  | Giàn PVDrilling V   | LIBOR 6 tháng + biên      | Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC | 16.641.498       | USD            |
| Vietcombank          | Giàn PVDrilling V   | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC | 13.407.080       | USD            |
| SC                   | Giàn PVDrilling V   | LIBOR 6 tháng + biên      | Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC         | 24.740.333       | USD            |
| Vietcombank          | Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại khu công nghiệp Đông Xuyên | Tiết kiệm 5 năm + 2%      | Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.   | 2.557.350.298    | VND            |
| Vietcombank          | Mua sắm máy móc thiết bị  | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Tài sản hình thành từ dự án  | 17.361.359.542   | VND            |
| Vietcombank          | Mua sắm máy móc thiết bị  | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Tài sản hình thành từ dự án  | 1.149.984        | USD            |
| Vietcombank          | Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống                           | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Tài sản hình thành từ dự án  | 2.206.644        | USD            |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 21 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|  | 31/12/2013<br>VND        | 31/12/2012<br>VND        |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Trong vòng một năm   | 1.711.302.875.544        | 1.537.812.969.072        |
| Trong năm thứ hai  | 1.141.943.951.028        | 1.513.091.729.068        |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm  | 2.148.075.804.756        | 2.254.325.496.706        |
| Sau năm năm  | 493.460.889.264          | 1.100.486.334.310        |
|  | <b>5.494.783.520.592</b> | <b>6.405.716.529.156</b> |
| Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | (1.711.302.875.544)      | (1.537.812.969.072)      |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>  | <b>3.783.480.645.048</b> | <b>4.867.903.560.084</b> |

### 22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

|                       | 2013<br>VND            | 2012<br>VND            |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm         | 325.704.431.648        | 145.390.707.948        |
| Số quỹ được trích lập | 224.625.921.217        | 180.724.056.128        |
| Số quỹ đã sử dụng     | (311.682.819)          | (412.172.659)          |
| Chênh lệch tỷ giá     | 1.957.807.986          | 1.840.231              |
| <b>Số dư cuối năm</b> | <b>551.976.478.032</b> | <b>325.704.431.648</b> |

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.755.286.950.000 đồng.

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

|   | 2013                 |                          | 2012                 |                          |
|---|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
|   | Số lượng<br>cổ phiếu | VND                      | Số lượng<br>cổ phiếu | VND                      |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>                         | <b>275.528.695</b>   | <b>2.755.286.950.000</b> | <b>210.508.215</b>   | <b>2.105.082.150.000</b> |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>                       |                      |                          |                      |                          |
| Cổ phiếu phổ thông                                    | 235.528.695          | 2.355.286.950.000        | 210.508.215          | 2.105.082.150.000        |
| Cổ phiếu bị hạn chế quyền<br>chuyển giao quyền sở hữu | 40.000.000           | 400.000.000.000          | -                    | -                        |
|   | <b>275.528.695</b>   | <b>2.755.286.950.000</b> | <b>210.508.215</b>   | <b>2.105.082.150.000</b> |
| <b>Cổ phiếu quỹ</b>                                   |                      |                          |                      |                          |
| Cổ phiếu phổ thông                                    | (270.580)            | (2.705.800.000)          | (348.480)            | (3.484.800.000)          |
|   | <b>(270.580)</b>     | <b>(2.705.800.000)</b>   | <b>(348.480)</b>     | <b>(3.484.800.000)</b>   |
| <b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>                 |                      |                          |                      |                          |
| Cổ phiếu phổ thông                                    | 235.258.115          | 2.352.581.150.000        | 210.159.735          | 2.101.597.350.000        |
| Cổ phiếu bị hạn chế quyền<br>chuyển giao quyền sở hữu | 40.000.000           | 400.000.000.000          | -                    | -                        |
|   | <b>275.258.115</b>   | <b>2.752.581.150.000</b> | <b>210.159.735</b>   | <b>2.101.597.350.000</b> |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2013, trong năm Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược và 2 triệu cổ phần cho cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho số vốn điều lệ tăng thêm.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

MẪU B 09-DN/HN

|   | Vốn điều lệ              |                          | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Cổ phiếu quỹ            | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ dự phòng<br>tài chính | Lợi nhuận chưa<br>phân phối | Tổng                     |
|---|--------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------------|
|   | VND                      | VND                      |                         |                         |                               |                          |                           |                             |                          |
| Tại ngày 01/01/2012                       | 2.105.082.150.000        | 1.382.130.231.854        | -                       | (44.395.487.786)        | 742.857.627.650               | 424.631.464.467          | 209.854.853.452           | 1.381.996.414.271           | 6.202.157.253.908        |
| Cổ tức công bố                            | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | -                        | -                         | (315.239.602.500)           | (315.239.602.500)        |
| Mua cổ phiếu quỹ                          | -                        | -                        | -                       | (1.524.783.752)         | -                             | -                        | -                         | -                           | (1.524.783.752)          |
| Thưởng cổ phiếu quỹ                       | -                        | -                        | -                       | 30.512.410.588          | -                             | -                        | -                         | -                           | 30.512.410.588           |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                | -                        | -                        | -                       | -                       | (69.361.483.135)              | -                        | -                         | -                           | (69.361.483.135)         |
| Lợi nhuận trong năm                       | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | -                        | 52.480.103.320            | 1.447.522.797.608           | 1.447.522.797.608        |
| Phân phối quỹ                             | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | 129.838.211.240          | -                         | (363.694.412.056)           | (181.376.097.496)        |
| Phân phối cho Lợi ích cổ<br>đồng thiếu số | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | -                        | -                         | (8.308.995.097)             | (8.308.995.097)          |
| Phân phối cho các bên BCC                 | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | -                        | -                         | (112.245.028.748)           | (112.245.028.748)        |
| Tại ngày 31/12/2012                       | <b>2.105.082.150.000</b> | <b>1.382.130.231.854</b> | -                       | <b>(15.407.860.950)</b> | <b>673.496.144.515</b>        | <b>554.469.675.707</b>   | <b>262.334.956.772</b>    | <b>2.030.031.173.478</b>    | <b>6.992.136.471.376</b> |
| Cổ tức công bố                            | 250.204.800.000          | -                        | -                       | -                       | -                             | -                        | -                         | (500.442.435.000)           | (250.237.635.000)        |
| Vốn góp                                   | 400.000.000.000          | 1.063.919.696.000        | -                       | -                       | -                             | -                        | -                         | -                           | 1.463.919.696.000        |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                | -                        | -                        | -                       | -                       | 9.689.831.711                 | -                        | -                         | -                           | 9.689.831.711            |
| Lợi nhuận trong năm                       | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | -                        | 75.894.650.620            | 1.993.165.265.135           | 1.993.165.265.135        |
| Phân phối quỹ                             | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | 184.562.622.859          | -                         | (521.121.577.535)           | (260.664.304.056)        |
| Phân phối cho Lợi ích cổ<br>đồng thiếu số | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | -                        | -                         | (8.875.100.160)             | (8.875.100.160)          |
| Phân phối cho các bên BCC                 | -                        | -                        | -                       | -                       | -                             | -                        | -                         | (100.892.347.446)           | (100.892.347.446)        |
| Thưởng cổ phiếu quỹ                       | -                        | -                        | -                       | 3.444.307.759           | -                             | (3.444.307.759)          | -                         | -                           | -                        |
| Tại ngày 31/12/2013                       | <b>2.755.286.950.000</b> | <b>2.446.049.927.854</b> | -                       | <b>(11.963.553.191)</b> | <b>683.185.976.226</b>        | <b>735.587.990.807</b>   | <b>338.229.607.392</b>    | <b>2.891.864.978.472</b>    | <b>9.838.241.877.560</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2013 của Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 10% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền 250.237.635.000 đồng tương đương 11.837.164 đô la Mỹ. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 250.204.800.000 đồng tương đương 11.846.818 đô la Mỹ từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

|                       | CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) | CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con | CLTG phát sinh từ đánh giá lại các tài khoản ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối năm | Tổng số                |
|-----------------------|--|---|--|------------------------|
|                       | VND  | VND   | VND  | VND                    |
| Tại 01/01/2012        | 17.715.858.041   | 724.444.758.889   | 697.010.720  | 742.857.627.650        |
| Phát sinh trong năm   | (19.607.979.072)   | (49.056.493.343)  | (697.010.720)  | (69.361.483.135)       |
| Tại 31/12/2012        | (1.892.121.031)  | 675.388.265.546   | -  | 673.496.144.515        |
| Phát sinh trong năm   | (5.452.876.645)  | 15.142.708.356  | -  | 9.689.831.711          |
| <b>Tại 31/12/2013</b> | <b>(7.344.997.676)</b>   | <b>690.530.973.902</b>  | <b>-</b>   | <b>683.185.976.226</b> |

### 24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

|  | VND            |
|--|----------------|
| Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training) | 28.958.670.000 |
| Trong đó:                                  |                |
| Vốn phân bổ cho Tổng Công ty               | 14.996.960.000 |
| Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số           | 13.961.710.000 |
| <b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>  | <b>48,21%</b>  |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

|   | 31/12/2013            | 31/12/2012            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| Tổng tài sản                            | 190.751.077.396       | 87.740.656.599        |
| Tổng nợ phải trả                        | (129.429.348.743)     | (35.839.849.332)      |
| <b>Tài sản thuần</b>                    | <b>61.321.728.653</b> | <b>51.900.807.267</b> |
| <i>Chi tiết như sau:</i>                |                       |                       |
| Vốn điều lệ                             | 28.958.670.000        | 28.958.670.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                    | 312.482.400           | 312.482.400           |
| Các quỹ khác                            | 8.178.412.575         | 5.417.171.027         |
| Lợi nhuận chưa phân phối                | 23.872.163.678        | 17.212.483.840        |
| <b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>     | <b>29.564.751.696</b> | <b>25.007.929.664</b> |
| <i>Chi tiết như sau:</i>                |                       |                       |
| Vốn điều lệ                             | 13.961.710.000        | 13.961.710.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                    | 150.655.698           | 150.655.698           |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo | (10.149.041)          | (24.905.698)          |
| Các quỹ khác                            | 3.953.158.872         | 2.621.894.220         |
| Lợi nhuận chưa phân phối                | 11.509.376.167        | 8.298.575.444         |

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012:

|                                | 2013           | 2012           |
|--------------------------------|----------------|----------------|
|                                | VND            | VND            |
| Lợi nhuận trong năm            | 18.408.276.985 | 17.234.095.755 |
| Lợi nhuận của cổ đông thiểu số | 8.875.100.160  | 8.308.995.097  |

### 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan ("DV khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại ("Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác ("Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

#### Bảng cân đối kế toán

##### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

|                           | DV khoan<br>VNĐ    | Thương mại<br>VNĐ | Dịch vụ khác<br>VNĐ | Loại trừ<br>VNĐ     | Tổng cộng<br>VNĐ          |
|---------------------------|--------------------|-------------------|---------------------|---------------------|---------------------------|
| Tài sản                   |                    |                   |                     |                     |                           |
| Tài sản bộ phận           | 14.990.634.982.680 | 1.366.671.034.164 | 8.050.593.676.332   | (2.915.566.563.616) | 21.492.333.129.560        |
| Tài sản không phân bổ     | -                  | -                 | -                   | -                   | -                         |
| Tổng tài sản hợp nhất     |                    |                   |                     |                     | <b>21.492.333.129.560</b> |
| Nợ phải trả               |                    |                   |                     |                     |                           |
| Nợ phải trả bộ phận       | 14.033.113.454.328 | 1.072.144.967.400 | (1.889.643.369.900) | (1.591.088.551.524) | 11.624.526.500.304        |
| Nợ phải trả không phân bổ | -                  | -                 | -                   | -                   | -                         |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất |                    |                   |                     |                     | <b>11.624.526.500.304</b> |

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

##### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

|   | DV khoan<br>VNĐ   | Thương mại<br>VNĐ | Dịch vụ khác<br>VNĐ | Loại trừ<br>VNĐ     | Tổng cộng<br>VNĐ         |
|---|-------------------|-------------------|---------------------|---------------------|--------------------------|
| Doanh thu gộp                           | 9.561.718.606.855 | 1.136.919.033.825 | 5.344.999.636.750   | (1.176.957.598.155) | 14.866.679.679.275       |
| Doanh thu thuần                         | 9.561.718.606.855 | 1.136.919.033.825 | 5.344.999.636.750   | (1.176.957.598.155) | 14.866.679.679.275       |
| Giá vốn hàng bán                        | 7.163.681.432.595 | 1.066.955.603.665 | 4.191.420.425.250   | (888.657.777.375)   | 11.533.399.684.135       |
| Lợi nhuận gộp                           | 2.398.037.174.260 | 69.963.430.160    | 1.153.579.211.500   | (288.299.820.780)   | 3.333.279.995.140        |
| Doanh thu hoạt động tài chính           | 15.717.621.170    | 17.543.383.455    | 651.498.079.270     | (585.947.893.655)   | 98.811.190.240           |
| Chi phí tài chính                       | 260.648.454.080   | 9.071.051.760     | 83.352.220.995      | (6.591.552.230)     | 346.480.174.605          |
| Chi phí bán hàng                        | 13.582.251.170    | 480.709.470       | 31.056.025.750      | -                   | 45.118.986.390           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 515.714.255.450   | 42.635.237.055    | 675.208.557.830     | (287.799.767.370)   | 945.758.282.965          |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.623.809.834.730 | 35.319.815.330    | 1.015.460.486.195   | (579.856.394.835)   | 2.094.733.741.420        |
| Thu nhập khác                           | 11.168.613.150    | 2.464.824.095     | 49.662.865.335      | -                   | 63.296.302.580           |
| Chi phí khác                            | 67.722.757.110    | 1.989.536.790     | 19.063.515.675      | -                   | 88.775.809.575           |
| (Lỗ)/Lợi nhuận khác                     | (56.554.143.960)  | 475.287.305       | 30.599.349.660      | -                   | (25.479.506.995)         |
| Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh       | -                 | -                 | -                   | -                   | 221.846.289.915          |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế            | 1.567.255.690.770 | 35.795.102.635    | 1.046.059.835.855   | (579.856.394.835)   | 2.291.100.524.340        |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành             |                   |                   |                     |                     | 291.309.373.575          |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại              |                   |                   |                     |                     | 6.625.885.630            |
| Lợi nhuận sau thuế                      |                   |                   |                     |                     | <b>1.993.165.265.135</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)

#### Bảng cân đối kế toán

##### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

|                           | DV khoan<br>VNĐ    | Thương mại<br>VNĐ | Dịch vụ khác<br>VNĐ | Loại trừ<br>VNĐ      | Tổng cộng<br>VNĐ          |
|---------------------------|--------------------|-------------------|---------------------|----------------------|---------------------------|
| Tài sản                   |                    |                   |                     |                      |                           |
| Tài sản bộ phận           | 15.833.975.776.740 | 1.426.522.466.736 | 15.377.015.184.440  | (13.553.894.668.636) | 19.083.618.759.280        |
| Tài sản không phân bổ     | -                  | -                 | -                   | -                    | -                         |
| Tổng tài sản hợp nhất     |                    |                   |                     |                      | <b>19.083.618.759.280</b> |
| Nợ phải trả               |                    |                   |                     |                      |                           |
| Nợ phải trả bộ phận       | 15.591.251.659.192 | 1.180.511.649.132 | 8.229.139.467.520   | (12.934.428.417.604) | 12.066.474.358.240        |
| Nợ phải trả không phân bổ | -                  | -                 | -                   | -                    | -                         |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất |                    |                   |                     |                      | <b>12.066.474.358.240</b> |

#### Kết quả hoạt động kinh doanh

##### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

|   | DV khoan<br>VNĐ   | Thương mại<br>VNĐ | Dịch vụ khác<br>VNĐ | Loại trừ<br>VNĐ     | Tổng cộng<br>VNĐ         |
|---|-------------------|-------------------|---------------------|---------------------|--------------------------|
| Doanh thu gộp                           | 6.928.867.797.304 | 1.493.323.611.264 | 4.613.605.926.948   | (1.106.341.224.956) | 11.929.456.110.560       |
| Doanh thu thuần                         | 6.928.867.797.304 | 1.493.323.611.264 | 4.613.605.926.948   | (1.106.341.224.956) | 11.929.456.110.560       |
| Giá vốn hàng bán                        | 5.181.515.838.116 | 1.433.972.142.464 | 3.485.960.594.740   | (854.792.742.024)   | 9.246.655.833.296        |
| Lợi nhuận gộp                           | 1.747.351.959.188 | 59.351.468.800    | 1.127.645.332.208   | (251.548.482.932)   | 2.682.800.277.264        |
| Doanh thu hoạt động tài chính           | 14.156.666.632    | 16.942.411.632    | 373.632.721.364     | (350.510.892.068)   | 54.220.907.560           |
| Chi phí tài chính                       | 342.048.079.936   | 8.015.593.316     | 73.587.156.864      | (3.212.448.236)     | 420.438.381.880          |
| Chi phí bán hàng                        | 16.970.175.356    | 708.860.152       | 21.792.357.228      | (1.137.937.780)     | 38.333.454.956           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 383.746.839.820   | 46.486.575.556    | 571.538.211.252     | (249.913.026.716)   | 751.858.599.912          |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.018.743.530.708 | 21.082.851.408    | 834.360.328.228     | (347.795.962.268)   | 1.526.390.748.076        |
| Thu nhập khác                           | 136.269.939.296   | 2.281.811.540     | 35.556.436.888      | -                   | 174.108.187.724          |
| Chi phí khác                            | 49.443.235.124    | 1.139.437.396     | 13.371.930.076      | -                   | 63.954.602.596           |
| Lợi nhuận khác                          | 86.826.704.172    | 1.142.374.144     | 22.184.506.812      | -                   | 110.153.585.128          |
| Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh       | -                 | -                 | -                   | -                   | 60.780.436.224           |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế            | 1.105.570.234.880 | 22.225.225.552    | 856.544.835.040     | (347.795.962.268)   | 1.697.324.769.428        |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành             |                   |                   |                     |                     | 252.602.858.776          |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại             |                   |                   |                     |                     | (2.800.886.956)          |
| Lợi nhuận sau thuế                      |                   |                   |                     |                     | <b>1.447.522.797.608</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                  | 2013                      | 2012                      |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                  | VNĐ                       | VNĐ                       |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 539.473.135.730           | 922.033.399.008           |
| Chi phí nhân công                | 3.059.271.640.525         | 2.777.874.057.144         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.103.264.409.330         | 1.022.587.921.292         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 6.315.324.346.685         | 3.560.614.811.700         |
| Chi phí khác                     | 439.987.817.555           | 319.481.733.400           |
| Giá vốn thương mại               | 1.066.955.603.665         | 1.434.255.965.620         |
|                                  | <b>12.524.276.953.490</b> | <b>10.036.847.888.164</b> |

### 27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                    | 2013                  | 2012                  |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | VNĐ                   | VNĐ                   |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay         | 62.175.966.055        | 27.677.954.296        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 36.635.224.185        | 26.521.958.640        |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | -                     | 20.994.624            |
|                                    | <b>98.811.190.240</b> | <b>54.220.907.560</b> |

### 28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                     | 2013                   | 2012                   |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | VNĐ                    | VNĐ                    |
| Chi phí lãi vay                     | 222.995.412.065        | 301.836.314.284        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 25.780.070.790         | 1.775.357.892          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 65.404.833.910         | 81.212.225.180         |
| Chi phí tài chính khác              | 32.299.857.840         | 35.614.484.524         |
|                                     | <b>346.480.174.605</b> | <b>420.438.381.880</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

|   | 2013                     | 2012                     |
|---|--------------------------|--------------------------|
|   | VNĐ                      | VNĐ                      |
| Lợi nhuận trước thuế                                | 2.291.100.524.340        | 1.697.324.769.428        |
| Thu nhập không chịu thuế                            | (615.398.812.020)        | (350.729.919.316)        |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ               | 37.678.498.975           | 94.071.057.476           |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                           | <b>1.713.380.211.295</b> | <b>1.440.665.907.588</b> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        | 294.429.714.390          | 246.705.285.608          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước    | (3.120.340.815)          | 5.897.573.168            |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> | <b>291.309.373.575</b>   | <b>252.602.858.776</b>   |

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành (25%), ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- Công ty Mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).
- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
  - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD DeepWater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V. PVD DeepWater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

|  | 2013<br>VNĐ       | 2012<br>VNĐ       |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty | 1.883.397.817.529 | 1.321.789.346.039 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu     | 1.883.397.817.529 | 1.321.789.346.039 |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm       | 225.004.420       | 210.152.326       |
| Số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức        | 25.020.480        | 25.020.480        |
| Tổng số cổ phiếu bình quân đã điều chỉnh       | 250.024.900       | 235.172.806       |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                | <b>7.533</b>      | <b>5.621</b>      |

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", tổng số cổ phiếu bình quân trong năm được điều chỉnh do việc Công ty đã phát hành 25.020.480 cổ phiếu để thanh toán 10% cổ tức năm 2012, như trình bày tại Thuyết minh số 23 - Vốn chủ sở hữu. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2012 đã được trình bày lại, những thay đổi so với số liệu báo cáo trước đây như sau:

|  | Số cổ phiếu phổ thông<br>bình quân gia quyền<br>(VNĐ) | Lãi cơ bản<br>trên cổ phiếu<br>(VNĐ) |
|--|---|--------------------------------------|
| Số báo cáo trước đây   | 210.152.326   | 6.290                                |
| Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức<br>bằng cổ phiếu trong năm 2013 | 25.020.480  | (669)                                |
| <b>Số điều chỉnh lại</b>   | <b>235.172.806</b>                                    | <b>5.621</b>                         |

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty Mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|   | 31/12/2013<br>VNĐ   | 31/12/2012<br>VNĐ   |
|---|---------------------|---------------------|
| Các khoản vay                             | 5.612.948.580.600   | 6.808.676.365.856   |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền   | (2.597.616.954.888) | (1.067.748.648.852) |
| Nợ thuần                                  | 3.015.331.625.712   | 5.740.927.717.004   |
| Vốn chủ sở hữu                            | 9.838.241.877.560   | 6.992.136.471.376   |
| <b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b> | <b>31%</b>          | <b>82%</b>          |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

#### Các loại công cụ tài chính

|                                      | Giá trị ghi sổ           |                          |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                      | 31/12/2013<br>VNĐ        | 31/12/2012<br>VNĐ        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 2.597.616.954.888        | 1.067.748.648.852        |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 4.038.187.246.692        | 3.063.604.787.180        |
| Các khoản đầu tư khác                | 35.779.122.672           | 33.224.575.664           |
| Các khoản ký quỹ, ký cược            | 30.027.963.277           | 26.024.835.936           |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>6.701.611.287.529</b> | <b>4.190.602.847.632</b> |
| Các khoản vay và nợ                  | 5.612.948.580.600        | 6.808.676.365.856        |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 2.453.807.138.676        | 2.379.025.292.740        |
| Chi phí phải trả                     | 1.553.908.178.820        | 768.856.184.916          |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>9.620.663.898.096</b> | <b>9.956.557.843.512</b> |

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

|                         | Công nợ           |                   | Tài sản           |                   |
|-------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|                         | 31/12/2013        | 31/12/2012        | 31/12/2013        | 31/12/2012        |
|                         | VND               | VND               | VND               | VND               |
| USD (các công ty con)   | 4.471.336.630.650 | 4.759.755.245.490 | 1.562.834.489.467 | 1.572.378.065.078 |
| VND (Công ty Mẹ)        | 331.097.893.827   | 391.667.894.844   | 2.391.902.719.408 | 992.653.857.208   |
| DZD                     | 17.310.581.845    | 23.654.984.440    | 53.341.575.481    | 34.929.430.776    |
| SGD                     | 13.441.657.219    | 10.256.956.971    | 360.294.652       | 327.065.384       |
| EUR                     | 5.828.036.801     | 5.591.786.674     | 176.696.720       | 3.901.134.235     |
| Norwegian krone ("NOK") | 74.818.057        | 768.761.480       | -                 | -                 |
| Bạt Thái ("THB")        | -                 | 294.237.156       | -                 | -                 |
| GBP                     | 1.337.941.977     | 604.699.324       | 247.354.541       | -                 |
| Đô la Úc ("AUD")        | 617.590.465       | -                 | -                 | -                 |

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty Mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi của đồng đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

|                                       | 31/12/2013            | 31/12/2012            |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                       | VND                   | VND                   |
| Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty Mẹ      | 41.216.087.232        | 12.019.713.832        |
| Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con | 58.170.042.824        | 63.747.543.608        |
| <b>Giảm/tăng lợi nhuận hợp nhất</b>   | <b>16.953.955.592</b> | <b>51.727.829.776</b> |

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng/giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 16.484.356.536 đồng (năm 2012: 19.217.141.652 đồng).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| 31/12/2013                           | Dưới 1 năm               | Từ 1- 5 năm                | Trên 5 năm               | Tổng cộng                  |
|--------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|
|                                      | VND                      | VND                        | VND                      | VND                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 2.597.616.954.888        | -                          | -                        | 2.597.616.954.888          |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 4.038.187.246.692        | -                          | -                        | 4.038.187.246.692          |
| Các khoản đầu tư khác                | 20.000.000.000           | 9.979.120.788              | 5.800.001.884            | 35.779.122.672             |
| Các khoản ký quỹ, ký cược            | 14.036.375.041           | 15.991.588.236             | -                        | 30.027.963.277             |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>6.669.840.576.621</b> | <b>25.970.709.024</b>      | <b>5.800.001.884</b>     | <b>6.701.611.287.529</b>   |
| Các khoản vay và nợ                  | 1.829.467.935.552        | 3.290.019.755.784          | 493.460.889.264          | 5.612.948.580.600          |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 2.453.807.138.676        | -                          | -                        | 2.453.807.138.676          |
| Chi phí phải trả                     | 1.553.908.178.820        | -                          | -                        | 1.553.908.178.820          |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>5.837.183.253.048</b> | <b>3.290.019.755.784</b>   | <b>493.460.889.264</b>   | <b>9.620.663.898.096</b>   |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>  | <b>832.657.323.573</b>   | <b>(3.264.049.046.760)</b> | <b>(487.660.887.380)</b> | <b>(2.919.052.610.567)</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| 31/12/2012                           | Dưới 1 năm<br>VNĐ        | Từ 1- 5 năm<br>VNĐ         | Trên 5 năm<br>VNĐ          | Tổng cộng<br>VNĐ           |
|--------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 1.067.748.648.852        | -                          | -                          | 1.067.748.648.852          |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 3.063.604.787.180        | -                          | -                          | 3.063.604.787.180          |
| Các khoản đầu tư khác                | -                        | 10.006.248.400             | 23.218.327.264             | 33.224.575.664             |
| Các khoản ký quỹ, ký cược            | 8.918.341.320            | 17.106.494.616             | -                          | 26.024.835.936             |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>4.140.271.777.352</b> | <b>27.112.743.016</b>      | <b>23.218.327.264</b>      | <b>4.190.602.847.632</b>   |
| Các khoản vay và nợ                  | 1.940.772.805.772        | 3.767.286.473.540          | 1.100.617.086.544          | 6.808.676.365.856          |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 2.379.025.292.740        | -                          | -                          | 2.379.025.292.740          |
| Chi phí phải trả                     | 768.856.184.916          | -                          | -                          | 768.856.184.916            |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>5.088.654.283.428</b> | <b>3.767.286.473.540</b>   | <b>1.100.617.086.544</b>   | <b>9.956.557.843.512</b>   |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>  | <b>(948.382.506.076)</b> | <b>(3.740.173.730.524)</b> | <b>(1.077.398.759.280)</b> | <b>(5.765.954.995.880)</b> |

### 32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

### 33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

|   | 2013<br>VNĐ    | 2012<br>VNĐ    |
|---|----------------|----------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 44.536.511.885 | 34.366.470.764 |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

|                                | 31/12/2013<br>VNĐ      | 31/12/2012<br>VNĐ      |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Trong vòng một năm             | 45.227.421.036         | 38.023.501.766         |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 59.137.265.676         | 78.128.055.835         |
| Sau năm năm                    | 37.925.005.032         | 33.328.837.782         |
|                                | <b>142.289.691.744</b> | <b>149.480.395.383</b> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 38 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

|  | 2013<br>VNĐ       | 2012<br>VNĐ       |
|--|-------------------|-------------------|
| <b>Cung cấp dịch vụ</b>  |                   |                   |
| Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam  | 1.520.229.002.505 | 2.883.900.699.040 |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam | 2.612.295.908.385 | 4.598.377.551.362 |
| <b>Mua hàng</b>  |                   |                   |
| Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam  | 311.120.268.750   | 319.790.091.940   |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam | 6.061.603.640     | 125.072.973.120   |
| <b>Vay từ PVcomBank</b>  |                   |                   |
| Lãi vay đã trả   | 251.554.960       | 1.857.131.119     |
| Hoàn trả nợ gốc trong năm  | 29.202.754.875    | 58.106.995.800    |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

|                         | 2013<br>VNĐ          | 2012<br>VNĐ           |
|-------------------------|----------------------|-----------------------|
| Lương                   | 5.411.898.000        | 6.352.841.524         |
| Tiền thưởng             | 1.053.323.000        | 5.971.830.577         |
| Các khoản phúc lợi khác | 306.380.000          | 248.150.000           |
|                         | <b>6.771.601.000</b> | <b>12.572.822.101</b> |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

### 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|  | 31/12/2013      | 31/12/2012        |
|--|-----------------|-------------------|
|  | VNĐ             | VNĐ               |
| <b>Các khoản phải thu</b>  |                 |                   |
| Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam  | 721.930.781.664 | 87.444.483.480    |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam | 912.676.773.192 | 1.086.553.791.836 |
| <b>Các khoản phải trả</b>  |                 |                   |
| Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam  | 101.467.671.900 | 75.820.397.508    |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam | 2.271.425.208   | 50.853.686.456    |
| <b>Các khoản vay phải trả</b>  |                 |                   |
| PVcomBank  | -               | 29.053.497.900    |
| <b>Lãi vay phải trả</b>  |                 |                   |
| PVcomBank  | -               | 92.205.973        |
| <b>Phải trả khác</b>   |                 |                   |
| Petro Việt Nam   | 476.437.653.516 | 947.358.414.144   |

### 35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 24 tháng 03 năm 2014.



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

Ngày 24 tháng 03 năm 2014

## GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

Tên : Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling)  
 Trụ sở : Lầu 4, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Điện thoại : (84-8) 39 142 012  
 Fax : (84-8) 39 142 021  
 Website : www.pvdrilling.com.vn

### Công ty 100% vốn của PV Drilling:



#### XÍ NGHIỆP ĐIỀU HÀNH KHOAN (PVD Drilling Division)

Trụ sở : Lầu 3, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Điện thoại : (84-8) 39 100 662

#### XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ ĐẦU TƯ KHOAN DẦU KHÍ (PVD Invest)

Trụ sở : Lầu 22, Green Power Building, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Điện thoại : (84-8) 38 270 728

#### CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ BIỂN PVD (PVD Offshore)

Trụ sở : 43A Đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
 Điện thoại : (84- 64) 3 590 124

#### CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA VẬT LÝ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ (PVD Logging)

Trụ sở : Lầu 10, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Điện thoại : (84-8) 39 105 860

#### CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ PVD (PVD Well Services)

Trụ sở : Phòng 13, Lầu 12A, Vincom Center, 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Điện thoại : (84-8) 39 104 365

#### CÔNG TY TNHH MTV KHOAN DẦU KHÍ NƯỚC SÂU PVD (PVD Deepwater)

Trụ sở : Lầu 5, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Điện thoại : (84-8) 35 218 866



**Công ty Cổ phần và Liên doanh của PV Drilling:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
KHOAN DẦU KHÍ PVD  
(PVD Tech)**

Trụ sở : Lầu 8, Green Power Building, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại : (84-8) 22 205 333

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO KỸ THUẬT PVD  
(PVD Training)**

Trụ sở : Khu công nghiệp Đồng Xuyên, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
Điện thoại : (84-64) 3 615 299

**CÔNG TY LIÊN DOANH DỊCH VỤ BJ - PV DRILLING  
(BJ - PV Drilling)**

Trụ sở : 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu,  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam  
Điện thoại : (84-64) 3 838 095

**CÔNG TY TNHH PV DRILLING EXPRO INTERNATIONAL  
(PVD - Expro)**

Trụ sở : 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu,  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam  
Điện thoại : (84-64) 3 597 291

**CÔNG TY TNHH CẢN ỐNG KHOAN DẦU KHÍ VIỆT NAM  
(PVD Tubulars Management)**

Trụ sở : Phòng 1204, Lầu 12, Gemadept Tower, 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại : (84-8) 38 257 461

**CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN PV DRILLING  
VÀ BAKER HUGHES (PV Drilling- Baker Hughes)**

Trụ sở : Lầu 10, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại : (84-8) 38 213 732

**CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH PVD TECH – OIL STATES INDUSTRIES  
(PVD Tech – Oil States Industries Joint Venture Co., Ltd)**

Trụ sở : Đường số 11, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam  
Điện thoại : (84-64) 3 899 199

**CÔNG TY TNHH VIETUBES  
(Vietubes Corporation Limited)**

Trụ sở : Đường số 11, KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu,  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam  
Điện thoại : (84-64) 3 834 664

**CÔNG TY LIÊN DOANH PV DRILLING OVERSEAS  
(PVD Overseas)**

Trụ sở : No.10 Anson Road, #22-14 International Plaza, Singapore 079903





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Sailing Tower, 111A Pasteur,  
Phường Bến Nghé, Quận 1,  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tel:** +84 - 8 - 39 142 012  
**Fax:** +84 - 8 - 39 142 021 / 39 142 022  
**Web:** [www.pvdrilling.com.vn](http://www.pvdrilling.com.vn)